

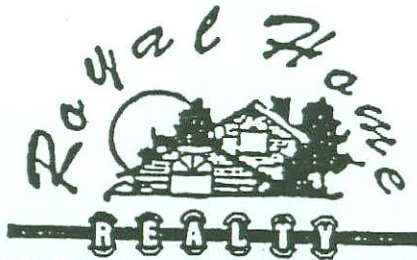
**AAS**

VĂN PHÒNG KHAI-THUẾ

American Asian Services

Tel: (818) 609-1872

TAX YEAR 1988



18601 SHERMAN WAY, RESEDA, CA

**(818) 705-4000**

CÔNG TY ĐỊA ỐC ĐẦU TIÊN  
VÙNG SAN FERNANDO VALLEY  
VÀ PHỤ CẬN

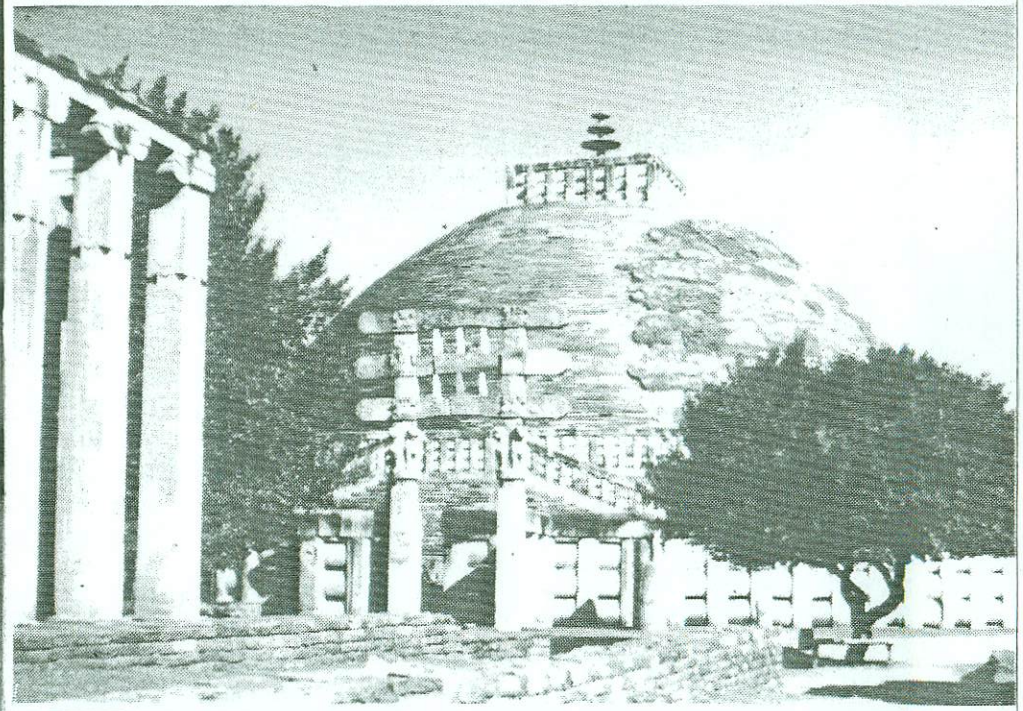
CÔNG TY MUA BÁN NHÀ ĐẤT UY TÍN VÀ CÓ KHẢ NĂNG  
NHẤT VÙNG SAN FERNANDO VALLEY DƯỚI SỰ ĐIỀU HÀNH  
CỦA ÔNG NGUYỄN HUY ĐỘNG VÀ CÁC CỘNG SỰ VIÊN

18601 Sherman Way #A Reseda, CA 91335

# PHẬT-GIÀO THÔNG-NHẤT

SỐ  
4

Phật Đản  
Kỷ Ty 1989



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THÔNG NHẤT  
TẠI HOA KỲ



VĂN PHÒNG LUẬT SU



TOPLITZKY & TARACENA

(818) 881-9236

**PHỤ TRÁCH CHUYÊN NGHIỆP VỀ TAI NẠN XE CỘ**

KHI CHÂNG MAY GẶP PHẢI TAI NẠN XIN LIÊN LẠC

**TANYA MỸ NGUYỄN**

PHỤ TÁ PHÁP LÝ

TEL. (818) 881-9236 hoặc (213) 748-7141

18625 SHERMAN WAY, Suite # 203

RESEDA, CA 91335

TEL. (818) 881-9236

**RESEDA (TRONG KHU BA-LE)**

**THAM KHẢO MIỄN PHÍ**

\* AN CẦN

\* TẬN TÂM

\* KINH NGHIỆM

\* NHANH CHÓNG

**CHỈ NHẬN THỦ LAO SAU KHI ĐƯỢC  
BỒI THƯỜNG**

# PHẬT-GIAO THÔNG-NHẤT

SỐ  
4

Phật Đản  
Kỷ Ty  
1989

Chủ Trương : GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM  
THÔNG NHẤT TẠI HOA KỲ

Điều Hành : Thượng Tọa Thích-Trí-Chơn

VỚI SỰ CỘNG TÁC

Thượng Tọa Thích-Đức-Niệm \* T.T. Thích  
-Trí-Chơn \* T.T. Thích-Nguyên-Đạt \*  
Thượng Tọa Thích-Tín-Nghĩa \*  
Võ-Thành-Thân \* Phan-Quang-Đán \*  
Trần-Chung-Ngọc \* Minh-Đức  
Hoài-Trình \* Đặng-Tấn-Hậu \* Thiện-Bữu  
\* Huỳnh-Trung-Chánh \* Diệu-Nghiêm \*  
Minh-Thành.

Quản Lý : Thích-Nữ Diệu-Tánh

TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ  
PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ  
9250 Columbus Ave  
Sepulveda, CA 91343  
Tel. (818) 893-5317

## TRONG SỐ NÀY :

Phật Đản Và Chúng Sanh .....	1
Lịch Sử Thánh Tích Phật Giáo Tại Ấn-Độ .....	13
Thiên Thượng Thiên Hạ Duy Ngã Độc Tôn .....	33
Đời Là Bể Hạnh Phúc .....	40
Tổ Giác Tiên Và Phong Trào Chấn Hưng P.G ..	47
Vạn Cảnh Giai Không .....	54
Vài Nhận Định Về Phật Giáo .....	59
Đưa Nhau Lên Chùa .....	66
Tánh Không .....	78
Tu Bồ Tát Hạnh .....	94
Ngộ .....	117
Hoa Nghiêm Vi Tự Điển .....	135
Tin Tức Phật Sự .....	151
Tri Ân .....	171
Hình Ảnh Sinh Hoạt .....	172
Quảng Cáo .....	180

### Hình Bìa:

Đại Tháp Phật Giáo ở Sanchi, tiểu bang Madhya Pradesh (Ấn Độ), kiến tạo vào thế kỷ thứ 3 trước Tây Lịch; nơi hiện tồn thờ xá lợi của hai Ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên.

Ảnh: T.T. Thích Trí Chơn



# PHẬT ĐẢN VÀ CHÚNG SANH

THÍCH-ĐỨC-NIỆM

Đức Phật vì chúng sanh mà xuất hiện ở đời. Ngài mang tâm nguyện “chúng sanh vô biên thề nguyện độ” mà vào cõi đời ác thế ngũ trược này để độ sanh. Bởi thế nên Phật nói trong Kinh Pháp-Hoa : “Ta ra đời vì một đại sự nhơn duyên lớn, ấy là khai thị chúng sanh thể nhập tri kiến Phật”.

Cõi trần thế mà chúng ta đang ở đây Phật pháp gọi là cõi Ta-Bà và kiếp sống chúng sanh trong cõi Ta-Bà này đầy đầy ác trược. Bởi thế, nên A-Nan tôn giả khi đã được đức Phật khai thị ngộ nhập chơn tánh tri kiến Phật rồi, để tỏ lòng báo đáp thâm ân cứu độ, liền phát nguyện : “Ngũ trược ác thế tiên nhập, như như chúng sanh vị thành Phật, chung bất ư tử tử”

PGTN 1

nê hoàn". Có nghĩa là cõi đời ngũ trược ác thế, con thề nguyện vào trước độ sanh, nếu còn một chúng sanh nào chưa thành Phật, thì con thề không nhận lãnh quả Niết Bàn.

Sao gọi cõi đời này là Ta-Bà ngũ trược ác thế? - Ta-Bà có nghĩa là khó nhẫn chịu việc trái ý nghịch lòng, thiên nan vạn nan khó đạt thành như ý. Ác thế là cõi đời nhiều xấu ác phiền khổ, ít an vui mãn nguyện. Ngũ trược là mạng sống mong manh ngắn ngủi, nhiều thất vọng rủi ro, thấy biết có giới hạn tà kiến thiên lệch, tạo nhiều tội ác tác hại phiền khổ cho nhau.

Tất cả những điều xấu ác chính do tâm ý ô trược của con người gây nên chớ không ai khác, để rồi nối tiếp chịu khổ đau phiền lụy hiện hữu chất chồng hoành hành kiếp sống con người, không ngớt làm cho con người mãi đời suốt kiếp rầy rức đau nhức trầm luân khổ hải đều bắt nguồn từ tâm vô minh dục vọng tác động tạo thành. Vì vô minh dục vọng động khởi tạo nghiệp, để rồi theo đó nghiệp xoay lại sai khiến lụy kiếp không ngừng. Như kẻ cờ bạc ban đầu tập chơi nào ngờ ấy là khởi sự tạo nghiệp, sau đó thành tánh quen sở thích, hậu quả sở thích cờ bạc xoay lại sai khiến, và cứ thế

lôi kéo đắm chìm trong cờ bạc tửu sắc không thôi. Tài sắc danh lợi ăn ngủ năm thứ dục lạc này đã xô đẩy không biết bao kiếp người rơi vào hố thăm đau khổ, mà tựa hồ con người xem đó là việc dĩ nhiên, mặc tình buông lung theo sở thích không tự biết kềm chế trước sức hãm hử cuốn lôi của ngũ dục lạc trần gian, nên không nhận chân diện mục cuộc đời, không thấy được chân trời giải thoát an vui, như Chế-Lan-Viên đã nói :

*Biết làm sao giữ mãi được ta đây ?*

*Thịt cứ chịu theo những thú dục chua cay*

*Máu cứ chảy theo nhịp cuồng kẻ khác*

*Mắt theo dõi tinh hoa bao màu sắc*

*Đau đớn thay ! Cho đến cả một linh hồn*

*Cứ đi tìm chán nản với u buồn*

*Để đĩnh sọ cho vơi trần ý thị.*

Bởi thị hiếu nhục dục khuấy động, tâm trí con người ô nhiễm vẫn dục nhận giả làm chơn, nhận giặc làm con, nhận thù làm bạn, nhận tà làm chánh, nhận mê làm giác, theo đó để phải lang thang bao kiếp luân hồi không nhận được đâu là chân lý cuộc đời, đâu là chơn tánh của mình, đâu là nơi an định của tâm linh, như kẻ cùng tử trong Kinh Pháp-Hoa không nhận biết ông trưởng giả giàu sang phú quý kia

chính là cha đẻ mình, nên phải sống lang thang phiêu bạt qua các xóm làng nghèo hèn, cam phận hạ tiện đói rách bần nhơ của kẻ ăn chợ ngủ đình, chỉ vì một niệm bất giác mê muội nghe theo thầy tà bạn ác dẫn dụ mà tự phụ đặc tánh cao quý của mình là giòng dõi ông trưởng giả. Như Kinh Thủ - Lăng - Nghiêm Phật nói về sự mê lầm của chúng sanh : “Thí như trăm ngàn biển lớn trong lặng bỏ đi, chỉ nhận một bọt nước bấp bênh cho đầy là toàn biển cả”. (Thí như bách thiên trừng thanh đại hải khí chi, duy nhận nhứt phù âu thể mục vi toàn trào).

Đức Phật thương chúng sanh như mẹ hiền thương con nhỏ, con nhỏ dại khờ nên nhận giả làm chơn, thích nhỏ bỏ lớn, lầm lỗi sai quấy, nhận lấy hậu quả đớn đau. Ngài nói : “Ta không vào địa ngục cứu vớt chúng sanh thì ai thay ta vào đấy!”. Ngài xót thương theo dõi săn sóc chúng sanh như bóng với hình, như chúng sanh tự thương săn sóc chính da thịt thân thể mình. Để nói lên lòng đại bi ra đời cứu thế của đức Phật, Bác-sĩ Migot đã nói : “Cần phải có ta để mang gánh nặng cho chúng sanh. Ta nguyện hỷ xả cái thân ta trong vòng nghiệp chướng để đưa chúng sanh đến thế giới

Phật. Thà một mình ta chịu đau khổ còn hơn để hằng hà sa chúng sanh đau khổ ... Ta nguyện đem thân ta chịu hết cả hằng hà sa số đau khổ của chúng sanh, vì ta nguyện tế độ chúng sanh, nên ta nguyện thành Phật”.

Tinh thần lợi tha cứu thế quên mình của đức Phật đã khơi nguồn cảm hứng cho biết bao văn nhân thi sĩ triết gia bác học cổ kim của nhơn loại từ thế hệ này tiếp thế hệ khác suy tư tán thưởng kính ngưỡng quy phục tạo thành lớp lớp như ngọn sóng triều hầu làm tiêu giảm bớt nỗi khổ đau phiền muộn của thế nhơn. Với tinh thần đại thừa cứu thế, Kinh Pháp-Cú đức Phật nói : “Giả sử thế gian không có nhơn bản đáng sợ thì đâu có tiếng than thở rên xiết và ta cũng không cần thiết để xuất hiện ở cõi đời này”. Chính kiếp sống con người chìm nổi cuộn lăn trên vũng bùn lầy ngũ dục, và trôi nổi đổi thay theo sự thúc dục của tham vọng không cùng, mà tạo thành kiếp nhơn sanh mỗi một lo âu. Nhận chân kiếp sống bèo bọt của thế nhơn cũng như của chính tự bản thân, triết gia Aristotle nói : “Tôi sanh trong ngu muội, sống trong hồi hộp, chết trong hoài nghi” (Je suis né dans l'ignorance, J'ai vécu dans l'incertitude, Je meurs dans le doute).

Vì vô minh dục vọng khởi niệm bất giác mà con người rong ruổi đuổi bắt các thứ vật dục phù du của trần thế để rồi mang họa vào thân muôn kiếp. Với ý nghĩa đó, Kinh Ưu Bà Tắc nói : “Do mong tâm khởi ý theo danh lợi hư huyễn mà biến chơn thành vọng, đổi tịnh thành động, dính mắc trần lao”. Điều này ta còn thấy trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm Phật nói : “Tất cả chúng sanh vì vô minh che lấp chơn tánh, bị dục vọng phiền não sai khiến, tạo ra muôn ngàn ác nghiệp, vì đó mà phải trôi nổi trong bể khổ luân hồi”. Phật nói vô minh che lấp chơn tánh là hàm hữu ý nghĩa, chúng sanh vốn có chơn tánh Phật tâm thanh tịnh sáng suốt. Vì tánh vốn thanh tịnh sáng suốt, nên Phật đã nói : “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành”. Rõ ràng Phật xác quyết mỗi chúng sanh vốn có Phật tánh chơn tâm sáng suốt, bản tâm vốn sẵn thanh tịnh, nhưng vì khởi niệm bất giác nên vọng tình huân tập đắm nhiễm ngũ dục sống với phàm tâm, bất tịnh, tự đánh mất định hướng chơn thường chơn ngã của mình. Như mặt trời sáng chiếu bỗng bị mây mù che lấp tối tăm. Mây đến rồi đi, bản tánh của mây vô thường hư huyễn. Còn mặt

trời sáng chiếu, bản tánh sáng chiếu của mặt trời vẫn đời đời tồn tại thường hằng, dù mây đến hay đi, mây còn hay mất. Phật tánh và phiền não của chúng sanh nào có khác mây mù và mặt trời kia ? Bởi thế, Kinh Pháp-Bảo-Đàn còn ghi rõ khi Lục tổ Huệ-Năng được Ngũ tổ Hoằng-Nhẫn khai thị tỏ ngộ chơn tâm rồi liền thốt lên : “Nào ngờ tự tánh vốn đã thanh tịnh. Nào ngờ tự tánh vốn không sanh diệt. Nào ngờ tự tánh vốn đủ tất cả. Nào ngờ tự tánh vốn không biến động. Nào ngờ tự tánh hay sanh các pháp”. Đủ biết tự tánh chúng sanh đầy đủ tất cả khả năng công đức lành. Kinh Hoa-Nghiêm đã chẳng nói : “Con người có đủ đặc thù tối thắng tạo nên tất cả pháp lành” đó sao ? Cùng ý nghĩa ấy, ta thấy trong Di-Độ Tôn-Luân luận nói : “Tất cả những kết quả tốt đẹp giác ngộ đều thực hiện bởi con người”. Quả thật hoàn cảnh của con người dễ hành đạo tạo sinh lộ giác ngộ thăng hoa giải thoát. Xưa nay những bậc Phật Bồ-Tát thánh hiền đều xuất phát từ con người. Thế nên Kinh Ưu-Bà-Tắc nói : “Trong mọi loài chúng sanh, con người có đủ điều kiện hơn, như về trí khôn ngoan chẳng hạn. Hơn nữa hoàn cảnh của con người không quá khổ

như địa-ngục, không quá vui như cõi trời và không ngu si như thú vật”. Đủ biết trí năng con người có thể vượt ngoài thời gian ngắn ngủi, không gian hữu hạn và cái thân xác đầy bệnh hoạn mong manh trong cuộc đời phiền tạp khổ lụy vô thường này, để vươn đến cảnh đời an lạc sáng sủa tự tại hơn mà kiếp xưa ta đã từng thông dong nơi đó, như Hàn-Mặc-Tử nói :

*Nhớ khi xưa ta là chim Phượng Hoàng  
Vỗ cánh bay chín tầng trời cao ngất  
Bay từ Đạo-Lợi đến trời Đẩu-Suất  
Và lùa theo không biết mấy là thương.*

Đặc tánh thánh thiện của con người vốn sẵn có, chơn tánh Phật tâm của con người vốn thường hằng, khả năng tiến bộ trên quang lộ chơn thiện mỹ của con người vô cùng phong phú, mà con người cam phận tự giam mình trong yếu hèn như sư tử con ở trong bầy khỉ, tưởng mình là loài khỉ hèn nhác, đây chính là lý do đức Phật mang tâm nguyện cứu thế Đản-Sanh ra cõi đời ngũ trược ác thế này và, Ngài dành trọn cuộc đời cống hiến cho sự nghiệp hoằng pháp độ sanh, thức tỉnh quần mê trở về bến giác. Những ai đang còn lạc loài ngơ ngát bơ vơ giữa biển đời đầy chông gai hầm hố

phiền não hãy sớm quay về với ánh đạo từ bi trong ngày Đản-Sanh của đức từ phụ Thích Ca Mâu-Ni :

*Phật đản thánng tư mấy độ rồi  
Đây đèn chân lý mãi đang soi  
Hỡi ai trong cõi trường canh mộng  
Thức tỉnh mau lên giữa phút này.*

Cuộc đời vốn dĩ như giấc mộng, khóc nhiều hơn cười, thất vọng nhiều hơn là mãn nguyện, đã làm não nề lòng người trần thế, nên Tế-Điền Hòa-Thượng khuyên Hàn-Dũ khi ông này đau khổ vì bị vua gián chức thất sủng :

*Mạc ưu thế sự kiêm thân sự  
Tu trước hơn gian thử mộng gian.*

Dịch :

*Cuộc đời tạm gác buồn lo  
Kiếp người giả dối như trò chiêm bao.*

Lý-Bạch nhận chân cuộc đời tạm bợ mộng huyền, phiền lụy mâu thuẫn, nên từ chối không nhận bổng lộc quyền chức vua ban, lánh xa công danh triều đình phồn hoa phú quý, để sống thông dong tự tại cái thân ngoại vật là tiên trong đời, ông nói :

*Xử thế nhược đại mộng  
Hồ vi lao kỳ sanh.*

Dịch

*Thế gian như giấc mộng dài  
Làm chi cho nhọc một đời tài hoa.*

Khi con người mỗi gối chùng chân thấm mệt về cõi đời hư huyền chông chát khổ đau, muốn vươn lên tìm chân lý của sự chơn thường an lạc hầu mong được an ổn tâm hồn, nhưng tường thành vô minh của tâm thức sâu dày không tìm thấy đâu là chơn lý, như Thế Lữ đã thốt lên :

*Ngừng bước nản, tôi trông mây, trông nước*

*Trông bầu xanh nét mặt u trầm*

*Trông bốn phương trời bể mịt mù tăm*

*Và tôi hỏi nào đâu là chơn lý ?*

Tự bất mãn với khả năng kiến thức của mình quá ư là hạn hẹp, nên xoay ra gào thét kêu hỏi những đấng thần linh (?) mà cổ kim hơn loại tin tưởng vào đó có khả năng quyền uy tuyệt đối về kiếp sống hơn sinh, thịnh suy, họa phúc, vinh nhục, thăng trầm, nhưng thần linh vẫn tuyệt nhiên câm lặng không một giải đáp, nên thi hơn gào lên :

*Hỡi những đấng cao thâm vô cùng vô để  
Mây hằng bay, sóng hằng vỗ, gió không*

*ngừng*

*Hỏi có nghe thấy tiếng ta chẳng*

*Nghe thấy tiếng một linh hồn đau khổ*

*Ta khát biết lẽ nhiệm màu trong vũ trụ*

*Nhưng than ôi ! Tạo vật vẫn làm thình*

*Ngàn muôn năm giữ vẻ mặt vô tình*

*Và lãnh đạm cao siêu huyền bí ...*

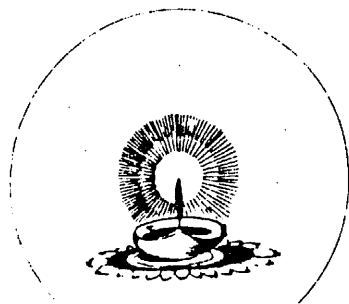
Bởi con người sống say chết ngủ trong huyền mộng với lòng dục vọng thôi thúc không ngừng, đức Phật động lòng thương kiếp đọa đày, nên Ngài ra đời chỉ dạy dẫn dắt thức tỉnh cơn mê, để chúng sanh trở về chơn tánh tự tâm nhận thức giả là khổ, chơn được vui ; tà là mê, chánh là giác ; tham đắm là trầm luân, hỷ xả là cội nguồn giải thoát. Khi đã nhận biết mê vọng là khổ để bước lên quang lộ chánh giác an vui thường lạc ngã tịnh.

Như thế, điều có ý nghĩa kỷ niệm Phật-Đản là dịp để ta lắng đọng tâm tư tự kiểm điểm lại lòng mình đã có thanh tịnh tiến bộ hơn những mùa Phật-Đản trong những năm qua chẳng ? Ta phải tự khắc sâu nơi lòng câu nói đầu tiên khi đức Phật vừa mới ra đời : “Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn”. Quán xem trong ta cái Ngã nào đáng ghét đã từng hại ta xa Phật, vứt bỏ đi. Cái Ngã nào



đáng quý đáng thương giúp ta nhận chân cùng Phật không hai, nên giữ lấy. Được như thế mới thấy chân giá trị của ngày Phật-Đản là kỷ nguyên khai sáng giải phóng chúng sanh nhơn loại thoát vòng trầm luân, mới không hoài công đức Phật ra đời :

*Hãy nhớ sâu những lời Phật dạy  
Lấy soi mình phản chiếu tự tâm  
Hầu thoát xa muôn kiếp lỗi lầm  
Nền Cực-Lạc thay trầm luân khổ hải  
Ngày Phật-Đản, ngày thế nhơn trọng đại  
Đưa sinh linh về lại cõi Niết- Bàn.*



## Lịch sử các thánh tích Phật Giáo tại Ấn Độ

THÀNH XÁ VỆ (SAVATTHI)  
NƠI ĐỨC PHẬT ĐÃ SỐNG 24 NĂM  
TẠI CHÙA KỶ VIÊN (JETAVANA VIHARA)

(tiếp theo)

THÍCH TRÍ CHƠN

IV.- XÁ VỆ QUA CÁC THỜI ĐẠI SAU  
NGÀY ĐỨC PHẬT NHẬP NIẾT BÀN (NĂM 543  
TRƯỚC TÂY LỊCH)

Sử liệu về Xá Vệ sau ngày đức Thế Tôn diệt độ rất thiếu sót nên chúng ta không biết nhiều về sinh hoạt của Phật tích này vào các thế kỷ sau đó cho đến thời đại của vua A Dục, thế kỷ thứ 3 trước Tây Lịch.

A/ XÁ VỆ THỜI VUA A DỤC - ASOKA  
(273-232 TRƯỚC TÂY LỊCH) THUỘC VƯƠNG  
TRIỀU MAURYA (322-185 TRƯỚC T.L.)

Sau khi quy y Phật Giáo, Vua A Dục đã đi chiêm bái hầu hết các Phật tích trong đó có chùa Kỳ Viên ở Xá Vệ vào thế kỷ thứ 3 trước tây lịch. Sách Tây Du Ký (Si Yu Ki) của ngài Huyền Trang, danh Tăng Trung Hoa, đến viếng Ấn Độ vào thế kỷ thứ 7 sau tây lịch, ghi chép rằng vua A Dục đã cho xây hai trụ đá, mỗi trụ cao 70 feet ở hai bên phải và trái nơi cổng vào phía đông của chùa Kỳ Viên. Một trụ trên

dó có xây bán xe Pháp và trụ kia tượng hình con bò. Nhà vua cũng cho dựng tại đây một ngọn tháp để thờ xá lợi đức Phật sát cạnh cái giếng xưa kia đức Thế Tôn thường đến mức nước dùng và những nơi Ngài ngồi thuyết pháp hoặc đi kinh hành. Kinh sách còn ghi chép vua A Dục đã cung kính lễ bái trước những tháp thờ xá lợi của các ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ca Diếp và A Nan.

#### **B/ XÁ VỆ DƯỚI TRIỀU ĐẠI SUNGA (185-73 TRƯỚC TÂY LỊCH)**

Brihadratha, vị vua cuối cùng thuộc vương triều Maurya trị vì xứ Magadha - Ma Kiệt Đà (nay gồm hai quận Gaya và Patna, tiểu bang Bihar, miền đông bắc Ấn Độ), bị tướng Pushyamitra sát hại năm 185 trước tây lịch dẫn đến sự cáo chung của triều đại Maurya (322-185 trước tây lịch). Sau đó, Pushyamitra lên ngôi (trị vì : 185-147 trước T.L.) lập nên vương triều Sunga kéo dài 112 năm (185-73 trước T.L.).

Theo tài liệu ghi chép ở tập Mahavamsa (Đại Sử của Tích lan, do Đại Đức Mahanama viết vào thế kỷ thứ 5 hay 6 sau tây lịch) cho biết vào thời kỳ này, sinh hoạt Phật Giáo tại Xá Vệ (Savatthi) vẫn còn tiếp tục. Bấy giờ, Thượng Tọa Piyadassi đã hướng dẫn một phái đoàn gồm 1,000 chư Tăng (có sách nói 60,000) từ chùa Kỳ Viên sang Tích Lan dưới triều

vua Duttha-Gamani (101-77 trước T.L.) để dự lễ khánh thành một ngôi đại tháp (Mahathupa).

#### **C/ XÁ VỆ DƯỚI VƯƠNG TRIỀU KUSHANS (48-220)**

Sử liệu ghi chép các vua đầu tiên của triều đại Kushans như Kanishka (Ca Nị Sắc Ca, trị vì 78-101) ; Vasishka (102-106) và Huvishka (106-138) đều ủng hộ Phật giáo nên các chùa tháp tại vườn ông Cấp Cô Độc vào thời kỳ này đã được trùng tu. Một số chùa tháp mới được xây cất thêm mà di tích của chúng hiện còn đến ngày nay. Nhà khảo cổ A.Cunningham cũng đã tìm thấy tại đây một pho tượng Phật rất lớn được tạc làm ra ở Mathura (miền tây tiểu bang Uttar Pradesh, phía bắc Ấn Độ) do đại đức Bala dâng cúng. Trên pho tượng này có khắc mấy dòng chữ Brahmi, cổ ngữ Ấn Độ, cho chúng ta biết giáo phái Nam Tông Phật Giáo Nhất Thiết Hữu Bộ (Sarvastivadin) rất được thịnh hành, phát triển tại Xá Vệ vào thế kỷ thứ nhất sau tây lịch. Ngoài ra, người ta còn tìm thấy trong vườn ông Cấp Cô Độc (Jetavana) một tượng Bồ Tát đứng thuộc triều vua Ca Nị Sắc Ca (Kanishka) hoặc Huvishka nói trên và một pho tượng Phật, Ngài ngồi trên tòa sư tử với tay bắt ấn Vô Úy (Abhaya-mudra) do Sihadeva ở thị trấn Saketa (cách Xá Vệ 49 dặm) dâng cúng.

## D/ XÁ VỆ DƯỚI VƯƠNG TRIỀU GUPTAS (320-570)

Sử liệu ghi chép cho thấy rằng sinh hoạt Phật Giáo tại Xá Vệ bắt đầu suy thoái dưới triều Guptas. Một số đền chùa Bà La Môn đã mọc lên thay thế cho các chùa tháp Phật Giáo bị đổ nát. Trong thời kỳ này, danh tăng Trung Hoa đầu tiên sang Ấn độ hành hương chiêm bái vào những năm 399-414 là ngài Pháp Hiển (Fa Hien) dưới các triều vua Guptas như Chandragupta II (375-413) và Kumara Gupta (413-455). Ngài đến thăm chùa Kỳ Viên ở Xá Vệ khoảng vào năm 407 sau tây lịch và đã diễn tả trong tập ký sự của Ngài về sinh hoạt Phật Giáo ở thánh địa này bấy giờ như sau :

"Từ nơi đây đi về hướng nam sáu do tuần (hay 42 dặm), chúng tôi đến thành Xá Vệ (Sravasti) trong vương quốc Kiều Tát La (Kosala) ; tại đây, dân chúng ở cách xa nhau và thưa thớt, tổng cộng có khoảng 200 gia đình. Chúng tôi thấy các di tích : Kinh thành xưa kia vua Ba Tư Nặc trị vì, ngôi chùa của bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề (Maha-Prajapati) ; cái giếng cũng như bức tường ngôi nhà của ông trưởng giả Cấp Cô Độc (Sudatta) ; nơi đại đức Angulimala (Vô Não) dắc quả A La Hán và thân thể Ngài được hỏa thiêu khi nhập diệt. Những ngôi chùa xây dựng ngày xưa hiện nay vẫn còn. Các tu sĩ Bà La Môn vì khác tôn giáo nên sanh lòng ganh ghét và muốn phá hủy các chùa trên ...

nhưng họ không thể thực hiện được.

Từ trong thành đi ra theo hướng cổng phía nam và không xa đó, chúng tôi thấy ngôi chùa Kỳ Viên do ông Cấp Cô Độc xây cất, mặt quay về hướng nam. Khi chùa mở cửa nhìn ra sẽ thấy hai trụ đá hai bên, trên đỉnh trụ đá bên trái có một bánh xe pháp luân, và tượng hình con bò trên đỉnh trụ đá bên phải. Chúng tôi cũng thấy hai bên phải và trái ngôi chùa có những ao nước sạch và trong, với các lùm cây luôn luôn xanh tươi và nhiều hoa đủ loại, tạo thành một cảnh trí thật đáng yêu...

Chùa Kỳ Viên nguyên thủy có bảy tầng. Các vua chúa và dân chúng thi đua đến cúng bái, treo cờ, phướn bằng lụa, kết hoa, đốt hương và thắp đèn tạo cho cảnh chùa về đêm cũng sáng sủa rực rỡ như ban ngày. Họ làm như vậy liên tục ngày nọ qua ngày kia. Hình như bữa nọ, có một con chuột ngậm nơi miệng cái tiêm bấc đèn còn đỏ chạy vướng mấy lá cờ và phướn gây hỏa hoạn thiêu trụi cả ngôi chùa bảy tầng. Các vua quan và dân chúng tất cả đều buồn rầu, đau khổ nghĩ rằng pho tượng Phật bằng gỗ trầm cũng cháy luôn ; nhưng bốn năm ngày sau, khi mở cửa ngôi chùa nhỏ ở phía đông người ta lại thấy pho tượng còn trong đó. Mọi người ai nấy đều vui mừng, chung nhau lo tu bổ lại chùa Kỳ Viên. Khi chùa sửa chữa xong được hai tầng, người ta thỉnh pho tượng Phật nơi chùa nhỏ nói trên về lại chỗ cũ ở chùa Kỳ Viên.

Khi ngài Pháp Hiển và Tao Ching đầu tiên đến

thăm chùa Kỳ Viên, họ tưởng nghĩ tới đức Thế Tôn xưa kia đã sống tại đây 25 năm, tâm trí họ cảm thấy đau buồn. Sinh ra ở một nước láng giềng, họ cùng với những người bạn khác đã du hành qua nhiều vương quốc ; vài người trong số đó đã trở về bốn xứ quê hương, có người đã qua đời, cho thấy cuộc sống thế gian là không chắc thực và vô thường ; và ngày nay họ được nhìn thấy nơi xưa kia đức Phật đã sống, nhưng bây giờ thì Ngài không còn. Lòng họ cảm thấy xót xa và một số đông chư Tăng chạy đến hỏi họ từ đâu đến. Họ trả lời : "Từ nước Hán". Các vị Sư ngạc nhiên nói : "Kỳ lạ, quý vị từ nước láng giềng lại có thể đến đây để tìm cầu học Đạo". Rồi họ nói với nhau : "Từ trước nay, chúng ta, giáo sư lẫn chư Tăng, chưa bao giờ thấy những người nước Hán theo Phật Giáo, đến đây".

Cách xa khoảng bốn lý (hay 12 dặm) về phía tây bắc chùa Kỳ Viên, chúng tôi đến một khu rừng gọi là "Con mắt sáng lại" (Getting of Eyes). Trước kia có 500 người mù muốn sống ở đây để được gần chùa. Nhờ tin tưởng nghe đức Phật thuyết pháp mà mắt họ được sáng lại. Với lòng tràn ngập niềm vui, họ cắm những chiếc gậy dò đường của họ xuống đất, và cúi xuống nền đất lay Phật. Những cây gậy này tức thì bắt đầu mọc lên và trở thành to lớn. Dân chúng không ai dám đốn hạ, khiến chúng cao thành rừng. Bằng vào sự việc xảy ra như thế, người ta đã đặt tên cho khu rừng ; và phần đông chư Tăng chùa Kỳ Viên, sau khi thọ trai buổi trưa xong, họ vào trong rừng ấy để ngồi thiền.

Khoảng sáu lý (18 dặm) hay bảy lý (21 dặm) cách xa hướng đông bắc khu vườn của thái tử Kỳ Đà (Jetavana) bà Visàkha dựng một ngôi chùa khác và cung thỉnh đức Phật cùng chư Tăng về trú tại đó, hiện nay ngôi chùa vẫn còn thấy. Tại mỗi tịnh xá lớn dành cho chư Tăng ở chùa Kỳ Viên có hai cái cổng vào, một cái đối diện hướng đông, còn cái kia quay ra phía bắc. Toàn thể khu vườn mà ông Cấp Cô Độc đã trả mua bằng cách lát tiền vàng trên mặt đất, chùa Kỳ Viên được xây ngay chính giữa. Tại đây, đức Phật đã thường trú lâu hơn các nơi khác để thuyết pháp và hóa độ cho mọi người. Bên ngoài cổng phía đông của chùa Kỳ Viên cách xa khoảng 175 feet về hướng bắc là nơi đức Phật đã tổ chức một cuộc tranh biện với 96 đạo sư chấp theo tà kiến với đông đảo người đến dự nghe gồm có nhà vua, các đại thần và dân chúng. Khi ấy, một phụ nữ tín đồ của một trong các giáo phái ngoại đạo nói trên tên Chiền Già (Cinca) do lòng ganh ghét xúi giục, cô ta lấy nhiều vải dụn nơi bụng giả giống như người đàn bà mang thai đến phủ háng mặt sát đức Phật trước mặt toàn thể đại chúng bảo rằng Ngài đã lấy cô ta. Thấy vậy, Đế Thích, vua các cõi Trời cùng với các vị Thiên Thần cải dạng hóa thành mấy con chuột trắng đến cắn sợi giây quanh lưng, tức thì những mảnh giẻ nơi bụng cô rơi xuống đất. Lúc bấy giờ mặt đất nứt ra, cô ta bị đọa vào cảnh địa ngục. Về sau, người ta dựng tháp tại đây để ghi dấu nơi đã xảy ra sự việc này..."

Trích "Fa Hien's Record of Buddhistic Kingdoms" translated of Chinese Text by Jame Legg, San Francisco, 1975 ("Ký Sự về các Vương Quốc Phật Giáo" của ngài Pháp Hiển) Chương XX, trang 55,56,57,58,59 và 60.

### E/ XÁ VỆ DƯỚI TRIỀU ĐẠI VUA HARSHA-VARDHANA (606-647)

Ngài Huyền Trang (Hiuen Tsiang), danh Tăng Trung Hoa thứ hai sang hành hương Ấn độ vào những năm 629-645 dưới triều vua Harsha-Vardhana (606-647) đóng đô tại Kanauj (nay thuộc quận Farrakhabad, tiểu bang Uttar Pradesh, miền bắc Ấn). Ngài đến thăm Xá Vệ khoảng vào năm 637-638 và qua tài liệu ghi chép trong Tây Du Ký (Si Yu Ki) của ngài Huyền Trang cho chúng ta thấy tổng quát cảnh trí điêu tàn ở Xá Vệ cũng như sự sa sút của Phật Giáo bấy giờ tại đây như sau :

"Vương quốc Xá Vệ (Sravasti) có chu vi rộng khoảng 6,000 lý (hay 18,000 dặm). Thành phố chính trông vắng vẻ và điêu tàn ... Di tích các bức tường bao quanh hoàng cung có chu vi rộng 20 lý (60 dặm). Mặc dù hầu hết đã đổ nát, nhưng vẫn còn có một ít dân cư sinh sống. ngũ cốc trồng dồi dào, khí hậu mát mẽ và dễ chịu ; tính tình dân chúng hiền lành và ngay thẳng. Họ thích học hỏi và hâm mộ tôn giáo. Có hàng trăm Tăng xá, phần lớn đã đổ nát với rất ít tín đồ, họ

ngiên cứu về giáo phái Tiểu Thừa Chánh Lượng Bộ (Samatiya). Chúng tôi cũng thấy có 100 ngôi đền Ấn Độ giáo với nhiều đạo sĩ. Khi đức Thế Tôn còn tại thế, đây là thủ đô của vương quốc do vua Ba Tư Nặc trị vì.

Bên trong nội thành của thủ đô này, chúng tôi thấy một nền gạch cũ, đây là di tích cung điện của vua Ba Tư Nặc. Không xa nơi này về hướng đông là một cái nền đổ nát khác, trên đó xây một ngọn tháp nhỏ ghi dấu di tích ngôi đại giảng đường do vua Ba Tư Nặc thiết lập để dâng cúng cho đức Phật. Không xa cạnh đó là một ngọn tháp ghi dấu chỗ xưa kia vua Ba Tư Nặc đã xây một ngôi chùa dành cho Ni Sư Ba Xà Ba Đề (Prajapati), di mẫu của đức Phật. Về hướng đông của chùa này là ngọn tháp ghi dấu di tích ngôi nhà của ông Cấp Cô Độc. Cạnh đó là một đại tháp ghi dấu nơi đức Phật đã cứu độ cho tên sát nhân Vô Nã (Angulimala).

..... Về phía nam kinh thành cách xa 5 lý (15 dặm) hay 6 lý (18 dặm) là khu vườn của thái tử Kỳ Đà (Jetavana). Đây là nơi ông Cấp Cô Độc, đại thần của vua Ba Tư Nặc, xây cất chùa Kỳ Viên cho đức Phật. Trước kia tại đây có nhiều tịnh xá nhưng hiện nay tất cả đều suy tàn. Tại mỗi bên phải và trái cổng thành phía nam, chúng tôi thấy một trụ đá cao 70 feet, phần dưới của trụ đá bên trái có khắc một bánh xe pháp và trên đỉnh của trụ đá bên mặt có tạc hình tượng một con bò. Cả hai trụ đá này do vua A Dục dựng nên. Những phòng ở của chư Tăng hầu hết đã bị tàn phá ;

chỉ còn lại duy nhất có một cơ sở bằng gạch đứng đỡ đỡ một mình giữa cảnh đổ nát bên trong có đặt một pho tượng Phật.

Xưa kia vào lúc đức Thế Tôn lên cung trời Đao Lợi thuyết pháp cho thân mẫu (hoàng hậu Ma Gia), sau khi được tin vua Udayana ra lệnh cho thợ khắc một pho tượng Phật bằng gỗ trầm nên vua Ba Tư Nặc đã cho làm pho tượng Phật nói trên ... Ngài Cấp Cô Độc, khi nhận biết đức Phật là đáng có nhiều phước đức, ông ta hết lòng tôn kính đã phát tâm kiến lập ngôi chùa Kỳ Viên để dâng cúng cho Ngài... Đức Phật dạy Đại Đức A Nan : "Đất đai trong vườn do ông Cấp Cô Độc mua, cây cối thì của thái tử Kỳ Đà dâng cúng. Cả hai đều có đạo tâm, đáng được tán dương công đức. Vậy từ nay, chỗ này nên đặt tên là rừng cây của thái tử Kỳ Đà và vườn của ông Cấp Cô Độc".

Về hướng đông bắc khu vườn của ông Cấp Cô Độc, chúng tôi thấy có một ngọn tháp ghi dấu nơi đức Phật đã tắm rửa cho một tỳ kheo bị ốm đau. Xưa kia, khi đức Thế Tôn còn tại thế, có một tỳ kheo sống biệt lập một nơi vắng vẻ. Ngài gặp thấy và hỏi : "Con có việc gì buồn phiền không mà sống như vậy ?" Ông ta đáp : "Bản tánh con biếng nhác, ít khi nghĩ tưởng đến ai và không thích giúp đỡ người đau ốm cho nên giờ đây con bị bệnh, không ai chăm sóc cho con cả". Đức Phật động lòng từ bi, an ủi vị tỳ kheo và nói : "Này con, Như Lai sẽ chăm sóc cho con". Và Ngài cúi xuống lấy bàn tay sờ vào thân thể vị Tăng tức thì ông

ta lành bệnh. Xong, đức Phật dắt nhà Sư ra ngoài cửa, lấy chiếu sạch trải ra và tự tay Ngài tắm rửa, thay quần áo mới cho vị Tăng. Đức Phật lại khuyên : "Từ nay con hãy siêng năng, tinh tấn tu hành". Nghe vậy, vị tỳ kheo hối hận về sự giải đãi biếng nhác của mình, lòng vô cùng xúc động, vui sướng cảm ơn đức Phật và đi theo Ngài.

..... Không xa nơi trên là một giếng nước, khi đức Phật còn tại thế, Ngài thường múc nước này để dùng. Cảnh đó là nơi đức Thế Tôn thường đi kinh hành và ngồi thuyết pháp. Để ghi dấu hai chỗ này, vua A Dục đã cho dựng một trụ đá và ngọn tháp ... Không xa phía sau chùa Kỳ Viên là nơi các tu sĩ ngoại đạo đã ám sát một cô gái giang hồ để vu oan giá họa cho đức Phật là thủ phạm đã giết cô ta. Vào thời ấy, vì thấy đức Phật có mười phép thần thông, đầy đủ trí tuệ, được người, Trời, các bậc Thánh Hiền tôn kính nên các đạo sĩ theo tà giáo này đã bàn bạc với nhau : "Chúng ta nên tìm cách bôi xấu, vu khống đức Phật trước đại chúng". Họ âm mưu mua chuộc cho tiền cô gái điếm, bảo cô ta đến chùa Kỳ Viên nghe đức Phật thuyết pháp để Tăng chúng biết sự có mặt của cô. Sau đó họ mang cô đi giết bí mật và chôn xác cô cạnh một gốc cây rồi giả vờ tức giận về biến cố đã xảy ra và đi báo cáo cho vua Ba Tư Nặc biết. Nhà vua ra lệnh cho người đi điều tra và tìm thấy xác chết của cô gái chôn sau vườn của ông Cấp Cô Độc. Vừa lúc ấy, các đạo sĩ theo tà giáo hô hoán lên rằng : "Ông Sa Môn Cồ Đàm xưa nay thuyết

giảng khuyên mọi người sống đạo đức và tu hành, giờ đây ông ta lén lút ăn nằm với cô gái diêm rồi giết cô ta để bịt miệng thế gian. Rõ ràng ông Cồ Đàm đã phạm tội thông dâm và giết người như vậy thì đạo đức và thanh tịnh cái nổi gì !" Tức thì chư Thiên ở các cõi Trời đồng thanh phát biểu và nói lớn : "Đó là âm mưu vu khống đức Phật của các đạo sĩ theo tà giáo".

Cách xa chùa Kỳ Viên 250 feet về hướng đông có một cái rãnh lớn và sâu, đây là chỗ Đề Bà Đạt Đa (Devadatta) âm mưu dùng thuốc độc ám hại đức Phật, bị rơi xuống địa ngục ... Một hôm, Đề Bà Đạt Đa ganh ghét đức Phật, lấy thuốc độc bôi vào các móng tay với ý định ám sát đức Thế Tôn khi ông đến gần đánh lễ Ngài. Nhằm thực hiện âm mưu này, Đề Bà đã vượt một khoảng đường xa để tới nơi trên ; nhưng khi Đề Bà đến, mặt đất nứt ra và ông ta liền bị đọa vào địa ngục... Cách 175 feet về phía đông chùa Kỳ Viên là một ngôi chùa khác cao 60 feet bên trong có thờ một pho tượng Phật với tư thế Ngài ngồi kiết già và mặt nhìn ra hướng đông. Đây là nơi khi xưa đức Thế Tôn còn tại thế thường hay ngồi thuyết giảng tranh luận với hàng tu sĩ ngoại đạo".

Trích "Buddhist Records of the Western World (Si Yu Ki)" translated from the Chinese of Hiuen Tsang by Samuel Beal, Delhi 1969 ("Tây Du Ký" của ngài Huyền Trang), Quyển VI, trang 1,2,3,4,5,6,7,8 và 10.

## F/ XÁ VỆ TỪ THẾ KỶ THỨ 8 ĐẾN VƯƠNG TRIỀU GAHADAVALA (1104-1194)

Không lâu sau thời kỳ ngài Huyền Trang đến chiêm bái Ấn độ, sinh hoạt Phật Giáo tại xá Vệ (Savatthi) bắt đầu có phần phục hưng. Nhiều con dấu, hình tượng đức Phật và Bồ Tát Quán Thế Âm trên đó có khắc cổ ngữ Ấn Độ thuộc hai thế kỷ thứ 8 và 9 sau tây lịch đã được tìm thấy tại khu vực xá Vệ. Các hoạt động tại đây vẫn tiếp tục được duy trì mãi đến giữa thế kỷ 12 nhờ sự ủng hộ của vương triều Gahadavala (1104-1194) gồm các vua Madanapala và con ông ta là Govinda Chandra (1114-1154) trị vì xứ Kanauj (nay gồm phần lớn của hai tiểu bang Uttar Pradesh thuộc miền bắc, và Bihar, đông bắc Ấn độ). Nhiều tấm chữ khắc tạo tác dưới các triều vua này đã được tìm thấy tại khu vực chùa Kỳ Viên.

Một bản khắc đề năm 1119 cho biết rằng ông Vidyadhara đại thần của vua Madanapala thời ấy đã cúng tiền để thiết lập một cảnh chùa tại vườn ông Cấp Cô Độc. Một bản khắc khác có đóng dấu của vua Govinda Chandra đề ngày 23-6-1130 ghi nhận rằng do sự phát tâm thúc đẩy của hoàng hậu Kumaradevi, một Phật tử nhiệt thành, vợ vua Govinda Chandra, triều đình bấy giờ đã hiến cúng 6 ngôi làng xung quanh xá Vệ cho Đại Đức Buddhahattaraka và chư Tăng đang trú ở chùa Kỳ Viên.

## G/ XÁ VỆ TỪ THẾ KỶ 13 ĐẾN 18

Sau thế kỷ thứ 12 kể từ khi Ấn Độ bị quân Hồi Giáo ở Thổ Nhĩ Kỳ sang xâm lăng vào những năm 1193-1203 các thánh tích như Bồ Đề Đạo Tràng (Bodh Gaya), vườn Lộc Uyển (Sarnath) v.v... đã bị quân Hồi Giáo tàn phá. Xá Vệ (Savatthi) cũng chịu ảnh hưởng nặng nề vì chiến tranh và chính sách cai trị khắc nghiệt tàn ác của ngoại nhân. Xá Vệ bắt đầu trên đà suy thoái ; dân chúng và chư Tăng vì sự an toàn, lần lượt đã rời bỏ nơi đây, di tản tìm đến sinh sống tại các vùng bình yên xa xôi khác. Vì thế, Xá Vệ ngày càng vắng vẻ, ít người tới lui thăm viếng lâu ngày trở thành cảnh hoang tàn ; các di tích chùa tháp theo thời gian biến đổi bị vùi lấp chôn sâu trong rừng rậm bao la trùng điệp. Từ đó, lịch sử Xá Vệ cũng bắt đầu đi vào lãng quên không còn ai nhắc tới.

## H/ XÁ VỆ TỪ THẾ KỶ 19 ĐẾN NGÀY NAY

### a) Công tác nghiên cứu Xá Vệ đầu tiên :

Sau một thời gian dài 6 thế kỷ (từ 13 đến 18) bị thế nhân quên lãng đến hậu bán thế kỷ 19, di tích thành phố cũ Xá Vệ (Savatthi) của vua Ba Tư Nặc (Pasenadi), nay có tên ghép là Sahet-Mahet, đầu tiên được khám phá bởi nhà khảo cổ Anh Quốc, ông Alexander Cunningham (1814-1893). Ông ta đào bới

một vài gò đất và phát hiện ra di tích vườn ông Cấp Cô Độc (Jetavana) tức làng Sahet hiện nay vào năm 1863. Trong khi khai quật di tích ở Sahet, ông tìm thấy một pho tượng Phật lớn do Đại Đức Bala dâng cúng (đã nói đến trước kia) tại nơi tịnh thất Kosambakuti trong khu vực chùa Kỳ Viên (Jetavana Vihara). Ông cũng tìm ra gần tịnh thất Kosambakuti về hướng bắc, tịnh thất Gandhakuti (hay Hương Thất) của đức Phật. Đây là tịnh thất nổi tiếng và quan trọng nhất, vì chính nơi này đức Thế Tôn xưa kia đã thường trú 24 năm tại Xá Vệ. Năm 1876, ông Cunningham tổng kết những công tác đào bới và ghi nhận tìm thấy được tất cả 16 di tích chùa tháp trong vườn của ông Cấp Cô Độc.

### b) Những công trình khám phá Xá Vệ của các nhà khảo cổ Anh Quốc và chính phủ Ấn Độ:

Năm 1875-1876, Dr. Hoey hướng dẫn công cuộc đào bới kinh thành Xá Vệ (nay tức làng Mahet) với sự tài trợ của chính quyền quận Balrampur (thuộc tiểu bang Uttar Pradesh, miền bắc Ấn). Ông tìm ra nhiều tượng của Kỳ Na Giáo (Jainism) và các di tích khác vì Xá Vệ (Savatthi) vào thời trung cổ cũng là trung tâm của đạo Kỳ Na. Dr. Hoey tiếp tục công cuộc khảo cứu đến năm 1875-1876, ông phát hiện tìm được 34 di tích chùa tháp tại đây. Ngoài ra, ông cũng đào thấy nhiều cổ vật gồm có tượng Phật,



những tấm chữ khắc (inscriptions), con dấu và đồng tiền bằng đất nung ; tất cả những cổ vật này hiện trưng bày tại bảo tàng viện ở Lucknow, thủ đô của tiểu bang Uttar Pradesh.

Sau đó, chương trình khai quật di tích Xá Vệ được tiếp nối bởi các nhân viên Viện Khảo Cổ của chính phủ Ấn độ như J. Ph. Vogel, John Marshall (1870-1958) và Daya Ram Sahni vào những năm 1907-1908 và 1910-1911. Người ta đã tìm thấy tại Mahet hơn 300 bức tượng nhỏ bằng đất nung thuộc triều đại Guptas (320-570).

**c) Những đóng góp trùng tu, phát triển thánh tích Xá Vệ của chư Tăng, Phật tử Trung Hoa, Tích Lan và Miến Điện:**

Trong vòng gần 50 năm trở lại đây, các Phật tử đầu tiên nghĩ đến công tác trùng tu và phát triển Phật tích Xá Vệ là người Trung Hoa và Miến Điện. Do đề nghị của Thượng Tọa người Miến U. Chandramani ở Câu Thi Na (Kusinara), một ngôi chùa và lữ quán (Dharmasala) đầu tiên đã được xây cất tại Xá Vệ bởi hai nữ Phật tử người Miến. Tiếp đến Đại Đức Ren Chen, người Trung Hoa thành lập một ngôi chùa Tàu với ngọn tháp chín tầng rất đẹp mà du khách hành hương có thể nhìn thấy từ xa khi vừa mới đặt chân tới đây.

Năm 1956, chính phủ tiểu bang Uttar Pradesh

cho thiết lập tại Xá Vệ một lữ quán thứ hai nhằm giúp các du khách ngoại quốc có chỗ lưu trú khi họ đến chiêm bái thánh địa này. Đặc biệt kể từ khi có mặt của nhà sư Tích Lan, Thượng Tọa M. Sangharatana vào năm 1969, thánh tích Xá Vệ có phần được chỉnh trang, phát triển nhiều hơn. T.T. Sangharatana đã sống tu nhiều năm ở vườn Lộc Uyển (Sarnath), nơi đức Phật thuyết pháp đầu tiên, từng giữ chức vụ thư ký cho Hội Ma Ha Bồ Đề của Ấn Độ (Maha Bodhi Society of India). Thượng Tọa đã lập chùa Sri Lankaramaya và quán trọ (Rest House) tại Xá Vệ với sự giúp đỡ tài chánh của chính phủ và các Phật tử Tích Lan. Do nỗ lực vận động của T.T. Sangharatana, chính phủ Ấn đã thiết lập một vườn hoa và dựng hàng rào xung quanh chùa Kỳ Viên để ngăn ngừa các thú vật (trâu bò) khỏi di lạc vào trong khuôn viên chùa làm mất vẻ trang nghiêm. Rất tiếc, T.T. Sangharatana đã viên tịch tại Xá Vệ vào tháng 1 năm 1985. Gần đây, các Phật tử Thái Lan cũng đã đóng góp tài chánh để xây cất thêm một ngôi chùa tại Xá Vệ vào năm 1982.

**THÍCH TRÍ CHON**

(Còn tiếp một kỳ)

**Tài liệu tham khảo :**

1. Dr. Hoey, "Sahet-Mahet", *Journal of the Royal*

- Asiatic Society of Bengal*, Vol. 61 (1892)
2. *Reports of the Archaeological Survey of India*, 1907-1908
  3. *Journal of the Asiatic Society of Bengal*, Vol. XXI (new Series), 1925
  4. *Memoirs of the Archaeological Survey of India*, No. 50
  5. E. Lamotte, *Histoire du Bouddhisme Indien : Des Origines A l'Ere Saka*, Louvain, Belgium, 1958
  6. M. Venkataramayya, *Sravasti*, Department of Archaeology, Delhi, India, 1956
  7. Dr. B. C. Law, *Early Indian Monasteries*, Bangalore, India, 1958
  8. Ven. Dr. Amritananda, *Kings of Buddha's Time*, Kathmandu, Nepal, 1983
  9. Dr. B. N. Chaudhury, *Buddhist Centres in Ancient India*, Calcutta, India, 1969
  10. Dr. T. W. Rhys Davids, *Buddhist India*, Delhi, India, 1971
  11. Bhikkhu Nanamoli, *The Life of the Buddha*, (Translated from Pali), Kandy, Ceylon, 1978
  12. Dr. D. C. Ahir, *Buddhism in Modern India*, Nagpur, India, 1972
  13. Dr. V. Pathak, *History of Kosala*, Varanasi, India, 1983
  14. Dr. Sukumar Dutt, *The Buddha and Five After Centuries*, Calcutta, India, 1978
  15. Prof. H. Pathak, *Cultural History of the Gupta*

*Period*, Delhi, India, 1978

16. Prof. D.C. Sircar, *Studies in the Geographical of Ancient and Medieval India*, Delhi, 1971
17. Narada Maha Thera, *The Buddha and His Teachings*, Kuala Lumpur, Malaysia, 1973
18. Prof. N. Ramesan, *Glimpses of Buddhism*, Hyderabad, India, 1961
19. Dr. O. P. Bharadwaj, *Studies in the Historical Geography of Ancient India*, Delhi, India, 1986
20. Dr. B.C. Law, *India As Described in Early of Buddhism and Jainism*, Delhi, 1980
21. Dr. Rama Chatterjee, *Religions in Bengal*, Calcutta, India, 1985
22. Dr. D.C. Ahir, *Buddhism in the Punjab, Haryana and Himachal Pradesh*, New Delhi, India, 1971
23. Ven. Dr. W. Rahula, *History of Buddhism in Ceylon*, Colombo, Sri Lanka, 1966
24. F.L. Woodward, *The Book of the Kindred Sayings*, (Translated from Pali into English), Vols. III (1975), IV (1980), V (1979), Pali Text Society, London.
25. R.K. Dwivkdi & D.L. Vaish, *A History of the Guptas : Political and Cultural*, Allahabad, India, 1985
26. Dr. R.C. Majumdar, Dr. H.C. Raychaudhuri, Dr. K. Datta, *An Advanced History of India*, New York, 1967
27. Dr. R.C. Majumdar, *Ancient India*, Delhi, India,

1968

28. Samuel Beal, *Buddhist Record of the Western World (Si Yu Ki)*, Translated from the Chinese of Hiuen Tsiang, Delhi, 1969

29. Thomas Watters, *On Yuan Chwang's Travels in India*, Delhi, 1973

### PHẬT TỬ NÊN TÌM ĐỌC

Cuốn "**PHẬT GIÁO VẤN ĐÁP**" song ngữ Việt Anh (dày 250 trang) ; nguyên tác : "THE BUDDHIST CATECHISM" của học giả Phật tử Hoa Kỳ, người đã phát họa mẫu cờ Phật Giáo Thế Giới, ông H.S. Olcott (1832-1907), do Thượng Tọa Thích Trí Chơn, tốt nghiệp Tiến Sĩ (Ph.D.) Triết Học Phật Giáo tại Ấn Độ, dịch thuật ; và Phật-Học Viện Quốc-Tế tại Hoa-Kỳ xuất bản trong mùa Vu-Lan Đinh Mão (1987).

Tác phẩm được dịch ra 20 thứ tiếng, in lần thứ 44 năm 1915 ; và gần 100 năm qua cũng như hiện nay, được dùng làm sách giáo khoa căn bản, dạy Phật Pháp phổ thông bằng Anh văn cho chư Tăng ; các học sinh, sinh viên thuộc nhiều Phật Học Đường, Tu viện danh tiếng, và hàng trăm trường Trung, Đại Học Phật Giáo tại các nước Á Châu.

Quý vị muốn thỉnh cuốn sách Phật Giáo giá trị nói trên, xin liên lạc địa chỉ Phật Học Viện Quốc Tế.

## THIÊN THƯỢNG THIÊN HẠ DUY NGÃ ĐỘC TÔN

### THÍCH NGUYỄN ĐẠT

Kinh sách mô tả rằng khi ra đời, Phật Thích Ca một tay chỉ trời, một tay chỉ đất mà rằng "Thiên Thượng, Thiên hạ duy ngã độc tôn", tức là trên trời dưới trời chỉ mình ta là tôn quý.

Lời phát biểu của Phật lúc giáng trần phải chăng mâu thuẫn và khó hiểu với toàn bộ hệ thống giáo nghĩa của Phật giáo ? Rõ ràng giáo lý duyên sinh, vô thường, vô ngã, không (Sunyata)... là giáo lý then chốt của Phật giáo từ khởi thủy ; mãi đến thời kỳ Phật giáo đại chúng bộ phát triển cũng căn cứ vào đó mà thành lập hệ thống tư tưởng đại thừa dưới nhiều dạng thức Kinh luận, rồi bước sang các tông phái Phật giáo sau này. Từ đó, đại thừa đã ảnh hưởng sâu sắc, khơi động tâm linh của hàng môn đồ Phật trong

đời sống đạo cao tuyệt và đóng góp sinh lực tư tưởng vào các nền văn minh nhân loại không ít.

Theo tinh thần duyên sinh, vô ngã, **Không, Cái TA** nào là **Cái TA** tôn quý trong không gian vô biên, trong thời gian miên viễn thường hằng ? Dù bậc thánh, dù Phật cũng không cưỡng lại sự băng hoại của xác thân ngũ uẩn hữu hạn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức). Phật cũng đã chấm dứt đời Ngài vào lúc 80 tuổi, một điểm nhỏ đầu dòng thời gian Phật giáo sử gần 26 thế kỷ trôi qua, và một cực vi trần của chuỗi dài vô cùng tận của vũ trụ không chung, không thủy.

Như vậy, lời phát biểu của Phật khi ra đời, chắc chắn phải mang một ý nghĩa sâu xa về tính cách con người vĩ đại vĩnh cửu. Con người nhỏ bé, yếu đuối trong ý nghĩa cây sậy biến dịch của dòng danh sắc (ngũ uẩn) ; nhưng đồng thời con người cũng to lớn với ý thức sáng ngời, trào lên từ vùng đất tâm linh siêu tuyệt mà từ lâu con người đã không nhận ra được khả năng tâm lực của chính con người do các thời kỳ cổ sơ, bộ lạc, phong kiến, nô lệ, giai cấp, tôn giáo thần quyền đã giam hãm con người trong ngục tù ý thức vị kỷ Tôn giáo đây giáo điều làm tê liệt trí óc con người, và con người không thoát khỏi ý thức thần linh ngự trị, đầu óc bị ám ảnh bởi sự ban phúc giáng họa, tội lỗi, thưởng phạt ... Con người quờ quạng như kẻ mù lòa dò dẫm xin ăn mà không biết trong mình có ngọc ngà châu báu từ mảnh đất Tâm, hùng mạnh. Đất tâm của ta lúc nào cũng sẵn sàng

chờ ta gieo mầm ý thức tự tri, tự giác, cho ta hương vị. Không ai có quyền thưởng phạt ta mà chính ta là kẻ thưởng hay phạt mình một cách đích thực. Ai bắt ta chọn quả đất này làm quê hương đây sương khói ? Ai dẫn ta vào đời và sống trọn kiếp người ? Ai bảo ta yêu thương để rồi chuốt lấy vui buồn ? Ai khiến ta say sưa túy hức, bạc bài thâu canh để khánh tận, dẫn đến phóng xe lao mình vào núi đá ? Ai tạo ra khổ đau hay hạnh phúc ở trong đời ? Tất cả đều do con người, chứ chẳng phải đấng vô hình nào khác hơn, dù là một con người suốt đời chỉ cầu nguyện để mong được cứu rỗi. Chính lúc họ cầu nguyện là lúc tự họ mở cửa lòng vào tâm đạo. Phật đã nhìn rõ thực trạng và nguyên nhân tạo nên dòng sinh mệnh của nhân sinh khi ngài tận lực quán chiếu, lặng sâu vào ý thức tâm linh, và Phật đã thành đạt ở chính ngài niềm hùng tâm rộng lớn, vô biên mà mỗi chúng ta đều mang sẵn trong người. Tất cả mọi con người đều có chung mẫu số cái "TA" ở bình diện tâm linh, chân trời giác ngộ.

Phật đồng dạy tuyên bố "trên trời dưới trời chỉ ta là bậc tôn quý". Chớ xem đó là tinh thần tự tôn, tự đại cho một bản ngã theo thói thường như chúng ta tưởng, là cái ta thường tình tham dục, ích kỷ, thu gọn trong cá nhân, trong gia đình, trong dòng giới, trong chủng tộc, cái tôi và cái của tôi hay cái ta được thần thánh hóa, độc tôn thuộc lãnh vực tín ngưỡng trong các tôn giáo khác. Lời Phật phát biểu về cái ta tôn

quý chính là lời cảnh tỉnh và đề cập khả năng con người trong ý thức giác ngộ, làm chủ lấy mình trong ý thức sáng tạo bản thân và hoàn cảnh. Lời phát biểu của Phật về cái ta tôn quý cũng chính là tuyên ngôn đầu tiên, kêu gọi tất cả mọi con người, kể cả ngài, hãy đứng lên và tự mình làm một cuộc thoát xác vĩ đại ra khỏi những công lệ thường tình, tập quán thế gian, những ý thức phải tiến bộ, tín ngưỡng thần linh nghìn đời ghì chặt con người, đim tri thức con người xuống vực thẳm u tối, khiến con người đánh mất giá trị tối linh của con người trong ý thức làm bừng sáng cái ta vĩ đại hòa cùng vũ trụ đời đời. Tôi cho rằng hình ảnh sơ sinh của đức Bốn Sư, chân bước trên đài sen và một tay chỉ trời, một tay chỉ đất "trên trời dưới trời chỉ ta là tôn quý hơn cả" là sự mô phỏng, sáng tạo độc đáo, tài tình sâu sắc của những bộ óc lớn thuộc trường phái các nhà đại thừa Phật giáo về nhân cách vĩ đại của đức Phật, một con người vượt lên trên con người và giáo lý vị nhân sinh, giải thoát của ngài ; đồng thời hình ảnh sơ sinh và lời tuyên bố kèm theo cái ta tôn quý cũng là sự ám thị cho một khởi điểm trên lộ trình phát triển của Phật giáo đại thừa về con người trong vai trò lịch sử với ý nghĩa tạo dựng cuộc đời một cách tích cực, chủ động, xây dựng hạnh phúc nhân sinh và từ đó con người bước lên ngôi vị tối linh thần thánh. Người Phật tử đại thừa vừa xây dựng cái ta trên chiều tuyệt đối vừa tạo dựng cái ta nhỏ bé vào sự đóng góp cộng đồng xã hội văn

minh. Lộ trình của đại thừa giáo chỉ điểm cho người Phật tử đại thừa hướng đến là sự tự lợi và lợi tha, tự lợi là sự giải phóng bản ngã vị kỷ, vụ lợi ẩn núp dưới những hình thức tín ngưỡng mê tín, không phản ảnh trọn vẹn giáo lý giải thoát của Phật. Lợi tha là sự nỗ lực triển khai nhân cách cao quý của Phật và đặc biệt giáo pháp của Ngài, người Phật tử phải tận lực làm sáng ngời trong lòng cuộc đời, giúp con người nhận chân ý nghĩa của cuộc sống và ý thức giác ngộ giải thoát cuộc sống bằng giáo pháp. Nói một cách khác, nhiệm vụ của người Phật tử chân chính phải phân định một cách dứt khoát đâu là chính pháp, đâu là phi pháp để giúp cho cá nhân mình sống hạnh phúc trong đời với ý thức giác ngộ, đồng lúc cũng hướng đến kẻ khác và mong muốn kẻ khác cũng như thế hay hơn thế nữa. Chỉ có con người sống trong vũ trụ, to lớn hơn vũ trụ và bao trùm vũ trụ trong một ý nghĩa không phải bằng khối lượng không gian hay chuỗi thời gian hun hút mà bằng tâm đại bi, đại trí, đại hùng. Không có gì tối linh ngoài con người, và sự tối linh có được khi con người thành tựu được ý thức giác ngộ tâm linh của chính nó, và hướng ý thức giác ngộ đó về thế giới hiện thực. Muốn vậy, trước hết ta phải trở về với chính ta, cô đơn với tấm gương lòng để nhìn tận nguồn mạch của thế giới tâm linh vô sai biệt, không dính mắc đến chức tước, địa vị, đến những gì phù phiếm cho vùng đất tâm thanh tịnh, không chấp dính vào ngôn từ, tập quán thế gian, luân

lý khô cằn, giáo điều nô dịch, và quán chiếu mọi vấn đề trên bình diện tâm cao rộng, sâu thẳm cần tâm chứng đến chỗ không còn lời diễn đạt. Cành hoa, Phật đưa lên, ngài Ca Diếp mỉm cười. Nụ cười vượt không gian, thời gian, vượt lên ý thức suy tư thường nhật của chúng ta ; trong khi đó nụ cười của chúng ta mang đầy tính chất mâu thuẫn, cái mỉm cười của kẻ được, trên người thua ; cái cười của chúng ta liền theo nỗi lo âu, bồn chồn, bất an.

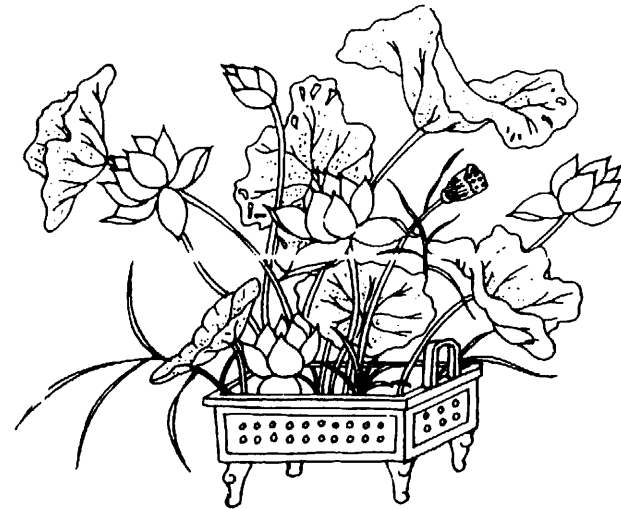
Hình ảnh Phật giáng sinh từ thưở nọ cùng với giáo pháp của Ngài đã gieo mầm vào đất tâm của nhân loại, giữa lúc con người đang lắc lư với những tư tưởng bất toàn. Phải đợi đến thời kỳ Phật giáo đại thừa phát triển rực rỡ, các tông phái ghi nhận và triển khai tư tưởng Phật một cách hứng thú. Thiên Tông đưa con người về "Bản lai diện mục", Thiên Thai Tông dẫn con người vào tam đế, ba chân lý có, không và trung đạo để cuối cùng ba cũng chỉ còn là một cho hoa tâm khai nhụy ; Duy Thức Tông phơi bày thật tướng của các pháp, rồi từ thật tướng đi vào thật tánh, vũ trụ vạn tượng và thức tâm hòa cùng một thể. Tịnh Độ Tông chủ trương khởi niệm hình ảnh dấng đại từ đại bi với 48 lời thệ nguyện để trở về Di Đà tự tánh, thế gian trở thành Tịnh độ có đủ thứ trân châu ngà ngọc, khổ đau rung theo niềm vui sướng.

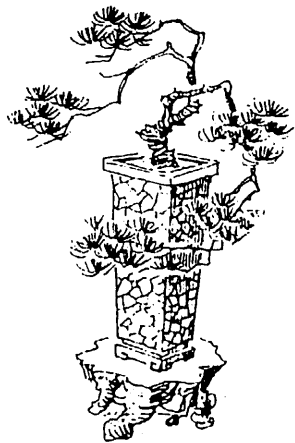
Phật xác nhận Ngài đã thành chánh giác từ vô lượng kiếp, theo đó, tự tâm của chúng ta cũng đã

thành chánh giác, vì lẽ chân tâm thanh tịnh của Ngài và của ta cùng một cội nguồn. Phật không phải là một thực tại cá nhân trong không gian, thời gian mà là miếng đất thị hiện của tâm, tại đó, qui kết lại tất cả mọi cá thể.

Phật Đản Sinh, chân dẫm lên đài sen với sáu mươi ngàn đời "trên trời dưới trời chỉ mình ta là tôn quý" để nhắc nhở và thúc dục mọi con người hãy đứng lên chỗ đứng của Ngài, và mạnh mẽ nói lên khả năng và địa vị của mình trong lòng vũ trụ vô biên khi con người cảm tự nguồn tâm, gốc tánh.

### THÍCH NGUYỄN ĐẠT





## ĐỜI LÀ BỂ HẠNH PHÚC

VỖ THÀNH THÂN

Là Phật tử chúng ta thường nghe nói : đời là bể khổ. Và trong Tứ Diệu Đế, đệ nhất đế là Khổ đế theo đó đức Phật đã giảng về những khổ đau trong cuộc đời. Ai ai cũng từng có kinh nghiệm bản thân về những thứ khổ này : sinh, lão, bệnh, tử, xa người thương, gần người ghét, v.v.

Bên cạnh lời Phật dạy, từ cổ kim đã có không biết bao nhiêu thi nhân không ngớt lời ta thán cuộc đời khổ đau.

Người thì :

*Mới sinh ra thì đà khóc chóc,  
Trần có vui sao chẳng cười khi,  
khi hỉ nộ, khi ái ố, lúc sầu bi,...*

Kẻ khác :

*Trẻ tạo hóa dành hanh quá ngán,  
Chết duôi người trên cạn mà chơi,  
Chống tay ngồi ngắm sự đời,  
Muốn kêu một tiếng cho dài kéo cãm.*

Tệ hại hơn :

*Bể thảm mênh mông sóng ngập trời,  
Khách trần chèo một chiếc thuyền chơi,  
Thuyền ai ngược gió, ai xuôi gió,  
Xem lại cùng trong bể thảm thôi !*

Tuy nhiên, trong cái không khí và văn hóa khổ đau đó, có người đã thức mắc, hoài nghi, và đã đặt lại vấn đề :

*Đời đáng chán, hay không đáng chán,  
Cất chén quỳnh riêng hỏi bạn tri âm ?*

Mọi người, trong nỗi khổ đau về cuộc đời, thường hay mơ về một cõi Cực lạc xa xôi như một niềm au ủi để sống qua ngày đoạn tháng. Như con chim trong lồng mơ ước một ngày bay bổng chốn trời xanh. Than ôi, nghĩ ra cũng khổ thật !

Nhưng mà, hơi những vị độc giả từng nghĩ rằng đời là bể khổ, tại sao chúng ta không nhìn đời bằng một cách khác ? Hay đúng hơn, tại sao ta không nhìn cuộc đời NHƯ chính nó ? Người thích nấu ăn, vô bếp là một dịp trở tài khéo léo. Người ghét nấu ăn, vô bếp là cả một cực hình. người thích đi shopping, la cà ở các shopping mall là mặt mày tươi tỉnh một cách thú vị. Còn người không thích, bị vợ con lôi đi, thì cảm thấy chóng mặt nhưc đầu. Cũng vậy, người

thích uống rượu thì hã hê trong chén chú chén anh ; còn người không thích mà phải ngồi vào bàn, thì thật là ngậm sầu nuốt thảm ! Như vậy, sự sướng khổ ở đời chẳng qua là do bản tâm mình thích hay không thích, muốn hay không muốn mà thôi.

Sự vật và cuộc đời tự nó không có giá trị tự tại. Giá trị của sự vật và cuộc đời là do Tâm và Thức của chúng ta gán cho. Cho nên Đức Phật có dạy rằng : *Nhất thiết duy tâm, vạn pháp duy thức*. Nói rõ hơn, trái đất này nó đã có mặt từ bao nhiêu tỉ năm rồi. Nhưng phong cảnh có hữu tình, giang sơn có gấm vóc chẳng qua là do tâm thức con người đặt để cho nó cái giá trị mà thôi. Trước một cảnh núi rừng u tịch, dưới mắt một thiền sư thì đó là nơi thức liễm thân tâm ; đối với một cặp tình nhân, đó là nơi hẹn hò lý tưởng, tha hồ cho chàng và nàng khơi mở tâm tình ; còn đối với anh đầu tư địa ốc, nơi này có thể xây cất trung tâm nghỉ ngơi, giải trí cho lớp người tiền rừng bạc biển, và nhân tiện làm giàu cho chính bản thân anh.

Cho nên, cuộc đời tự nó, không có sướng, cũng không có khổ. Sướng khổ chỉ là cái ý niệm sai lầm do chính bản tâm của mỗi người tạo ra. Hồi còn ở Việt Nam, có rất nhiều người than khổ, và mong được qua tới đất Mỹ để sướng thân. Chừng qua tới Mỹ rồi, một thời gian sau, có công ăn việc làm, nhà cửa, xe cộ ..., lại vẫn cảm thấy khổ như ngày nào. Và đi chùa thành tâm cầu nguyện vãng sinh Tây phương

Cực lạc để được sướng hơn ! Trong Pháp Bảo Đàn Kinh, Lục Tổ Huệ Năng có nói : Người ở đây cầu vãng sinh Tây phương, còn người ở Tây phương cầu vãng sinh về đâu ?

Lời nói của Lục tổ thật đáng cho chúng ta suy ngẫm. Nếu chúng ta nay không biết hưởng chút niềm vui nào của cõi NGƯỜI này, thì khi về được Cực lạc, chắc chắn chúng ta cũng sẽ cảm thấy khổ mà thôi. Lúc đó sẽ đòi về lại chốn trần gian này, chẳng khác gì một số người qua tới Mỹ rồi nay đòi về lại Việt Nam vậy. Các nhà tâm lý học Mỹ đã chứng minh được một điều thú vị : có những người nghèo sau khi trúng số độc đắc được một thời gian độ vài ba năm, họ trở lại nghèo như xưa. Lý do : cái Tâm của họ là cái tâm Nghèo, thành ra khi có tiền họ cũng không biết sử dụng đúng cách, và cái tâm Nghèo khiến họ tiêu xài bậy bạ để trở thành nghèo trở lại cho đúng với bản tâm !

Hạnh phúc cũng vậy. Nếu chúng ta hồi tưởng lại những ngày xưa thơ ấu, mới thấy rằng những ngày ấy chúng ta không có cảm thấy khổ bao giờ. Cuộc đời lúc nào cũng vui và có những cái hấp dẫn đón đợi bất ngờ. Tôi nhớ những năm chạy loạn với gia đình, tôi mới có 5 hay 6 tuổi gì đó. Ai cũng biết chạy loạn là thiếu thốn đủ điều, nhưng tuổi nhỏ nào biết KHỔ là gì. Mỗi ngày len lỏi vào khu rừng ngập lấp xấp nước, bắt cua bắt còng đem về nướng ăn một cách thú vị. Trưa trưa lang thang đi hái mấy loại trái rừng,



miệng nhai ngồm ngoàm mà mắt ngắm mây trời bay. Chả cần lo ngày mai, mà cũng chẳng thắc mắc tới tương lai. Chừng nào nghe súng bắn thì chạy vội núp vào gốc cây nào đó cũng không muộn.

Thành ra sự tu tập của các thiền sư là trở về lại với cái SƠ TÂM, cái Tâm của thuở ban đầu, cái Tâm của đứa trẻ thơ, cái Tâm hồn nhiên thanh tịnh, an và lạc. Ngay cả trong tình yêu, ai cũng đều ca tụng là đẹp. Vậy mà sau khi đã hết "cái thuở ban đầu lưu luyến ấy", có mấy ai đã tránh khỏi cảnh mặt ủ mày chau ? Cho nên, để không còn thấy khổ đau hay phiền não, chúng ta cần phải tập trở lại cách sống của cái "thuở ban đầu". Thuở ban đầu là cái thuở mà tâm ta không có tán loạn. Làm cái gì chỉ biết để tâm vào cái đó. Lúc nào cũng sống với Hiện tại. Và thường thức ý vị của cái hiện tại. Tôi xin lập lại bởi vì cái chân lý này quá đơn giản nên chúng ta ít để tâm tới : Lúc nào cũng Sống với Hiện Tại, và thường thức cái ý vị của Hiện tại. Như em bé hái hoa thì chỉ biết hái hoa, và đuổi bướm thì chỉ biết đuổi bướm. Còn trời có sắp sập, đất có sắp sụp thì chuyện đó rồi hẳn tính sau.

Chúng ta khốn khổ là tại tâm của chúng ta lo nghĩ quá nhiều. Người có ít tiền thì than nghèo, khổ. Nhưng mới đây có cuộc phỏng vấn một trăm nhà triệu phú Mỹ cho thấy rằng họ cũng ... khổ sở lắm ! Người chưa có gia đình thì tâm trí bất an ; mà kẻ có gia đình rồi, tâm thần vẫn không thoải mái. Kẻ có

con thì khốn khổ vì con ; còn người không có lại chạy đôn chạy đáo cầu cho có. Không ai chịu an hưởng và bằng lòng với cái hiện có của mình. Cho nên trong Tứ Diệu Đế, tiếp theo Khổ đế là Tập đế. Đức Phật chỉ cho thấy cái khổ của chúng sinh là do nguồn gốc của thói tục và nhận thức sai lầm mà ra. Rồi Đức Phật dạy Diệt đế là phương cách trừ bỏ những sai lầm đó, để rồi đến Đạo đế là con đường đưa đến Hạnh Phúc hoàn toàn.

Hồi nhỏ, lúc học lớp nhì, lớp nhất, tôi có nghe tuồng hát "Hoa rơi cửa Phật" tức là chuyện tình Lan và Diệp, trong đó vị sư trụ trì thấy cảnh tình ngang trái của tiểu Huệ Minh nên buộc miệng than rằng : "Ôi, Tu là cội phúc, còn Tình là dây oan, nhưng tình chưa trọn thì tu làm sao cho thành". Tôi đã cười ngất và nói rằng ông sư cải lương này nói ... trật ! Tu là tu, còn tình thì cứ tình chứ có sao ? Tu, đâu chỉ có nghĩa hẹp là xuống tóc vào chùa. Tu, theo từ nguyên, có nghĩa là sửa chữa những sai lầm. Mỗi người ở đời cần phải sửa chữa những sai lầm của mình, bỏ cái vọng ngã để nhìn ra cái chân ngã, thì con người sẽ thấy được Hạnh Phúc.

Nếu mỗi người chúng ta đều nhìn lại mình, nhìn lại thuở ấu thơ, nhìn cách sinh hoạt của các em bé dưới 10 tuổi, có lẽ chúng ta sẽ thấy lại được chân lý. Thấy được rằng Đời Sống thật sự là Hạnh Phúc. Và các tiến sĩ Tâm lý học ngày nay của Hoa Kỳ đều đi tới kết luận : Con người sinh ra đời là để sống hạnh

phúc. Và hạnh phúc là ở trong bản tâm của mình mà ra, không phải từ ngoài vào.

Nếu quý vị vẫn còn chút thắc mắc về lời kết luận của các nhà khoa học trên đây, thì xin hãy bình tâm đọc lại Bát Nhã Tâm Kinh : *Quán Tự Tại* bồ tát hành thâm Bát nhã ba la mật đa, thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không ĐỘ NHẤT THIẾT KHỔ ÁCH... Bồ tát Tự Tại nhờ thiên tập lâu ngày, thấy được rằng sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều là hư vọng, nên không còn cảm thấy đau khổ nữa, mà ngài đã trở nên hết sức an nhiên tự tại và Hạnh Phúc...

#### VÕ THÀNH THÂN



## TỔ GIÁC TIÊN VÀ PHONG TRÀO CHẤN HUNG PHẬT GIÁO MIỀN TRUNG

(tiếp theo)

Điều Ngự Tử TÍN NGHĨA

#### IV- Phong Trào Chấn Hưng :

Huế và An Nam Phật Học Hội rất chú trọng về việc đào tạo tăng tài và chỉnh lý Tăng giới. Số lượng Tăng thất học cũng như số lượng thầy cúng không sống đúng theo nếp sống thanh quy thiền môn lúc bấy giờ quá đông. Đây là một mối lo lắng lớn cho chư Thanh Tịnh Tăng cũng như một số Phật tử chân chính có ưu tư xiển dương chánh pháp. Ngoài việc thành lập các lớp học Phật cho giới tăng trẻ của các chùa, bên cạnh đó còn lo một chương trình chỉnh lý tình trạng tăng sĩ gia nua.

Tự trung chương trình chỉ có hai điểm :

1/ Thành lập một hội đồng luật sư gồm những bậc tăng già tinh thông và rành chuyên giới luật để giám sát giới hạnh của tăng chúng. Ngoài ủy ban trung ương còn có các tiểu ủy ban ở mỗi địa phương. Ủy ban các cấp gồm có năm vị. Hễ khi báo cáo có một vị tăng phạm giới, thì ủy ban công cử vị luật sư

đến tận nơi để điều tra.

2/ Tổ chức những ban thầy cúng gồm những vị biết cúng tán, cầu an, cầu siêu và hướng dẫn nghi lễ. Những vị thầy cúng chỉ được mặc áo màu xám năm thân, không được mặc áo trắng, áo nhật bình, hoặc y vàng. Thầy cúng thì ở nhà riêng để chuyên nghề cúng chứ không được ở chùa viện hay tổ đình.

Đặc biệt cư sĩ cũng được hội đồng giám luật cho tham dự vào việc chỉnh lý tình trạng Tăng sĩ bằng cách :

- 1) Không nên nhận người phá giới là tăng sĩ.
- 2) Hủy bỏ những điệp quy y thọ giới do các ông thầy tu nói trên cấp cho.
- 3) Công bố sự phạm giới của tăng sĩ có bằng cứ.
- 4) Bảo hộ và cúng dường các vị tinh nghiêm giới luật.
- 5) Không tham dự vào những công việc không phù hợp với Phật Pháp.
- 6) Tham dự vào công việc hoằng dương chánh pháp và chỉnh đốn Tăng Gia.

Đây là một chương trình khá táo bạo. Tuy nhiên, thời mạt pháp cũng không thể nào để chương trình được hoàn mãn.

Dứng về mặt tâm lý, cư sĩ đa phần nặng về tình cảm. Đất nước gặp trong thời chinh chiến. Tình trạng ngu dân hóa để dễ cai trị của thực dân là một đại nạn cho dân tộc, từ đó, Phật Pháp không được thấm nhuần lại còn bị một số ngụy tác sa môn hướng

dẫn quần chúng xa rời chánh pháp. Ở Nam thì có Lục Hòa Tăng. Ở Trung thì có Cổ Sơn Môn.

#### V- Chương trình tu học :

Kể từ khi hội An Nam Phật Học ra đời, hội đã mở những lớp học cho các cấp.

Trường An Nam Phật Học khai giảng năm 1933 tại Vạn Phước. Học Tăng gồm có 50 vị. Năm 1936 dời về Túy Ba gần bờ biển. Cuối năm ấy dời về Báo Quốc. Những học tăng xuất sắc được hội cấp học bổng.

Trường Sơn Môn thì có : Đại Học mở tại tổ đình Trúc Lâm năm 1935 do Tổ Giác Tiên làm Giám Đốc. Lớp Trung Học mở ở Tường Vân do thiền sư Tịnh Khiết điều khiển.

Ngài Phước Huệ vừa dạy Đại học vừa dạy Trung học.

Lớp Tiểu học thì mở ở Vạn Phước do thiền sư Mật Khế điều khiển.

Về Ni giới, lớp học đầu tiên mở ở Từ Đàm năm 1932, Ni Sư Diệu Hương làm đốc giáo. Cuối năm ấy đưa về chùa Diệu Đức. Chùa Từ Đàm trở thành hội quán của hội An Nam Phật Học.

Sơn Môn phải công cử các thiền sư Đôn Hậu, Trí Thủ, Mật Hiển, Mật Nguyễn ... vào dạy cho ni giới.

Lúc đầu hội An Nam Phật Học đóng trụ sở tại chùa Từ Quang và Nguyệt San Viên Âm đặt tòa soạn

tại số 13 đường Champeau Huế. Hai giảng sư đầu tiên là thiền sư Mật Khế và Cụ Tâm Minh Lê Đình Thám.

Từ đây, thử nhìn lại Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ và Canada nói riêng, nói chung là Phật Giáo Việt Nam hải ngoại, thì hiện trạng không khác gì tình trạng Phật Giáo Việt Nam trước thời kỳ 1930. Nghĩa là do hoàn cảnh xã hội, tâm danh lợi ngập tràn nên Phật Giáo Việt Nam hàng tăng cũng như tục kỹ cương bốn phận trách nhiệm sa sút quá nhiều. Người lo duy trì chấn hưng đạo pháp thì ít mà kẻ lợi dụng danh nghĩa Phật Giáo để thao túng quyền danh lợi dưỡng quá nhiều. Nên người Phật tử hộ đạo tu học phải nên sáng suốt để tránh bớt phùng nước đục thả câu, ngộ hầu giảm bớt sự đau lòng của những người có tâm huyết lo duy trì chấn hưng đạo pháp.

#### **VI- Chương trình Thanh Thiếu Nhi và Đồng Ấu :**

Sau khi chương trình tu học cho Tăng Ni và đoàn ngũ hóa quần chúng Phật tử có phần khả quan, hội hướng về chương trình Thanh Thiếu Nhi.

Mặc dầu từ năm 1932 trở về sau, tổ chức nam nữ học Phật đã có mặt với hình thức là Ban Đồng Ấu. Ban này do cụ Trùng Bạt Bửu Bất phụ trách dạy dỗ.

Mãi đến năm 1940, Cụ Tâm Minh mới chính

thức tổ chức chặt chẽ hơn. Cụ hướng dẫn theo phương pháp mới. Cụ quy tụ hầu hết các thanh niên trí thức mà đa phần là con em của các hội viên thuần thực đã từng hoạt động cho hội. Cũng từ đó, đoàn Thanh Niên Đức Dục được ra đời.

Lúc đầu, cụ trực tiếp giảng dạy. Thời gian ngắn kể đó, có cụ nghề Đinh Văn Chấp cũng trực tiếp hướng dẫn. Cụ Đinh Văn Chấp cũng hướng cho lớp tân học Phật Pháp thêm các môn Nho Học và Lão Học qua các sách Đại học và Trung Dung. Đoàn Phật Học Đức Dục lúc bấy giờ là tượng trưng cho một đạo Phật RẤT MỚI, khiến cho lớp trí thức trẻ này thấy đạo Phật không bị cổ hủ mà là rất hợp với giáo lý của đức Phật. Họ có bài ca chính thức bằng tiếng Pháp mà sau này dịch ra là HOA SEN TRẮNG vừa là bài ca chính thức của đoàn mà sau này cũng là bài ca chính thức của tổ chức Gia Đình Phật Tử Việt Nam.

Lúc đầu những đơn vị tổ chức Đồng Ấu này được gọi là Gia Đình Phật Hóa Phổ, nhưng, thai nghén cũng từ nơi đoàn Phật Học Đức Dục mà ra.

Năm 1947, mặt trận bùng nổ, Gia Đình Phật Hóa Phổ cũng bị trì trệ một thời gian. Sau khi họp tại nhà cư sĩ Phan Cảnh Tú xong, anh em mới tụ nhau lại để ổn định tu học thì Gia Đình Phật Hóa Phổ tái thành lập. hai Gia Đình Phật Hóa Phổ đầu tiên là : Gia Đình Gia Thiện do cư sĩ Nguyễn Văn Phiên làm Phổ Trưởng và Gia Đình Hướng Thiện do

cur sĩ Phan Cảnh Tú làm Phó Trưởng. Khi hội Việt Nam Phật Học đặt trụ sở tại số 18 đường Nguyễn Hoàng thì Gia Đình Phật Hóa Phổ cũng đặt trụ sở tại đây. Tháng chạp ngày mùng tám năm 1947, Gia Đình Phật Hóa Phổ tổ chức lễ chính thức tại chùa Từ Đàm. Nhưng trước đó, Phật Đản năm 1944, một Đại Hội Thanh Thiếu Niên Phật Tử được tổ chức tại rừng Quảng Tế. Đại Hội này khai sinh ra Gia Đình Phật Hóa Phổ và là tiền thân của Gia Đình Phật Tử Việt Nam hiện nay.

Những thanh thiếu niên trí thức theo học lớp của đoàn Phật Học Đức Dục đã đóng góp bài vở vào tờ Viên Âm. Có từng thư riêng.

Nói tóm lại, phong trào chấn hưng Phật Giáo miền Trung có công lớn là cụ Tâm Minh và thiền sư Mật Khế. Nhưng, có được hai vị này thì không thể thiếu tổ Giác Tiên. Nhìn được tổ Giác Tiên thì không thể thiếu tổ Tâm Tịnh (khai sơn Tây Thiên Di Đà tự), không thể thiếu ngài Huệ Pháp giáo thọ sư của tổ Giác Tiên, không thể thiếu thiền sư Viên Thành bạn thân của tổ, không thể thiếu Giác Nhiên sư đệ của tổ và cũng không thể thiếu Phước Hậu, Đắc Ấn, Tịnh Hạnh là những vị đồng sự pháp lữ của tổ ; tức là những vị đã đem hết tâm nguyện của mình ra đóng góp cho chương trình chấn hưng Phật Giáo. Nhìn những gương sáng chói như vậy, chúng ta cũng thấy được hạnh nguyện của các ngài đã đem trọn cuộc đời để trang trải cho Phật Pháp.

Trên đây là một vài nét đặc biệt về Phật Giáo miền Trung trong thời gian phục hưng mà tổ Giác Tiên đã gắn trọn cuộc đời vào đó.

Vậy thì, từ năm 1930 đến tháng tư den 1975 Phật Giáo đã gắn liền với dân tộc như ta đã thấy trong hiện kiếp (chưa nghĩ đến những trang sử qua các triều đại), chúng ta là hậu duệ khi mang tâm trạng lưu dầy xa xứ, nhưng không xa đạo ; ít nhất chúng ta cũng phải làm một cái gì đó để vọng về quê hương khỏi tủi hổ với tiền thân, với Giáo Hội của chúng ta đang gánh chịu, nhất là những Tăng Ni Phật Tử đang sống cơ cực, bị hành hạ, tra tấn dã man trong các trại tù.

Đừng vì tình cảm riêng tư mà nở đưa tinh thần trong sạch của Phật Giáo đi vào một con đường có hại và bế tắc.

Hãy vì nghĩa cử chung của Đạo mà thật tình làm việc. Hy sinh những lợi dưỡng nhỏ mọn, tình cảm riêng tư của bản thân mình. Đừng có đầu óc một rừng không thể có hai cọng hoặc mục hạ vô nhơn. Và cũng xin đừng lợi dụng danh nghĩa Phật Giáo để tạo danh tạo lợi cho mình. Được như vậy thì lấy làm may mắn cho đạo pháp và dân tộc lắm.

Điều ngự tử TÍN NGHĨA





## VẠN CẢNH GIAI KHÔNG

PHAN QUANG ĐÁN

(Bài thơ này do nữ sĩ Phương Xuân, thân mẫu của Bác sĩ Phan Quang Đán, phỏng dịch một bài trong Truyện Tàu Tế Diên Hòa Thượng, và Bác sĩ Phan Quang Đán chú giải)

*Qua nam lại Bắc khắp Tây Đông,  
Xem rõ phù sanh thấy thấy không.*

*Trời cũng không, đất cũng không,  
Người sanh mờ昧 giữa mộng lung.*

*Ngày cũng không, tháng cũng không,  
Qua qua lại lại có gì xong.*

*Vợ mà chi, con mà chi,  
Suôi vàng gập gờ chẳng nhìn chi.*

*Quan mà chi, chức mà chi,  
Hết số tùy theo nghiệp mà đi.*

*Vàng mà chi, bạc mà chi,  
Nhắm mắt hai tay chẳng dính gì.*

*Sớm chạy Tây, tôi chạy Đông,  
Người đời xằng xít khác gì ong.*

*Trăm năm góp nhặt khi thành mật,  
Canh đắng rồi ra một cuộc không.*

*Tiếng trống canh ba vừa mới dứt,  
Trở mình đã lọt tiếng chuông rung.*

*Từ xưa suy nghĩ cho tường tận,  
Hẳn thiệt Nam-Kha một giấc nồng.*

Muôn ngàn cảnh vật, thiên hình vạn trạng đều là không có chi cả. Trông thấy là có, mà suy luận rằng không có cái thật tướng, chỉ là giả hợp, do tứ đại (đất, nước, gió, lửa) tạm kết, hoặc do nhân duyên tạm hợp mà thôi, ấy là Không.

Nhận thấy hình sắc muôn ngàn hình tượng, nhận thấy các pháp mà cho là có, ấy là Hữu, cũng gọi là Sắc. Kẻ chấp Có thường dễ bị dục vọng lôi cuốn, thường dễ bị chìm đắm trong tham sân si. Đối với những kẻ này, Phật dạy tu phép Không-quán để nhận định rằng tuy có đó mà rồi cũng sẽ như không có chi cả. Thuyết chấp Không này có vẻ rất tiêu cực và bi quan, nhưng là một phương thuốc hiệu nghiệm để giảm bớt lòng tham sân si của người đời.

Kẻ chấp Không cho rằng cuộc đời và vũ trụ đều không có chi cả, chỉ là một con số Không, một giấc

Nam-Kha, do đó để thành vô trách nhiệm, việc gì cũng buông xuôi, "Cũng liều nhắm mắt đưa chân, mà xem con Tạo xoay vần đến đâu". Đối với kẻ chấp Không thì Phật dạy tu phép Hữu quán để nhận định rằng tuy chúng sinh và vũ trụ vô thường, nhưng vẫn có, và tuy chúng sinh và người ta theo nghiệp mà di, nhưng cũng tự mình tạo ra nghiệp, do đó có phần trách nhiệm lớn lao.

Sau rốt, Phật dạy phép Trung-đạo quán, phối hợp và dung hòa cả Không quán và Hữu quán để thành Trung-đạo. Phi Không, Phi Hữu, Diệc Hữu, Diệc Không (Chẳng phải Có, chẳng phải Không. Vừa Có, vừa Không).

Thuyết này, tuy cao xa hơn, nhưng cũng tương tự như Dịch-lý trong Không giáo. Dịch là biến đổi. Vũ trụ và vạn vật không có cái gì là đứng yên một chỗ, giữ luôn một hình tượng, duy trì một trạng thái, nằm nguyên trong một hoàn cảnh. Nước chảy, gió thổi, mây trôi, ngày đêm nối tiếp là những biến chuyển thấy ngay trước mắt. Bốn mùa tuần hoàn, cây cỏ và động vật sinh trưởng, sanh sôi nảy nở rồi tàn tạ, tuy lâu lâu hơn, nhưng cũng biến chuyển không ngừng. Đến như núi non, lục địa, biển hồ, địa cầu và tinh tú trong trời đất, không có cái gì là không luôn luôn thay đổi. Đặc biệt là xã hội loài người, thịnh suy của các quốc gia dân tộc, thăng trầm hưng vong của các đế quốc và các nền văn minh, luôn luôn thay đổi. Quá khứ ảnh hưởng đến hiện tại, và hiện tại là mầm

mống của tương lai, tương quan với nhau trong một thế giây chuyền không bao giờ dứt.

Một hôm Đức Khổng Tử đứng trên bờ sông ngắm dòng nước chảy thở dài mà than rằng : "Thế giả như tư phù, bất xả trú dạ !" (Cứ luôn luôn chảy qua như vậy, ngày đêm chẳng bao giờ ngừng !) Bất cứ việc gì, khi chưa đến thì có khi tưởng rằng sẽ không bao giờ đến. Nhưng khi đến rồi thì qua ngay, ngoảnh lại có cảm tưởng chỉ là trong khoảnh khắc, trong chớp mắt, hình như chỉ là ảo mộng. Nhưng không phải vì chúng ta cho rằng là ảo mộng, vì chúng ta nhắm mắt lại không nhìn đến thực tế mà thực tế tự nó sẽ biến di. Vì vậy Khổng giáo chủ trương rằng người ta có trách nhiệm phải làm tròn phận sự để cải thiện xã hội không ngừng.

Phật giáo, tuy khác Không giáo ở chỗ hay bàn đến những lẽ cao siêu, nhưng không bi quan, không tiêu cực, không yếm thế. Đức Thích Ca lia bỏ ngôi báu, giả từ cung điện, lánh biệt cha mẹ vợ con, vào chốn thâm sơn cùng cốc tu khổ hạnh sáu năm trường. Khi đã thành Chánh giác, Ngài lại nhập thế, trở lại đời, để lo hoằng đạo, cứu nhân độ thế, cứu độ chúng sinh. Cũng cần nhắc lại rằng Phật giáo đặt trên căn bản dân chủ và bình đẳng. Đức Phật dạy rằng người ta ai cũng có Phật tánh, và ai cũng có thể thành Phật.

Tự ngàn xưa truyền thống của Phật Giáo Việt Nam là truyền thống nhập thế, luôn luôn gắn liền hai

phận sự phục vụ Đạo Pháp và Dân Tộc. Từ thành thị đến thôn quê, không nơi nào là không có chùa chiền, không nơi nào là sớm tối không nghe tiếng chuông, tiếng mõ, tiếng kinh kệ. Hải-triều-âm, qua các triều đại, đã giữ gìn nên đạo lý từ trong gia đình ra đến ngoài xã hội, và đã nung nấu tinh thần ái quốc giúp cho dân tộc Việt Nam thành công trong công cuộc chống Tống, bình Nguyên trong hai triều đại Lý Trần. Mãi về sau Phật Giáo Việt Nam vẫn tiếp tục không ngừng hai sứ mệnh cao cả phục vụ Đạo Pháp và Dân Tộc. Ngày nay ở trong nước cũng như ở hải ngoại, Phật giáo tiếp tục đối phó với hiểm họa cộng sản và bảo tồn nền văn hóa cao quý của dân tộc Việt Nam.

Tưởng cũng nên nhắc đến đặc sắc của Phật Giáo Việt Nam là tinh thần hòa hợp tôn giáo, rất cần thiết để tạo dựng đoàn kết dân tộc.

Thật là một triệu chứng đáng mừng là ngày nay ở hải ngoại, giữa phong trào văn minh vật chất, giữa mọi cám dỗ của đời sống phồn hoa, đồng bào Việt Nam hải ngoại vẫn thiết tha với các giá trị tinh thần, vẫn giữ được tinh thần mộ đạo. Đặc biệt là tinh thần nhập thế của Phật Giáo để phục vụ Đạo Pháp và Dân Tộc lại càng sâu sắc, lại càng hùng tráng hơn bao giờ hết. Hy vọng trùng hưng quốc gia dân tộc nhờ vậy mà càng ngày càng thêm vững mạnh.

**PHAN QUANG ĐÁN**



---

## VÀI NHẬN ĐỊNH VỀ PHẬT GIÁO

---

TRẦN CHUNG NGỌC

Trong Phật Giáo Thống Nhất số 1, tôi đã viết về vấn đề phát tâm hành đạo của Phật tử. Trong thực tế, quyết định bắt đầu phát tâm hành Đạo này bao giờ cũng khó, một phần vì chúng ta chưa hiểu rõ đạo Phật, một phần vì chúng ta không nhìn thấy ngay một cái lợi trước mắt, một phần vì chúng ta không muốn hoặc không đủ ý chí thay đổi nếp sống hằng ngày. Sau đây chúng ta hãy tìm hiểu chút về Phật giáo với hy vọng một khi đã hiểu, những hiểu biết đạt được sẽ là động cơ thúc đẩy chúng ta quyết định bước vào con đường học Phật.

Trước hết chúng ta nên hiểu Phật giáo như thế nào? Phật giáo là một tôn giáo, một hệ thống triết lý, hay là một lối sống đạo đức? Thật khó mà có thể



trả lời dứt khoát câu hỏi này vì Phật giáo quá rộng rãi, quá sâu sắc, quá huyền nhiệm, siêu việt mọi hạn định và danh xưng. Người ta có thể nói Phật giáo bao gồm tất cả, nghĩa là, tùy theo quan điểm, Phật giáo có thể là một tôn giáo, một hệ thống triết lý, hoặc một lối sống đạo đức, nhưng người ta không thể quy Phật giáo vào bất cứ một hạn định hay danh xưng nào. Xét theo những sắc thái đặc biệt và nội dung của Phật giáo, chúng ta có thể nói rằng : Phật giáo là chân lý, nghĩa là những sự thực chi phối sự vật vật. Vì Phật giáo là chân lý, nên chúng ta theo đạo Phật để tiến tới sự thực chứng chân lý, hay nói cách khác, tiến tới sự hòa đồng bản thân với chân lý, thuật ngữ Phật giáo gọi là giác ngộ, cứu cánh rốt ráo tuyệt đỉnh của sự tu tập Phật Pháp. Nhưng, đối với Phật tử chúng ta, đây cũng lại chỉ là những danh từ trừu tượng, bởi lẽ giác ngộ là một trạng thái không thể nghĩ bàn, chỉ có những người đã đắc Đạo mới thực sự hiểu thế nào là giác ngộ. Chúng ta nếu có duyên được đọc, nghe những lời viết, nói về giác ngộ cũng chỉ là đọc, nghe vậy thôi, nhiều lắm là phát khởi một tâm hành Đạo hoặc một sự phấn chấn trên bước đường tu hành. Lịch sử Phật giáo trong hơn 2500 năm qua cho thấy ngay trong Tăng đoàn số người giác ngộ không phải là nhiều, số cư sĩ tại gia giác ngộ lại càng hiếm hơn nữa, tuy hơn một phần ba dân số trên thế giới theo đạo Phật. Như vậy, đối với Phật tử chúng ta, chân lý nhà Phật có vẻ như xa vời,

khó đạt, và dĩ nhiên chúng ta không thể nào không đặt ra vài câu hỏi : Ta theo Phật giáo để làm gì ? Ngoài giác ngộ ra, Phật giáo còn có gì đáng để ta theo v.v..? Cách tốt nhất để trả lời những câu hỏi trên là chúng ta hãy tự dẫn thân vào con đường học Phật, bởi lẽ chỉ có những kinh nghiệm tu chứng bản thân mới là những câu trả lời xác thực nhất.

Tuy nhiên, con người thường muốn nhìn thấy ngay một cái gì "hấp dẫn" trước khi có một quyết định, nhất là một quyết định liên hệ tới vấn đề học Đạo. Do đó, sau đây tôi xin kê ra nhận định về Phật giáo của một số nhân vật nổi danh trên hoàn cầu. Những nhân vật này là những người "ngoại đạo", sống trong những xã hội Âu Mỹ, những xã hội được coi là văn minh tiến bộ. Những Phật tử có mặt cảm trước hào quang của khoa học vật chất hoặc trước vẻ "văn minh tiến bộ" của các tôn giáo khác, nên suy ngẫm kỹ về những nhận định sau đây:

**1. Khoa-học-gia Thomas Huxley:** Phật-giáo là 1 tôn-giáo không chấp nhận có Thượng-Đế theo nghĩa người Tây phương hiểu, không cho rằng con người có một linh-hồn và coi quan niệm về một sự trường tồn (vĩnh viễn ở Thiên-dàng hay địa-ngục) là một quan niệm ngây-ngô. Phật-giáo dẫn dắt con người tìm hiểu chính mình, tự lực tu tập để tiến tới giải thoát (giác-ngộ). Trong tinh thần thuần khiết nguyên

thủ, Phật-giáo không coi trọng những lời thề nguyện phải trung thành với bất cứ ai và không bao giờ tìm kiếm sự cứu giúp của "cánh tay cứu rỗi". Dù vậy, Phật-giáo vẫn truyền-bá và phát-triển trên khắp thế giới một cách nhanh chóng, và hiện nay vẫn là tôn-giáo của phần lớn nhân loại.

**2. Triết-gia Schopenhauer:** Nếu tôi coi kết quả triết thuyết của tôi như là những tiêu chuẩn của chân-lý, tôi bắt buộc phải nhường bước trước sự cao đẹp nổi bật của Phật-giáo so với các tôn-giáo khác.

**3. Giáo-sư Tâm-lý Carl Jung:** Là 1 người nghiên cứu về môn học so sánh các tôn giáo, tôi tin tưởng rằng Phật-giáo là 1 tôn-giáo hoàn mỹ nhất trên hoàn cầu mà tôi được biết. Triết-lý của Đức Phật, thuyết tiến-hóa và định-luật nghiệp-báo đã vượt trên mọi thuyết của các tôn-giáo khác.

**4. Tiến-sĩ phân-tâm-học Graham Howe:** Đọc một chút về Phật-giáo là ý-thức được rằng từ hơn 2500 năm trước, sự hiểu biết về phân-tâm-học của Phật-giáo đã vượt xa những vấn-đề thuộc phân-tâm-học hiện-đại. Không những Phật-giáo đã nghiên-cứu những vấn-đề này mà còn đưa ra những phương thức giải quyết. Ngày nay chúng ta chẳng qua chỉ "khám phá lại" một phần trí-tuệ xa xưa của Đông-phương.

**5. Tiến-sĩ Rhys Davids:** Tôi đã khảo sát và tìm hiểu tất cả các tôn-giáo lớn trên thế-giới. Không có 1 lý-thuyết tôn-giáo nào có thể sánh được cái đẹp và tính-chất thực-tế của thuyết về Tứ Diệu Đế của Đức Phật. Tôi rất hài lòng và đã đặt cuộc sống của tôi theo con đường này. (Rhys Davids là một học giả nổi tiếng chuyên về tiếng Pali. Ông là con của một mục-sư công giáo, dịch kinh điển Phật-giáo với mục đích chứng tỏ rằng Công-giáo cao hơn Phật-giáo nhiều, nhưng sau cùng Ông đã thấy được sự thực và trở thành một Phật tử).

**6. Tiến-sĩ Edward Conze:** (một học giả nổi tiếng hoàn cầu về các công cuộc nghiên cứu và trích dịch kinh-diễn Phật-giáo): Người Tây-phương mới đầu có vẻ như chỉ bị hấp dẫn bởi cái vẻ là lạ của Phật-giáo, nhưng rồi sau đó nhận ra được chân giá-trị của Phật-giáo khi thấy những kết quả của Phật-giáo trên đời sống hàng ngày của con người.

**7. Văn-sĩ Công-giáo René Grousset:** Người Công-giáo có thể ngưỡng mộ không chút dè dặt những cái đẹp về nhân bản của Phật-giáo và học được rất nhiều điều trong đó.

**8. J. G. D. Campell** (một viên chức cao cấp người Anh đã sống nhiều năm ở Thái Lan) : Trong lịch-sử Phật-giáo chúng ta không thấy một chương

đen tối nào tương tự như những cuộc áp bức ngoại đạo hay Thánh chiến của Công-giáo. Những tư tưởng trên hoàn toàn xa lạ trong Phật-giáo mà nòng cốt là Từ-Bi và Bác-Ái.

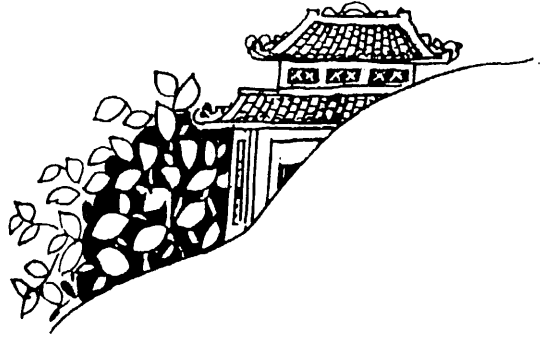
**9. Giáo-sư Maxwell Sommerville, Đại-học Pennsylvania:** Những nguyên lý đặc thù của Phật-giáo là phá bỏ chấp Ngã, tu tập Thiền định và sống một lối sống đạo-đức. Lối sống đạo-đức này, nếu được tôn trọng triệt để trong những xứ công-giáo, sẽ đưa xã-hội lên một mức cao hơn là mức mang lại bởi cái mà chúng ta vẫn huênh hoang khoe là (dịch chữ boast) văn-hóa tôn-giáo của chúng ta. Lối sống đạo đức này là một vườn hoa tinh thần mà hương thơm của những bông hoa chính là cái đẹp của một lối sống Thánh Thiện từ đó chúng ta có thể có một ý niệm đúng về những tình cảm trong sạch, lương thiện, cao đẹp, mà qua bao thế-kỷ đã thấm nhập vào tâm khảm của những dân-tộc mà những người Công-Giáo chúng ta đã coi như là chậm tiến, lạc hậu.

Hiển nhiên là vài nhận định trên, tuy chỉ mô tả một phần rất nhỏ của Phật-giáo, nhưng cũng đủ để cho chúng ta có một ý niệm tổng quát về Phật-giáo. Từ những nhận định trên chúng ta thấy rằng, bất cứ về phương diện nào: tôn-giáo, triết-lý, hay lối sống đạo-đức, Phật-giáo cũng nổi bật với những giáo-lý đượm màu Từ-Bi, Bác-Ái, Rộng-Rãi và Bao-Dung.

Do đó, chúng ta có thể nói Đạo Phật là Đạo của con người theo đúng nghĩa của một con người, phục vụ những nhu cầu tín ngưỡng và luân-lý thiết thực nhất của con người. Là Phật-tử, chúng ta có quyền hãnh diện về Phật-giáo, Đạo chúng ta đang theo. Nhưng vấn-đề không phải ở chỗ chúng ta "theo" Phật-giáo bởi lẽ Phật-giáo chỉ có nghĩa khi chúng ta thực hành Phật Pháp khởi đầu bằng quyết định bước vào con đường hành Đạo.

Trên đây tôi đã đưa ra nhận định về Phật-giáo của một số nhân vật có tên tuổi. Chúng ta nên hiểu rằng, khi đưa ra những nhận định trên, những nhân vật liên hệ chỉ làm một chuyện công bằng, đúng đắn, với mục đích cải thiện chứ không phải đá kích tôn giáo của họ. Điều này phản ảnh những bộ óc rộng rãi, lương thiện. Trí sáng suốt và sự thông minh của những nhân vật này có lẽ vượt xa đa số Phật-tử chúng ta. Sau cùng, bạn đọc cũng nên để ý là tôi đã không viện dẫn nhận định của những bậc xuất-gia tu-hành nghiêm chỉnh vì e bạn đọc cho rằng tôi cố ý đưa ra những ý kiến thiên vị của những tín-đồ Phật-giáo. Đối với những bạn còn đang phân vân về vấn đề phát tâm hành Đạo tôi hy vọng bài này sẽ giúp quý bạn đi tới một quyết định hợp lý, có lợi cho bản thân và cho xã-hội. Mong vậy thay.

**TRẦN CHUNG NGỌC**



## ĐƯA NHAU LÊN CHÙA

**MINH ĐỨC HOÀI TRINH**

Sau hôm đi nghe thuyết pháp với Vinh và Hợp về, Quỳnh Dao có vẻ chú ý nhiều đến đạo Phật. Cảm thấy mình hơi thiếu sót, từ độ sang tị nạn tại Hoa Kỳ, cô gái lớn lên trong một gia đình, tuy không thiếu thốn nhưng mọi người đều ý thức được sự phải tự lo cho tương lai, lo cho cuộc sống của mình, không hy vọng trông nhờ ai giúp đỡ cho.

Người cha vẫn còn ở trong trại cải tạo, bị đưa ra Bắc vì là một quân nhân cấp tướng. Thịnh thoảng mới nhận được một chút tin tức, qua các người bạn, hoặc vài người bà con tìm cách thăm viếng hoặc thư từ.

Mỗi khi nghe có người được thả, có người được

ra ngoại quốc, mấy mẹ con lại buồn, những mối buồn tuy khác nhau, nhưng cũng là sự nhớ thương của vợ, của con gái, của con trai, bao nhiêu lời cầu nguyện mỗi lần đi lễ ngày chủ nhật đều dồn về cho người vắng mặt ấy.

Quỳnh Dao vẫn hỏi, người ta lấy tiêu chuẩn nào để buộc tội. Hay làm dân Việt Nam ở miền Nam là có tội, hay nói chung tất cả, những ai đã sinh ra làm người Việt Nam đều bị định tội trước khi làm tội chăng.

Lệ thường ở Hoa Kỳ nhà ai cũng phải có hai đầu lương mới đủ sống, mẹ Quỳnh Dao không quen làm việc với người ngoại quốc, chỉ quanh quẩn làm chung với người Việt Nam nên cũng không đưa về được nhiều tiền. Các con đứa nào cũng phải lo học nhanh để chọn một nghề gì dễ tìm việc, không tốn kém và không đòi hỏi nhiều thời gian. Hầu hết đều đã tự dài thọ lấy cho mình sau khi xong cấp trung học, vừa đi làm vừa đi học để giúp vào quỹ gia đình cho mẹ bớt vất vả.

Người mẹ đáng kính và đáng thương, ngày cha được thăng cấp tướng là ngày đất nước bắt đầu quy ngã, để rồi mỗi người một nơi.

Vì sự bận rộn trong việc học và ưu tư quá nhiều về tương lai, đã có người sao lãng phần kiến thức văn hóa, phần tinh thần. Nhất là phần văn hóa của dân tộc mình.

Quỳnh Dao cũng như các anh chị mình và đa số

cùng lúa, chỉ biết một ít về tôn giáo của mình qua những buổi lễ, nhưng sự hiểu biết cũng hạn hẹp vì không có nhiều thì giờ mà trau dồi nghiên cứu, nói gì đến hiểu biết qua một lĩnh vực tôn giáo khác.

Lần thứ nhất đi theo Vinh và Hợp nghe thuyết pháp, người thiếu nữ cảm thấy xa lạ với những tư tưởng những danh từ mình chưa mấy khi nghe. Cũng là một cơ hội để tìm hiểu chút ít Quỳnh Dao chỉ biết mơ hồ rằng đạo Phật đã đóng góp nhiều vào văn hóa Việt Nam, đi vào dân gian từ bao nhiêu thế kỷ, từ đời nhà Lý nhà Trần hay trước nữa. Ngày còn ở quê nhà cô gái cũng đã có học qua những bài học lịch sử, nhưng học xong là trả thầy ngay, hẳn vì thầy không biết cách đưa vào lòng học trò những mầm yêu thương đất nước. Vả lại, thuở ấy còn quá trẻ nên cũng không biết gì mà phân tích tìm hiểu.

Quỳnh Dao nhận thấy những sự hiểu biết về quê hương đất nước, nếu ở trường mà thầy giáo không cố tâm giảng dạy thì ở nhà cha mẹ phải biết nhồi vào lòng con cái những tư tưởng yêu quê hương, yêu đất nước ấy. Nếu vì một lý do gì mà cha mẹ không để ý đến hay không có nhiều thì giờ dành cho các con ở tuổi chúng vừa hiểu biết như hoàn cảnh của gia đình mình, thì những đứa con đành chịu thiệt thòi.

Suy nghĩ thật nhiều, muốn tìm một phương thức gì để cứu vãn, Quỳnh Dao quyết định điện thoại nói với Hợp, Nhưng Hợp cũng chịu thua và hỏi có muốn thì chúng ta đi tìm cái nhà ông Bác sĩ gần và một

sách để xem ông có thể tiếp tay được chăng.

Thật là gõ đúng cửa, muốn làm giàu thì đi hỏi mấy ông ngân hàng, mà muốn tin về văn hóa quê hương thì chỉ có đi hỏi mấy ông già gần đây, may ra họ sẽ đưa sách vở hoặc giảng giải cho.

\*\*\*

- Nhân ngày 19 tháng 2 này là ngày Thánh dân, quý vị có muốn thì tôi đưa đến một ngôi chùa rất có màu sắc Việt Nam.

Vinh hỏi và cố nhiên là cả Quỳnh Dao lẫn Dạ Hợp đều đồng ý, may mắn lại được vào đúng ngày chủ nhật, mọi người tha hồ mà đi gần đi xa.

- Hình như có nhiều chùa ở đây lắm phải không chị Hợp?

- Chắc thế, hỏi ông Vinh ông ấy biết nhiều, tôi quê mùa ít đi đâu.

- Chùa thì có rất nhiều nhưng vấn đề được đặt ra là phải làm thế nào để duy trì ngôi chùa. Vì vậy tôi mới hay đến viếng ngôi chùa này, tuy hơi xa với quận nhà nhưng đây là nơi đào tạo tăng ni. Nếu không còn người đi tu thì xây chùa để làm gì.

- Sao nghe bảo người âu mỹ bây giờ cũng có một số thích tìm hiểu đạo Phật, có người còn đi tu.

- Có thể, nhưng chùa của tị nạn Việt Nam thì ít nhất cũng phải có ít hay nhiều người Việt Nam tu chứ. Đường lên chùa này phải qua một cái đèo tôi đặt tên là đèo Hải Vân, qua khỏi đèo là sắp tới chùa.

Đến chùa quý vị sẽ thấy có hai bức tượng lớn, một bức tượng ở ngoài, bằng đá trắng, và một bức tượng ở trong vườn đứng trên hồ nước, được thếp vàng. Có bình tịnh thủy tuông xuống mặt hồ, có cây cỏ chung quanh trông rất an tịnh. Ai muốn suy tư hay muốn tránh chốn ô trọc, phiền não, thì tha hồ đến mà suy tư, mà trốn tránh.

- Tại sao lại bình tịnh thủy và cảnh dương liễu nhỉ ?

Nghe Hợp đặt câu hỏi Vinh cau mặt, nghiêm giọng trách ngay,

- Con nhà Phật mà không biết à ? Phải biết chứ đó là điều sơ đẳng nhất mà.

- Con nhà Phật là một chuyện nhưng có phải ai cũng đủ thì giờ mà đọc sách xem kinh nghiên cứu như quý vị bác sĩ. Đời nay đọc sách cũng là một thứ xa xỉ.

Nghe Hợp nói cả Vinh lẫn Quỳnh Dao cũng cười, nhưng Vinh định nói sang vấn đề khác vì trước mặt cô bạn trẻ, khác tôn giáo e phải nghe nói nhiều về đạo Phật lại ngại và kỳ sau hết dám xin đi theo chẳng. Vinh vốn kỵ nhất là sự rủ rê, ai có phần số của người ấy, mỗi đạo đều có những khía cạnh phù hợp với mệnh vận của mỗi người, nếu không tự tìm đến thì sự nài ép chỉ là điều vô ích. Vinh bỏ nhiều thì giờ để nghiên cứu nên anh chàng có thể nói cả ngày, cả buổi, không biết mệt, nhất là những gì thuộc lĩnh vực say mê của mình.

- Bác sĩ, biết thì phải giảng, phải nói cho mọi người nghe chứ, dấu cái hiểu biết như nhà giàu dấu của, cũng là một cái tội đấy nhé.

Vinh bật cười khi nghe đến chữ tội, nếu nói ra mà khỏi tội thì được, đỡ phải sám hối.

- Vây thì xin nói, nghe có tội là sợ rồi, cuộc đời trót làm nhiều tội, sám hối mãi mà chắc không bao giờ hết. Đức Quán âm vì sự cứu khổ cho chúng sinh nên đã thị hiện, hóa thân ra nhiều loại người, nhiều giai cấp. Điểm này thì ai thường tụng kinh Phổ Môn đều biết. Đây tôi chỉ xin nói cho chị Hợp nghe một vài chi tiết về các thứ ấn khế, hoặc những bức tượng có những vật cầm tay khác nhau, gọi là bổ túc sự hiểu biết.

- Có túc mới bổ chứ, cứ nói đi, khỏi cần giáo đầu rườm rà.

- Vì đức Quán âm đã nguyện là cứu khổ, chúng ta hay nghe trong kinh có chữ "tâm thanh cứu khổ", tức là tìm đến âm thanh của kẻ khổ mà hóa hiện sự cứu độ. Một tiếng than, một tiếng rên rỉ thở dài đều được nghe và nếu chân thành cầu nguyện cũng sẽ được cứu độ.

- Thật không bác sĩ ? Quỳnh Dao thắc mắc hỏi.

Thì Kinh sách bảo thế, ai không tin xin cứ thử cầu nguyện sẽ biết nhưng để tôi nói nốt cả bà Hợp lại bảo có tội. Mỗi kinh sách trình bày một khía cạnh và một thứ ấn khế, thì dụ như có sách họa hình đức Quán âm với tay phải cầm hoa sen, tay trái chấp

nguyện ấn. Có một sách khác lại họa hình ngài với tay trái cầm một vòng dây và tay phải cầm bát nhã hiếp, tức là cái hộp nhỏ. Một sách nữa lại họa Bạch Y Quan Âm tay phải đưa lên và tay trái cầm một đóa hoa sen chưa nở. Một sách khác nữa lại họa tay phải chấp nguyện ấn, và tay trái cầm bấu châu. Nhưng phần nhiều chúng ta hay thấy tượng ngài với cành dương liễu và bình tịnh thủy hay là Cam lộ thủy để trị bệnh, và đây cũng là điển hình cho sự Tâm thanh cứu khổ. Trái lại với hình tượng tay phải cầm bấu châu và tay trái chấp nguyện ấn, là biểu hiện sự "Cho người được như ý viên mãn".

Ai muốn cầu xin điều gì thì cứ tâm thành, thanh khiết rồi cầu xin nhưng theo Đà La Ni tập Kinh, có dặn rằng nên trì chú và kết ấn thì sẽ hiệu nghiệm hơn.

Quỳnh Dao thì thăm - Quả là một thế giới mênh mông, con người trần tục biết đâu mà tìm tới.

- Đây mới nói đến có mỗi một vị Phật Quán âm thôi, lẽ thường ở tất cả các chùa, chúng ta còn thấy hình tượng của đức Phật A Di Đà, đức Phật Thích Ca, rồi còn đức Dược Sư, đức Địa Tạng đức Di Lặc ... và còn hàng hà sa số chư vị Phật và Bồ Tát khác.

Tại sao ở đây lại chỉ thấy có mỗi một Phật Quán âm ? Quỳnh Dao hỏi thăm, vì chưa vào trong chùa, và đây là lần đầu tiên cô gái đến viếng một ngôi chùa nên cái gì cũng làm cho cô gái ngỡ ngàng. Trái lại thấy Vinh như cá gặp nước, và sự hiểu biết, so với một

con người trung bình, không là nhà tu thì ở một tôn giáo nào thì quả cũng có điểm đáng chú ý. Hơi khác người, lẽ thường, chỉ những kẻ cô đơn mới thích đi tìm tòi nghiên cứu một hình thức để vui mình trong những vấn đề khúc mắc, dờ phải suy nghĩ những chuyện khác.

Quỳnh Dao nghi rằng Vinh cũng phải ở trong hoàn cảnh này chăng, chưa có dịp hỏi thăm, và cũng chưa quen biết nhau nhiều.

- Vào chính điện sẽ thấy có tượng Phật Thích Ca và một vài hình tượng khác.

- Giá có ai giảng về các thứ ấn nhỉ ? Lắm khi nhìn các hình tượng, tôi nghĩ chắc phải có nhiều ý nghĩa mà rồi mình u mê chẳng hiểu mô tê gì cả. Lúc nãy nghe ông Vinh nói qua đến cái ấn, gọi là chấp nguyện ấn thì mới biết được vậy thôi. Nhưng Nguyện Ấn là như thế nào ...

- Tí vào trong chùa hỏi Thượng Tọa ngài giảng cho mà nghe, tôi là thứ phàm phu biết hiểu nông cạn, không dám ...

Thượng Tọa bạn, mình đâu dám dưng đột hỏi như vậy, phải đợi khi nào ngài thuyết pháp hay giảng dạy thì mới dám đặt vấn đề chứ.

- Chị Hợp cũng lắm trò nhỉ ? Quỳnh Dao ngạc nhiên, từ trước đến nay đi làm thấy Hợp có vẻ không được thời trang lắm, lúc nào cũng lăm lì, cứ ngỡ rằng người đàn bà cũng an phận như một số các bà lớn tuổi.

- Ông Vinh biết thì nói thêm đi, hôm nào có dịp gặp thầy giảng tôi sẽ hỏi sau, ít nhất mình có biết chút ít trước khi nghe giảng và đặt câu hỏi mới thắm.

- Thì thôi, nói sơ qua vậy, không nói chị lại dọa là có tội, nhưng biết bắt đầu chỗ nào đây ?

- Tôi hay nghe nói đến cái Định Ấn ? Vậy Định Ấn là như thế nào, sao gọi là Định Ấn ? Đấy, ông bắt đầu câu hỏi đó đi rồi ta tính sau.

Quỳnh Dao nghĩ thầm, các bà Phật tử này quá quái thật, chẳng bao giờ thấy mẹ mình dám chửi các cha như vậy, các cha hay là các người lớn khác.

- Đức A Di Đà của Mật Tông chấp Định ấn với hai tay chồng lên nhau, khác với Định ấn chúng ta thường trông thấy trên những bức tượng của Hiền Tông. Thế giới cực lạc của đức A Di Đà, mà da số ấn trên tượng ngài được họa, hoặc tạc lên thì lại là ngón tay chỉ và ngón tay cái tiếp hợp với nhau được gọi là Thuyết Pháp Ấn, hay là Chuyển Pháp Luân Ấn.

Quỳnh Dao hoàn toàn bỡ ngỡ với những chữ, những danh từ mà từ độ sang đất Hoa Kỳ cô gái chưa bao giờ nghe ai nói, cũng không bao giờ có dịp đọc trên những sách báo quen thuộc.

- Chuyển Pháp Luân là gì ? Em thật chưa bao giờ nghe nói những chữ này.

- Khi Phật dạy Pháp, gọi là Pháp luân hay là chuyển pháp luân. Đa số những bức tượng ở Ấn Độ, Tây Tạng, và Mật Tông đều tạc và họa hình chuyển pháp luân, nên khó mà đoán biết được cái Định ấn

của đức A Di Đà, nhưng theo nhiều sách thì Định ấn của đức A Di Đà của Hiền Tông và Mật Tông không thể không liên hệ ...

- Thế Định có nghĩa là gì ?

- Định ấn là ấn kế tiêu biểu cho sự Nhập Định, gồm có ba bộ khác nhau, Phật bộ, Liên Hoa bộ và Kim Cang bộ. Phật bộ là Pháp giới định ấn, Liên Hoa bộ là Di Đà định ấn, và Kim Cang bộ là Phật Định ấn.

- Em nghe chẳng hiểu gì cả, chắc phải theo các anh chị đi chùa nhiều lần may ra mới có một chút kiến thức.

Hợp nghe Quỳnh Dao nói trong lòng rất vui, một là thêm một người bạn, hai là người đàn bà này còn có một vài ý nghĩ chặt hẹp, trái hẳn với Vinh. Tuy vậy, Hợp thấy cần phải khoe thêm về Vinh, để Quỳnh Dao đừng nghĩ rằng anh chàng chỉ biết một vài vấn đề rồi nói như vẹt mà thôi.

- Quỳnh Dao có biết là ông Vinh học trường dòng từ nhỏ đến lớn đấy nhé, đọc kinh tiếng La Tinh chứ không học tiếng Việt nữa đấy.

Vinh cau mặt nhìn Hợp, hơi tỏ vẻ không bằng lòng, anh chàng chẳng bao giờ muốn nói về mình cho người khác, Hợp là vì khá thân, cô nàng là khách hàng từ ngày chưa mất nước, quen cả với gia đình của Vinh nên mới nghe nói đến những gì thuộc thời quá khứ.

- Chị Hợp đừng có nhiều chuyện.



Quỳnh Dao thích quá, tin rằng chắc với đạo của mình anh chàng cũng sẽ nói được cho mình biết thêm nhiều điều để giúp cho kiến thức của mình đang còn thiếu sót.

- Thật nhé bác sĩ, hôm nào bác sĩ đưa chúng tôi đến viếng một ngôi nhà thờ ở xa xa, tôi thích những gì cổ kính.

Vinh chỉ cười trả lời lững lờ.

- Để còn xem, phải đủ mấy yếu tố mới đi chơi được chứ.

- Yếu tố gì? Sao mà khó khăn dữ vậy.

- Thiên thời, địa lợi, nhân hòa.

- Khiếp đi chơi mà bác sĩ làm như ra trận.

- Nhà Phật dạy cái gì cũng phải có cơ duyên, như hôm nay chúng ta kéo nhau lên Phật Học Viện này, mà mãi đến bây giờ vẫn chưa vào chào Thượng Tọa là vì chưa phải giờ.

Hợp muốn hỏi thêm, còn đứng lần khân vì nhìn phong cảnh quá đẹp, bức tượng thép vàng rực rỡ linh lung chiếu xuống mặt hồ dưới ánh nắng, bên cạnh những khóm hoa khoe hương khoe sắc.

- Chắc thầy đang còn bận, để thầy tiếp khách thập phương chúng mình là đệ tử quèn thì vào sau cũng được, còn muốn hỏi thêm ông Vinh về cái gọi là Thí Vô Úy ẩn, nó như thế nào.

- Sao hôm nay bà Hợp nhiều chuyện dữ vậy, đó là cái ẩn khi muốn an ủi tay phải đặt thẳng trước ngực, theo một vài kinh sách giảng giải thì đó là cử

chỉ làm như khi mình muốn an ủi làm cho người ta bớt lo sợ. Nhưng tôi chỉ là thứ mọt sách biết chút ít vậy thôi, chúng ta vào chùa lạy Phật rồi còn thăm thầy. Muốn biết gì thêm thì bạch Thầy xin Thầy giảng cho.

(Trích một đoạn trong chương ba của BIỂN NGHIỆP sẽ xuất bản)

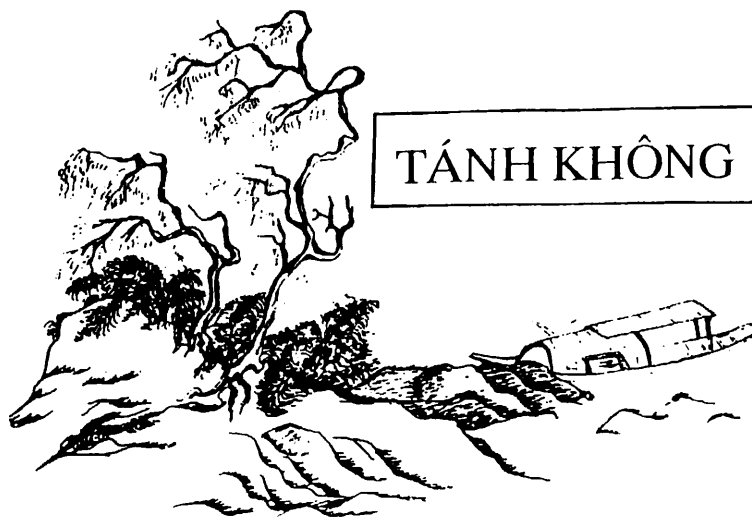
## MINH ĐỨC HOÀI TRINH



### NĂM THÁNG

*Xuân có hoa vàng lá xanh tươi,  
Hạ đến nắng tràn, gió thổi oi,  
Thu sang lá rụng trơ cành nõ,  
Đông về giá lạnh ngập phòng tây.  
Mỗi mùa mỗi vẻ tô hương sắc,  
Ngày nối ngày lòng chẳng dầy voi.*

NHẠN ĐÀ



## TÁNH KHÔNG

ĐẶNG TẤN HẬU

Không một Phật tử Việt Nam nào không thuộc bài kinh Bát Nhã chỉ dạy về "Tánh Không". Bài kinh Bát Nhã là bài kinh căn bản và tối quan trọng trong Thiên Tông. Ngài Đạt Ma Tổ Sư há không từng chỉ dạy "vạn pháp giai không" ? Vậy "tánh không" là gì ?

"Tánh không" là chân lý tuyệt đối (chân đế), không thể luận bàn, vượt ra ngoài ngôn ngữ thế gian. Mỗi người hiểu chân lý một cách khác nhau ví như năm người mù sờ voi. Kẻ bảo voi giống cột nhà, người cho voi giống cái quạt. Thật ra voi là voi. Chân lý là như thế. Lẽ tất nhiên, bài này khó tránh khỏi lỗi lầm trên. Nhưng, ngài Long Thọ Bồ Tát, vị tổ về

"tánh không", đã viết: " Chính nhờ ngôn ngữ thông thường, chúng ta mới có thể diễn tả tục đế. Chính nhờ tục đế, chúng ta mới hiểu chân đế". Lời dạy này là nguồn cảm hứng giúp cho tôi có can đảm viết về "tánh không".

Ngài Long Thọ Bồ Tát khẳng định: "Tất cả những gì gọi là nhân duyên, đó là tánh không" ( Yah pratityasamutpadah sunyatamtam pracaksmahe). Nhân duyên được giải thích tường tận trong chân lý thứ hai của "Thánh Đế". Do đó, chúng ta lần lượt tìm hiểu "thánh đế", "nhân duyên" và "tánh không" trong Phật giáo'

## THÁNH ĐẾ

Sau khi Đức Phật đắc đạo tại Bồ Đề Đạo Tràng, ngài đã thuyết bài kinh "Thánh Đế" còn được biết dưới danh từ "Kinh Chuyển Pháp Luân" cho năm anh em Kiều Trần Như. Sau khi nghe bài pháp này, các vị trời đồng ca ngợi "giáo pháp tuyệt luân, chưa từng được nghe thấy".

"Thánh Đế" dịch từ Phạn ngữ " ariya saccani". "Ariya" là cao thượng. "Saccani" là chân lý, là cái gì rõ ràng, minh bạch, không còn tranh luận. Thông thường, khoa học tìm kiếm chân lý hữu vi có thể kiểm chứng bằng mắt thấy, tai nghe. Phật giáo chỉ

dạy chân lý hữu vi và vô vi; chúng ta có thể chứng nghiệm bằng sự hiểu biết thông thường hay bằng trực giác. Vì chân lý Phật giáo hướng về đạo đức, tâm linh, giải thoát, nên lời dạy của Phật là chân lý cao thượng.

Thánh Đế còn được biết dưới danh từ "Tứ Diệu Đế" hay "Tứ Đế" gồm có Khổ Đế, Tập Đế, Diệt Đế và Đạo Đế. Hai chân lý đầu có tính cách thế gian (hữu vi) và hai chân lý sau thuộc về siêu thế (vô vi).

### **Chân Lý Thứ Hai: Tập Đế**

"Tất cả các pháp thế gian đều do duyên hợp mà thành". Không có một sự vật nào tự nó đứng riêng rẽ. Thí dụ: Nước do hai chất oxy và hydro tạo thành. Nước gặp sức nóng bốc thành hơi. Hơi gặp chất lạnh đông lại thành nước. Vì thế, nhà bác học Lavoisier đã dùng danh chính nhờ câu "Rien ne se crée, rien ne se perd" (Không có gì tự tạo, không có gì tự diệt). Tất cả do duyên hợp mà có. Một chúng sanh do tinh thần và vật chất hội tụ lại. Bất cứ sự vật nào do duyên hợp mà thành đồng chịu định luật sinh diệt. Đó là lý tự nhiên. Tuy nhiên, con người không nhận thức hay không dám nhìn thẳng vào hiện tượng sinh diệt. Con người lo sợ thân này mau hư hoại, không thường còn, con người tự nguy hiểm một linh hồn vĩnh cửu. Con người phát sanh tư tưởng "tham ái",

bám víu vào cái không thể không sanh diệt. Đó là nguồn gốc căn bệnh của chúng sanh. Đó là nhân gây ra quả luân hồi, đau khổ.

### **Chân Lý Thứ Nhất: Khổ Đế**

Vì thiếu tinh thần can đảm, con người "bám víu" vào cái sanh diệt. Con người chấp vô thường thành thường còn. Khi được thì con người hạnh phúc, lúc mất, con người trở nên bi ai, đau khổ. Thông thường, chúng ta đau khổ nhiều hơn hạnh phúc. Chính nhân "tham ái" gây ra quả "đau khổ" dịch từ Phạn ngữ "Dukkha" tức là cái gì không vừa lòng có thể thuộc về thể xác hay tinh thần. Theo Phạn ngữ, "tham ái" đồng nghĩa với "khát" hay "không bao giờ biết đủ". Được thì vui nhưng cái vui cũng sinh diệt, tiếp theo đó là cái khổ. Nhà Phật giải thích chính cái khổ cũng chịu định luật sinh diệt. "Cái khổ vui" dẫn dắt con người lang thang sanh tử không ngừng như con kiến chạy quanh mặt bàn.

### **Chân Lý Thứ Ba: Diệt Đế**

Người học Phật nhận thức cuộc đời vô thường, khổ não, nhận thức tất cả sự vật đều do duyên hợp mà thành, không có một sự vật nào tự nó đứng riêng rẽ. Một chúng sanh do năm uẩn hợp thành, do thể xác và tinh thần mà có. Thể xác thay đổi từng giờ,

từng phút. Hơi thở vào hay hơi thở ra là ta ? Nước uống vào hay nước bài tiết ra là ta ? Có thân tức có sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Sáu căn gặp sáu trần bên ngoài như âm thanh, mùi vị, v.v... Vì sáu căn nô lệ sáu trần, chúng ta bám víu theo sắc trần bên ngoài nhằm thỏa mãn thất tình lục dục ví như miếng thịt dính vào lòng chảo nóng.

Bậc giác ngộ nhận thức "các pháp vô ngã" như kinh Pháp Cú đã chỉ dạy:

"Tất cả các vật hữu vi đều vô thường (câu 277);  
Tất cả các vật hữu vi đều khổ não (câu 278);  
Tất cả các pháp (hữu vi và vô vi) đều vô ngã"  
(câu 279).

Bậc giác ngộ nhận thức "naca so, naca anno" tức là "một chúng sanh không tuyệt đối là một người, nhưng cũng không phải hai người hoàn toàn khác biệt".

Tinh thần vô ngã là phương tiện, là đề mục thiền định dẫn đến giải thoát Niết Bàn. Niết Bàn phiên âm từ Phạn ngữ Nirvana do hai chữ Ni và Vana ghép lại. Ni là không, Vana là tham ái. Vậy, Niết Bàn là trạng thái không còn tham ái. Chúng ta có hai loại Niết Bàn: Hữu Dư Niết Bàn và Vô Dư Niết Bàn. Hữu Dư Niết Bàn là trạng thái Niết Bàn

trong khi hành giả còn mang xác thân ngũ uẩn ví như cánh quạt vẫn quay (ngũ uẩn) nhưng dòng điện (nghiệp) đã chấm dứt. Vô Dư Niết Bàn là trạng thái Niết Bàn sau khi hành giả không còn mang xác thân ngũ uẩn ví như cánh quạt ngưng quay và dòng điện không còn. Điều cần biết Niết Bàn không phải hư không vì chư Phật và chư vị A La Hán đã chứng nghiệm trạng thái an vui Niết Bàn ví như câu chuyện con rùa và con cá. Con cá hỏi con rùa đất có trong nước hay không ? Rùa trả lời không. Chúng ta có thể bơi lội trong đất hay không ? Rùa trả lời không. Tất cả câu trả lời đều là không nhưng không có nghĩa đất không có thật.

#### Chân Lý Thứ Tư: Đạo Đế

Theo Thánh Đế, chân lý thứ nhất chỉ rõ căn bệnh của chúng sanh, chân lý thứ hai là nguồn gốc của căn bệnh. Chân lý thứ ba là sự chấm dứt căn bệnh. Chân lý thứ tư có tính cách trị liệu nhằm diệt trừ nguồn gốc của căn bệnh. Đây là con đường trung đạo nhằm diệt trừ tham ái, nhận thức "vô ngã"; không cùng một người nhưng cũng không phải hai người hoàn toàn khác biệt.

Đạo Đế là con đường tu tập đặc biệt của Phật giáo và chỉ có con đường này dẫn đến giải thoát tức là thực hành pháp vô ngã dặt vào trạng thái Niết Bàn

an vui, tự tại, không còn lo sợ, sầu não.

Đạo Đế là con đường tu tập ba pháp Giới-Định-Tuệ. Giới nhằm trau dồi phẩm hạnh lời nói và hành động. Định nhằm kiểm soát ý và Tuệ nhận thức chân lý, sống trong sự thật; tức là nhận thức vô thường, khổ não và vô ngã.

Ba pháp Giới-Định-Tuệ được phân chia thành tám chi như sau:

GIỚI: chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng;  
ĐỊNH: chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định;  
TUỆ: chánh kiến, chánh tư duy.

Tóm lại, người học Phật nhận thức một chúng sanh chết đi, không có nghĩa hoại diệt. Người từ bỏ xác thân này đang tiếp tục bám víu vào cái ham thích khác để sống một đời sống khác. Ngược lại, kẻ thức giả giác ngộ "các pháp vô ngã", không có gì đáng cho họ "bám víu". Họ không còn ngã chấp và không còn tác ý hay "ý muốn tái sanh", nghiệp của họ đã chấm dứt.

### LÝ NHÂN DUYÊN

Lý Nhân Duyên là phần tinh hoa của Phật giáo, là triết lý chứng nghiệm. Nhân duyên dịch từ Phạn

ngữ "Paticca Samuppada". Paticca là tùy thuộc, Samuppada là phát sanh. Vậy, lý nhân duyên là pháp phát-sanh-tùy-thuộc. Thí dụ: vì có sức nóng nên nước bốc thành hơi. Vì có hơi lạnh nên hơi đông lại thành nước. Lý nhân duyên cũng còn được biết dưới danh từ "thuyết tương đối".

Lý nhân duyên giải thích "không có một sự vật nào tự nó độc lập", "không có sự vật nào tự sinh" như Thượng Đế sáng tạo. Mỗi sự vật đều chịu ảnh hưởng nhiều nhân trực tiếp hay gián tiếp, nhân quá khứ và nhân hiện tại ví như cây lúa chịu ảnh hưởng của đất, ánh sáng, phân bón, người chăm sóc v.v...

Lý nhân duyên có thể được tóm tắt trong bốn câu:

"Khi cái này có, cái kia có;  
Cái này vừa xuất hiện, cái kia xuất hiện;  
Khi cái này không có, cái kia không có;  
Cái này vừa diệt, cái kia diệt."

Lý nhân duyên còn được biết dưới danh từ "thập nhị nhân duyên" hay bánh xe đời sống. Đời sống con người luân hồi theo vòng tròn hay tái sanh trong sáu cõi: trời, thần, người, bàng sanh, ngạ quỷ và địa ngục. Đây là triết lý chỉ có thể chứng nghiệm bằng chính nội tâm hay thiền định.

Theo tinh thần thập nhị nhân duyên, chúng ta đau khổ vì mang tấm thân tứ đại, vì sanh-lão-bệnh và tử. Chúng ta sanh ra vì chúng ta "muốn bám giữ" cái đã có. Chúng ta có vì chúng ta tham ái. Chúng ta tham vì sự vật nào đó đã làm cho chúng ta ưa thích. Chúng ta ưa thích vì chúng ta thọ vui hay khoái lạc. Chúng ta có thọ vì chúng ta có xúc (sáu căn dụng với sáu trần). Chúng ta có xúc vì chúng ta có sáu căn. Chúng ta có sáu căn vì chúng ta có thân ngũ uẩn. Chúng ta có thân ngũ uẩn vì chúng ta muốn tái sanh. Chúng ta có ý muốn tái sanh vì nghiệp lực dẫn dắt. Chúng ta để cho nghiệp dẫn dắt vì vô minh, chấp cái sinh diệt thành thường còn, cho vô ngã là ngã. Do đó, chúng ta sanh tử luân hồi, không bao giờ chấm dứt.

Muốn chấm dứt sanh tử, chúng sanh nhận thức lý nhân duyên, tất cả do duyên hợp. Bất cứ sự vật nào do duyên hợp mà thành cũng đều chịu định luật vô thường, không đáng cho ta ham thích, bám víu vào.

Tận diệt vô minh dẫn đến tận diệt hành.  
Tận diệt hành dẫn đến tận diệt thức.  
Tận diệt thức dẫn đến tận diệt danh-sắc.  
Tận diệt danh sắc dẫn đến tận diệt lục căn.  
Tận diệt lục căn dẫn đến tận diệt xúc.  
Tận diệt xúc dẫn đến tận diệt thọ.

Tận diệt thọ dẫn đến tận diệt ái.  
Tận diệt ái dẫn đến tận diệt thủ.  
Tận diệt thủ dẫn đến tận diệt hữu.  
Tận diệt hữu dẫn đến tận diệt sanh.  
Tận diệt sanh dẫn đến tận diệt lão, tử, phiền  
nã, ai oán, đau khổ, buồn rầu và thất vọng.

Vì không có thực thể tự nó có nên nhà Phật gọi là "không". Không có một chúng sanh mà chỉ có sự tổng hợp của "năm uẩn", của "tinh thần và vật chất". Vật chất không những thay đổi từng phút, từng giây mà chính tư tưởng cũng thay đổi không phải từng giây, từng phút mà từng sát-na nhanh hơn máy điện tử. Vì thế, chư vị thiền sư mới thốt lên "thân như bóng chớp có rồi không" hay đời là mộng ảo. Vậy "tánh không" là gì ?

## TÁNH KHÔNG

### Lịch Sử

Ngài Long Thọ Bồ Tát (Nagar juna), vị tổ về tánh không, ra đời vào khoảng thế kỷ thứ hai sau Tây lịch. Tên Ngài do hai chữ "Naga" và "Arjuna" ghép lại. Naga là rồng tượng trưng cho trí tuệ và Arjuna là tên cây nơi ngài đã ra đời. Ngài sanh trong gia đình Bà La Môn nhưng về sau tu theo đạo Phật. Ngài nhận thấy con người di từ cực đoan này sang cực

doan khác như chấp linh hồn thường còn, bất biến hay chết là hết. Vì thế, ngài xiển dương "tánh không", chân lý tuyệt đối nhằm bác bỏ luận cứ chấp "có, không" của người đương thời.

Ngài Long Thọ Bồ Tát đã truyền thừa nhiều bộ kinh chỉ dạy về tánh không, chân lý tuyệt đối, khác với lý nhân duyên có tính cách chân lý thông thường (tục đế). Phật giáo Tây Tạng đã dịch 122 bộ kinh của ngài Long Thọ Bồ Tát từ Phạn ngữ sang tiếng Tây Tạng. Ngày nay, ngoại trừ Tây Tạng, chúng ta được biết 15 bộ kinh của Ngài Long Thọ như sau:

Madhyamaka-sastra, Vigrahavyavartani,  
Yuktisastika, Sunyata-saptati,  
Pratityasamutpadahrdaya, Catuhstava,  
Bhavanakrama, Suhrlekha, Bhavasamkranti,  
Ratnavali, Prajnaparamita-sutra, Dasabhumivibhasa,  
Eka-sloka, Vaidalya, Vyavahara-siddhi.

Ba bộ kinh được dịch từ Phạn ngữ sang tiếng Trung Hoa là Trung Quán Luận (Phạn: Madyamika sastra; Trung Hoa: Chung-lun), Thập Nhị Môn Luận (Phạn: Dvadasa-dvara; Trung Hoa: Shiherhmen lun), Bách Luận (Phạn: Satastra; Trung Hoa: Po lun) chỉ dạy về tánh không và được biết dưới danh từ "Tam Luận" (Trung Hoa: San lun). Tuy nhiên, người đương thời đi từ cực đoan "chấp có" sang cực đoan

chấp "không", chấp đời là ảo mộng, không có gì hết, sống đời sống thiếu đạo hạnh. Vì thế, bộ kinh "Bát Nhã Ba La Mật Đa" (Đại Trí Bộ Luận) tiếp nối theo sau để thức tỉnh những người phá chấp "quá trốn", không nắm vững tinh thần chân đế. Bài kinh Bát Nhã đề cao "nhất nguyên": "sắc tức thị không, không tức thị sắc", bác bỏ lập luận đời là huyền mộng. Từ đó, "tam Luận" (San Lun) trở thành "Tứ Luận" (Shih Lun).

Theo truyền thuyết, Phật thuyết kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa cho các vị trời và long thần. Sau đó, vào thế kỷ thứ hai Tây lịch, ngài Long Thọ Bồ Tát lấy kinh này từ long phủ tặng người thế gian. Bát Nhã Ba La Mật Đa phiên âm từ Phạn ngữ "Prajna Paramita" Prajna là trí tuệ, Paramita là đến bờ bên kia (toàn giác). Chúng ta có nhiều bộ kinh "Bát Nhã": Tiểu phẩm Bát Nhã (Asta sahasrika) gồm có 8,000 bài tụng và Đại Phẩm Bát Nhã (Sata sahasrika) với 100,000 bài tụng. Vì kinh Bát Nhã chỉ dạy về chân lý tối thượng nên tất cả hành giả phải đạt đến trí tuệ Bát Nhã mới có thể thành Phật, do đó, "Bát Nhã Ba La Mật Đa" được hiểu theo nghĩa bóng là "mẹ của chư Phật" (Phật Mẫu). Kinh Bát Nhã không những là kinh tối quan trọng trong Thiên Tông mà cả Mật Tông. Mật Tông đã thâm tóm trọn lời kinh trong một câu chú "A" có công năng màu nhiệm diệt trừ tất cả mọi chướng ngại.

Ngay chính ngài Phổ Hiền Bồ Tát cũng bác bỏ luận cứ "chấp không" nên ngài đã thị hiện thân nữ chỉ dạy một thầy tu phá chấp muốn gần nữ giới như sau:

"Biết ngài từ bỏ trần gian,  
Nhưng khuyên ngài hãy tưởng  
Dừng tâm niệm kháng kháng  
Cõi trần gian như là mộng huyễn".

### **Định Nghĩa**

"Không" dịch từ Phạn ngữ "Sunya". "Sunyata" là "Tánh Không". Sunyavada là triết lý về tánh không. Sunya rút từ căn SVI tức là "phồng lên" ví như người mẹ đang mang thai. Bào thai không phải bà mẹ, là cái gì bên ngoài, nhưng cũng không khác với bà mẹ. Sunya cũng có nghĩa là tròn đầy như bào thai. Vậy "tánh không" là trạng thái không phải là một cũng không phải là hai cái hoàn toàn khác nhau. Do đó, triết lý về tánh không còn được biết dưới danh từ "Trung Quán Luận" (Madhyamika).

Ngài Long Thọ, vị tổ về tánh không, đã khẳng định "những gì thuộc về nhân duyên, đó là tánh không". Ngài giải thích tiếp "tánh không" là aparapratyayam tức là tự chứng ngộ, santam tức là yên tĩnh, prapancair aprapancitam tức là không thể

luận bàn, nirvikalpam tức là tư tưởng siêu việt, ananartham tức là bất nhị, không hai.

Ngài đã dùng phương pháp "phủ định" để bác bỏ luận cứ "chấp có và chấp không". Ngài dùng "tứ cú" và "bát bất" giúp hành giả nhận thức chân lý tuyệt đối, đưa trí thức nhị nguyên của con người đến trí tuệ bất nhị, đạt đến cứu cánh Niết Bàn.

Tứ Cú : Có, không, vừa có cả hai, vừa không có cả hai.

Bát Bất : Không sinh, không diệt (anutpadam, anirodham) ;

Không đến, không đi (anucchedam, asasvatam) ;

Không đồng nhất, không dị biệt (anekartham, ananartham) ;

Không có, không không (anaganam, anirgamam).

### **Mục Đích**

"Tánh không" không phải cứu cánh. Tánh không chỉ là phương tiện giúp hành giả nhận thức chân lý tuyệt đối, đạt tới cứu cánh giải thoát, không còn đau khổ, không còn lo sợ và đạt vào trạng thái hạnh phúc hoàn toàn. Hành giả thực hành thiền định về "tánh không", hành giả ý thức chấp "không" hay chấp "có" đều tai hại ví như hành giả dùng thuyền qua sông.



Qua đến bờ, hành giả tiếp tục mang chiếc thuyền trên vai như một người ngu xuẩn. Vì thế, thiền sư thường hay trả lời "có rằng không, không rằng có cũng ừ" bởi vì cái có hay cái không không đủ sức diễn tả chân lý như năm người mù sờ voi. Điều cần biết tánh không là trung đạo, nhưng không có nghĩa ở giữa có và không mà bao trùm cả có và không.

Tánh không cũng không có nghĩa là hư vô. Ngài Long Thọ chưa bao giờ phủ nhận hay khẳng định Niết Bàn không có hay tánh không là hư vô. Tuy nhiên, hành giả dặt vào trạng thái Niết Bàn nhận thức không có người chứng đắc mà chỉ có sự chứng đắc ; do đó, dù hành giả còn mang xác thân ngũ uẩn hay không còn xác thân ngũ uẩn, sự chứng đắc, giác ngộ không khác.

### Tu Tập

Ba pháp Giới-Định-Tuệ là phương pháp tu tập đặc biệt của Phật giáo. Không giới-định-tuệ không có chứng đắc. Vì thế, "Trung Quán Luận" cũng không nằm ngoài định luật này. Tuy nhiên, hành giả lập hạnh đại thừa, có chí nguyện trở thành bậc Chánh Đẳng Chánh Giác tu tập theo pháp môn ba la mật (parami) như sau:

GIỚI: bố thí, trì giới;

ĐỊNH: tinh tấn, nhẫn nhục, thiên định;  
TUỆ: trí tuệ.

Vậy, tánh không là phương tiện giúp hành giả nhận thức chân lý tuyệt đối. Tánh không là đề mục thiền định về chân đế. Hành giả nghiêm trì ba pháp giới-định-tuệ, hay sáu pháp ba-la-mật nhằm tiến tới cứu cánh giải thoát, không sanh tử luân hồi.

Kết luận, ngài Long Thọ Bồ Tát đã viết:

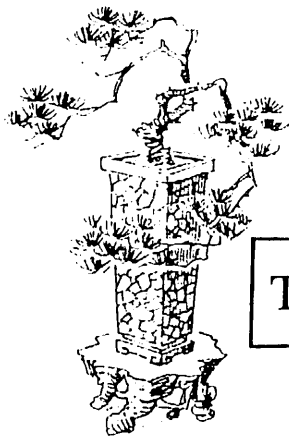
"Sarvam ca yujyate tasya sunyata yasya yuiyate  
Sarvam na yujyate tasya sunyam yasya na  
yujyate"

Tức là :

"Người hiểu tánh không thì đặt tất cả mọi sự vật đúng vị trí của nó. Người không hiểu tánh không, thấy tất cả mọi sự vật đều rời rạc, không liên hệ lẫn nhau".

ĐẶNG TẤN HẬU





## TU BỒ TÁT HẠNH

### THIỆN BỬU

Lúc bé thơ là con trong một gia đình âm chất đạo hạnh, cha mẹ đem con đến Chùa xin Thầy trụ trì làm lễ truyền Tam Quy tức quy về nương tựa PHẬT-PHÁP-TĂNG, tức là quy y TAM BẢO. Đứa bé được mang một tên mới gọi là Pháp danh ngoài cái tên đã do cha mẹ đặt cho con lúc sanh ra.

Sau khi đã quy y Tam Bảo, đứa bé lại được cha mẹ ân cần dạy dỗ uốn nắn nhiều hơn cho bé hiểu biết làm lành tránh dữ, tập làm việc thiện, bố thí, cứu giúp người hoạn nạn ; chừa tránh thói hư tật xấu, ăn nói lễ độ khiêm cung từ tốn v.v.... Cha mẹ thường xuyên đưa bé đến chùa nhất là các ngày mùng 1, ngày rằm, các ngày vía Phật, Bồ Tát ... để cho bé làm quen với các sinh hoạt Phật sự ở chùa, tập tụng kinh lễ bái cúng dường Tam Bảo, công quả v.v. Lăn lăn và theo thời gian khôn lớn, bé được cha mẹ tập cho

quen về ăn chay, đưa bé gia nhập GDPT để bé có cơ hội gần gũi với bạn bè, với quý Thầy, quý Ni Sư để học hỏi điều hay lẽ phải, giảm thiểu đi chơi rong ảnh hưởng thói hư tật xấu. Cha mẹ rất hài lòng và bé rất hãnh diện không những là một Phật tử ngoan hiền mà còn là một đoàn sinh tốt của GDPT.

Bé nay đã khôn lớn, không còn là bé nữa ; đã hiểu biết, đã tiếp xúc nhiều với bạn bè ở nhà trường ở xóm riêng, ở GDPT ... Một lần nữa cha mẹ cần phải chọn một vị chân tăng đạo cao đức trọng để xin Thầy làm lễ truyền giới Tam Quy Ngũ Giới cho con. Từ căn bản quy về nương tựa Phật-Pháp-Tăng, nay đứa con còn phải giữ tròn 5 giới để chánh đáng là một Phật tử theo lời Phật dạy :

- 1- Không sát sanh
- 2- Không trộm cắp
- 3- Không tà dâm
- 4- Không nói láo
- 5- Không uống rượu

Từ căn bản quy về nương tựa Phật Pháp Tăng tiến đến Ngũ Giới người Phật tử đó đã hấp thụ và trưởng thành chủng tử Như Lai Phật tánh. Trong một gia đình từ cha mẹ đến con cái đều là những Phật tử thuần thành, chúng ta thấy gia đình đó luôn luôn được an lành hạnh phúc. Cuộc sống của họ được ấm no, hạnh phúc, an vui và an nhiên tự tại trước mọi hoàn cảnh. Nếu chưa có thuận duyên ly gia cắt ái để trở thành bậc chân tu hoằng pháp độ

sanh, thì ít ra Phật tử đó cũng đang góp phần công đức hộ Đạo to lớn và sách tấn tu tập không ngừng, dù rằng việc gia đình có nhiều trói buộc. Từng bước đi lên, không ngừng, không lùi, không giải đãi, họ quyết chí bước thêm bước nữa để được gần Phật hơn. Họ chọn một bậc chân Tăng đạo cao đức trọng thạc học để xin được thọ Bồ Tát Giới, là giới cao nhất của Phật dành cho hàng cư sĩ tại gia.

Trong kinh Pháp Hoa và kinh Phạm Võng, đức Phật có chỉ dạy Phật tử tại gia thọ Bồ Tát Giới để tu Bồ Tát Hạnh tập gần gũi chư hạnh Phật, hạnh Bồ Tát.

Muốn thọ Bồ Tát Giới, xét cho kỹ không phải dễ. Người Phật tử chân chính muốn thọ giới này phải qua phần căn bản là Tam Quy Ngũ Giới, có hạnh nguyện vững chắc trước khi xin thọ giới Bồ Tát.

Trong kinh Phạm Võng đức Phật có chỉ dạy rõ trong giới 23 như sau : " Nếu Phật tử, sau khi Phật nhập diệt, lúc có tâm tốt muốn thọ giới Bồ Tát, thời đối trước tượng Phật cùng tượng Bồ Tát mà tự nguyện thọ giới. Nên ở trước tượng Phật và tượng Bồ Tát mà sám hối trong 7 ngày, hễ thấy được hảo tướng là đắc giới. Như chưa thấy hảo tướng thì phải sám hối 14 ngày, 21 ngày, hay đến cả năm để cầu thấy được hảo tướng. Khi thấy được hảo tướng rồi, thời được đối trước tượng Phật và Bồ Tát mà thọ giới. Như chưa thấy hảo tướng thì đâu có đối trước tượng Phật thọ giới, vẫn không gọi là đắc giới.

Nếu đối trước vị Pháp sư đã thọ giới Bồ Tát mà cầu thọ giới, thời không cần thấy hảo tướng. Tại sao vậy ? Vì vị Pháp sư ấy là chư sư truyền giới cho nhau, nên không cần hảo tướng. Hễ đối trước vị Pháp sư ấy mà thọ giới thì liền đắc giới, do vì hết lòng kính trọng nên đắc giới. Nếu ở trong vòng ngàn dặm mà tìm không được vị Pháp sư truyền giới, thì Phật tử được phép đối trước tượng Phật và Bồ Tát mà tự nguyện thọ giới Bồ Tát, nhưng cần phải thấy hảo tướng".

Đức Phật biết rõ tâm tánh của chúng sanh sau này. Do đó, Ngài đã chỉ dạy có sự "chăm chước" của Ngài để độ chúng sanh nào thực tâm cầu đạo giải thoát. Cho nên muốn thọ Bồ Tát Giới cần phải chọn bậc Minh Sư để xin truyền giới thì liền đắc giới để tu hạnh Bồ Tát, do vì hết tâm chân thành tha thiết, tôn kính quý trọng chư vị cao tăng chân tu thạc học đó nên liền đắc giới.

Do đó, chúng ta thấy đức Phật không những biết rõ tâm địa phàm phu của chúng sanh mà Ngài còn mở đường khai lối cũng như "chăm chước" cho những chúng sanh nào thực tâm muốn tu giải thoát. Sự chăm chước đề cập trên không có nghĩa để đãi, chúng ta không nên lầm lẫn mà phải đọc và nghiên cứu kỹ lời Phật chỉ dạy như có ghi ở phần đầu của giới 23 trên, có thể xin được tóm tắt như sau :

**Thứ 1 :** Đức Phật chỉ dạy rằng phải chọn một vị Pháp Sư chân tu thạc học, nghĩa là bậc Trưởng Tử

Như Lai chân chính đức hạnh về Đại Thừa để xin thọ giới.

**Thứ 2 :** Chúng ta muốn thọ giới Bồ Tát phải "Tự lượng sức mình có hoàn toàn thực tâm" hay không ? Nghĩ rằng dễ mà khó, khó mà dễ là ở điểm quan trọng này. Tại sao ? Vì ở phần đầu của giới 23 trong kinh Phạm Võng đã có nói rõ. Như vậy chúng ta là thí sinh để ứng thí vào hàng Tứ Chúng. Đâu được rồi có làm tròn trách nhiệm theo lời Phật dạy không ? Làm ngược lại, dắc tội nhiều hơn lúc chưa thọ giới và thua kém hơn các Phật tử thọ Tam Quy Ngũ Giới. Chưa nói đến sự phụ đã truyền giới cho mình, nếu Ngài biết được là Ngài sẽ ân hận vì đệ tử đó đã tự dối mình và dối gạt sư phụ.

Tìm được vị minh sư để xin truyền giới trong thời mạt Pháp không phải dễ vì vàng thau lẫn lộn và vì chúng ta hời hợt hay vô tình cũng như nôn nóng, hễ gặp bất cứ "đầu tròn áo vuông" nào cũng được hết, chọn lọc làm chi cho mất công, thầy nào cũng là thầy ấy mà. Thấy bạn đạo thọ giới hết thì mình cũng nhào vô, không cân nhắc cẩn thận. Ngoài ra chúng ta có cái bệnh "gà ghét tiếng gáy". Thấy người ta có được cái gì thì mình cũng phải có cái đó để có tiếng tâm có huê dạng bề ngoài, nhưng thực tâm quyết chí học Phật, tu Phật để cầu giải thoát khỏi sanh tử luân hồi thì chưa có. Nguy hiểm cho chúng ta là do chỗ này. Sống ở xứ người tuy các bậc cao tăng không có nhiều nhưng cũng đủ cho chúng ta "chọn mặt giới

vàng". Tại sao chúng ta vội vàng hấp tấp ? Người Phật tử chân chính muốn tu giải thoát phải chọn mặt giới vàng. Nhờ đó chúng ta mới mong diệt hết ngũ Dục cũng như Tam Nghiệp và các tội lỗi khác. Các bậc cao tăng là những ngọn đuốc sáng ngời soi đường dẫn lối cho chúng ta đi, là ngọn hải đăng rực rỡ cho chúng ta khỏi bị đắm trong bể khổ trầm luân.

Hàng cư sĩ thọ Bồ Tát Giới để tu Bồ Tát Hạnh phải giữ tròn 34 giới Trọng và Khinh.

"**Trọng**" ở đây có nghĩa là "nặng" không giữ tròn bất cứ giới nào trong các giới Trọng thì sẽ bị mất giới Bồ Tát, tức là phạm "Bồ Tát Tội".

"**Khinh**" có nghĩa là "bị hạ xuống", "bị bóp nhỏ lại", "bị nhẹ bớt". Vi phạm bất cứ giới nào trong 28 giới Khinh thì sẽ bị dọa nếu không chịu khởi tâm sám hối chừa bỏ không tái phạm.

Phạm tội "Nặng" tức là Trọng với tội "bị hạ xuống - bị bóp nhỏ lại - bị nhẹ bớt" tức là Khinh, thì kể như công đã tràng.

Những gì Phật nói và chỉ dạy đều là khuôn vàng thước ngọc. Chính Đức Phật đã trải qua 550 tiền kiếp và Ngài gìn giữ các giới hạnh nêu trên mới thành bậc Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác. Còn chúng ta, từ phạm phụ tục tử phải phát nguyện rộng lớn nhưt quyết là đệ tử chân chính của Ngài và phải được giải thoát như Ngài.

Học Phật để tu Phật mà không hành trì theo lời Phật dạy thì thật là đáng tiếc, nếu không muốn nói là

phi báng Phật.

Từ Tam Quy Ngũ Giới làm nền tảng để tiến tu Bồ Tát hạnh, thiết tưởng không nên "nhảy vọt", cần phải qua một thời gian kiên trì thực hành tới luyện quyết chí cầu giải thoát; nghĩa là tuyệt đối và tha thiết tin tưởng và hành trì y theo lời Phật dạy với sự dẫn dắt chỉ giáo của chư Tôn Đức chân tu thực học.

Hàng cư sĩ tại gia thọ Bồ Tát Giới ngày càng đông, nhưng cả lượng lẫn phẩm cần phải quân bình. Lượng nhiều mà phẩm ít chẳng những không giúp được gì cho mỗi bản thân chúng ta về tu tập mà còn làm cho chư Tôn Đức chân chính phải "lắc đầu". Thọ Bồ Tát Giới không phải để làm kiếng, để khoe khoang khoác lác, cũng không phải "ai có gì thì mình cũng có nấy". Hơn thế nữa, thọ Bồ Tát Giới không phải dùng làm cái bình phong, mưu đồ bất chánh, háo danh, xem thường các bạn đạo, tự cho mình là nhất, cái gì cũng nhất. Thậm chí lại còn khen chê, phê bình chỉ trích, vô lễ xúc láo, cống cao ngã mạng với các bậc cao tăng quý kính. Không nghiên cứu, không nhờ chư tăng chỉ dẫn để thông thuộc các ý nghĩa thâm sâu vi diệu của 6 giới Trọng và 28 giới Khinh của Phật chỉ dạy lại cố ý vi phạm. Hoặc giả có thông thuộc nhưng vì cái Ta, vì Ngũ Dục hăm hở cuốn lối, vì Tam Nghiệp ăn sâu, tội dày phước mỏng không đủ trí huệ chế ngự để tận diệt. Cái bản chất phàm phu tục tử cố hữu nói trên lại nói hay nói giỏi, năng thuyết bất năng hành, đi từ sai lầm và tội lỗi

này đến sai lầm và tội lỗi khác chất chồng tích lũy. Trong tình thiện tri thức với nhau nên mổ xẻ xây dựng cho nhau để cùng sách tấn tu tập, như Phật có dạy, thì không những không biết phục thiện sám hối sửa sai lại còn "nổi Bồ Đề gai" thậm tệ với bạn thiện tri thức chân thành của mình.

Mỗi tháng có 2 ngày bố tát tụng giới vào ngày rằm và 30, theo lời Phật chỉ dạy, cũng từ tinh tấn đến giải đãi và thụt lùi luôn. Thường lúc đầu mới thọ giới thì tỏ ra tích cực tinh tấn, lần lần về sau lại giải đãi thụt lùi khi có khi không, khi nhớ khi quên. Tại gia không phương tiện hay không biết nghi thức tụng giới, mà có Chùa gần nhà cũng không đến.

Không chuyên cần tinh tấn tụng giới mỗi tháng 2 lần, không giữ giới cả Trọng lẫn Khinh, cũng chẳng nhớ chẳng thuộc giới nào Trọng giới nào Khinh, thì thử hỏi chúng ta thọ giới để làm gì? Chúng ta có "hạnh diện" được đứng trong hàng Tứ Chúng không? Chúng ta có đủ tư cách để giúp đỡ các bạn đạo và họ có nghe không? Chúng ta phải thẳng thắn và mạnh dạn nói sự thật là phần lớn trong chúng ta không được các bạn đạo chân chính tin tưởng quý trọng.

Xưa ở quê nhà hầu như rất hiếm Ưu Bà Tắc hay Ưu Bà Di phạm giới hoặc làm thương tổn Đạo Pháp, hoặc phi báng vô lễ xúc láo với các bậc cao tăng chân tu thực học. Họ tu tập, họ hộ Đạo, họ xả thân vì Chánh Pháp với tận cùng khả năng công sức của họ trong âm thầm lặng lẽ, khiêm cung, từ tốn, mà ngoài

chư Tôn Đức ra ít mấy ai biết đến.

Ngày nay vì tai trời vận nước phải lìa bỏ quê hương nương thân xứ người, số cư sĩ tại gia thọ Bồ Tát Giới để tu Bồ Tát Hạnh ngày càng đông, triệu chứng đáng mừng hay đáng lo ? Phải thẳng thắn mạnh dạn trả lời là đáng lo ngại. Lo ngại đúng nghĩa ở đây là lo ngại cho mỗi bản thân chúng ta, mặc dầu thuộc nằm lòng "...Cửu Phẩm Liên Hoa Vi Phụ Mẫu Hoa Khai Kiến Phật Ngộ Vô Sanh, Bất Thối Bồ Tát Vi Ban Lữ..." Hơn thế nữa, trong 6 bậc thấp nhất là: Trời, Người, A Tu La, Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh : chưa chắc là có được Trời hay Người dù rằng trời người vẫn còn bị dọa.

Xem lại trong 34 giới Trọng và Khinh dành cho cư sĩ tại gia, giới nào bị chúng ta phạm nhiều nhất ? Có thể như sau:

-**Trọng:** -Vọng ngữ ( giới 3 )

-Nói dối của Tứ Chúng (giới 5)

-**Khinh:** -Thấy người phá giới chẳng nên khinh mạn (giới 6 )

-không giữ ngày trai, không cúng dường Tam Bảo (giới 7)

-không đi nghe Pháp (giới 8)

-hành dâm phi thời xứ (giới 20)

-thuyết pháp nên thành ý Tăng (giới 24)

-cúng dường Tăng không nên phân biệt (giới 26)

Trong 2 giới Trọng ghi trên, chúng ta phạm

nhiều nhất và hầu như phạm hàng ngày. "Trọng" là "Nặng". Không giữ giới là đoạn Huệ Căn. Nặng quá và sợ quá. Lời Đức Phật dạy quý hơn khuôn vàng thước ngọc.

Trong 6 giới Khinh ghi trên, chúng ta cũng phạm nhiều nhất. Nhận xét kỹ, hết sức lạ lùng là chúng ta phạm Khinh "tương đối" ít hơn phạm các giới Trọng ghi trên. Như đã đề cập trên rằng ngày nay chúng ta thọ giới nhiều là triệu chứng đáng mừng hay đáng lo ngại ?

Và như vậy trong hàng thọ giới chúng ta, hai bên Nam Nữ bên nào phạm nhiều hơn ?

Đến bao giờ chúng ta mới "chê mình khen người", "nhận chịu những sự khinh chê khổ nhục cho tất cả chúng sanh, nhận xấu nhường tốt cho mọi người" theo gương Đức Bồ Tát Thường Bất Khinh trong kinh Pháp Hoa ?

Đến bao giờ chúng ta mới "không được tự mình nói láo, xúi dục người nói láo, thấy nghe người nói láo mà hể hả vui mừng, tạo cái nhân nói láo, cái duyên cứ nói láo, bày mưu sấp kế phương cách nói láo"?

Đến bao giờ mỗi người chúng ta mới chấm dứt vọng ngữ, nói thêu dệt thêm bớt, nói lưỡi hai chiều, nói điều ác độc bất nhân thất đức làm điều đúng đau khổ cho chúng sanh ?

Đến bao giờ chúng ta mới chấm dứt phê bình, chỉ trích, khen chê, bán rao, thêu dệt, rĩ tai... đối với

chúng ta và tệ hại hơn nữa là đối với Tăng Ni chân chính quý trọng ?

Thọ Tam Quy Ngũ Giới đã thấy chưa tròn, "mệt cầm canh", còn phải chí tâm tôi luyện thường ngày, nay lại nôn nóng xung phong nhảy vào Tứ Chúng để nhận thêm 34 giới. Ai tu nấy hưởng nào ai bắt ép ai ? Đức Thế Tôn chỉ dẫn con đường tu giải thoát cho chúng ta đi, Ngài đâu có bắt ép chúng ta. Ngài cũng không phải là vị thần linh ban phép "cứu rỗi" hay giáng họa cho ai cả. Đạo của Ngài là đường giải thoát, là cứu cánh Niết Bàn, là tự giác giác tha và giác hạnh viên mãn. Hay nói khác đi là chúng ta cầu giải thoát khỏi kiếp luân hồi để cùng với chư Phật mười phương, chư Bồ Tát, chư Hiền Thánh Tăng tiếp tục cứu độ chúng sanh ở thế giới Ta Bà ô trược này và hằng hà sa số thế giới khác, trong cái vũ trụ bao la vô tận.

Chúng ta ví như những con ếch hay nhái ở đáy giếng chỉ nhìn thấy bầu trời tròn và rất nhỏ bằng cái nắp vung. Khoa học tự cho là văn minh tiến bộ trong hậu bán thế kỷ 20 này, đến nay cũng chỉ vừa mới khám phá ra một vài hành tinh như Hỏa tinh, Kim tinh và mặt trăng. Ngoài mặt trăng ra thì Khoa học còn mù tịt về Hỏa tinh, Kim tinh... Trong khi đó, cách đây ngót 3,000 năm làm gì có khoa học kỹ thuật tinh xảo như hiện nay, thế mà Đức Phật đã thấy rõ ngoài cái thế giới ta bà ô trược này còn có hằng hà sa số thế giới khác, có sinh vật, có đời sống hữu tình,

vượt trội hơn cõi ta bà này. Trong số đó có thế giới Tây Phương Cực Lạc của Đức Từ Phụ A Di Đà. Ngài vẫn còn đang đứng nói Pháp và chờ đợi chúng ta cùng về với Ngài trong 48 đại nguyện của Ngài (tứ thập bát nguyện độ chúng sanh).

Thọ lãnh 34 giới không khéo sẽ biến thành 34 nghiệp quả chõng chất với những nghiệp khác. Tu Bồ Tát Hạnh nhưng chúng ta ít có mấy ai thực hành trọn vẹn 6 hạnh Bồ Tát như:

- Bồ Thí
- Trì Giới
- Tinh Tấn
- Nhẫn Nhục
- Thiên Định
- Trí Huệ

Trong 6 hạnh giải thoát này, chúng ta phạm nhiều nhất và hàng ngày là "Tinh Tấn" và "Nhẫn Nhục", nhưng xét cho kỹ thì hầu hết chúng ta phạm "Nhẫn Nhục" nhiều lắm. Kể đến các hạnh khác thì chúng ta đi thụt lùi. Thiết nghĩ nếu chúng ta không "Nhẫn Nhục" vì lý do Tam Nghiệp vì bản ngã hay nổi "bồ đề gai" thì khó đạt thành đạo quả.

Các lời vàng ngọc của Đức Phật có dạy cộng với các thời thuyết giảng của chư Tôn Đức chân tu thực học xưa nay thường nhấn mạnh và ân cần khuyên nhủ Phật tử chúng ta muốn quyết chí tu giải thoát thì phải giả ngu, giả dại, giả điếc, giả câm, giả khờ khạo... Vì tài-sắc-danh-thực-thùy cộng với

tham-sân-si thúc đẩy sai khiến chúng ta hành động tội lỗi sai trái mà ác hại thay chúng ta cứ cho mình là phải, là nhất thiên hạ.

Tại các Chùa hay Niệm Phật Đường của hội, ban sơ còn ọp ẹp thiếu thốn thì chả có ai dòm ngó, tình đạo thắm thiết keo sơn. Đến khi Chùa được phát triển rộng lớn bề thế đầy đủ tiện nghi cần thiết và sung túc, thì chúng ta tìm mọi cách biến Chùa thành của riêng mình hay dành độc quyền cho phe nhóm mình thay vì phải nhanh chóng tìm bậc Cao Tăng đạo hạnh để xin cúng dường hầu răn trí hộ đạo và tu hành giải thoát đúng nghĩa. Lòng tham không đáy, si mê vô độ, háo danh mù quáng; đặt cái "Ta" lớn hơn núi rừng, muốn mọi người phải xem mình là "thần tượng" trên hết mọi người. Chỉ có "Ta" mới biết tu, mới lập được Chùa, mới hiểu Đạo, công lao của "Ta" to lớn lắm cần phải được mọi người phục tùng v.v... Vì quá tham lam và tài-danh-sắc nên chúng ta đã quên hai Bồ Đề Đạo Tràng đầu tiên của Phật là Trúc Lâm Tịnh Xá và Kỳ Viên Tịnh Xá do Phật tử nào cúng dường chơn thật tha thiết bất vụ lợi. Kết quả là các vị Phật tử đó đều được giải thoát cảnh giới Cực Lạc. Chúng ta cũng quên luôn chuyện vua Lương Võ Đế hỏi Tổ Đạt Ma về công lao xây cất hàng trăm ngôi Chùa rải rác khắp nước Tàu, thì chắc chắn là nhà vua sẽ được vãng sanh Tây Phương Cực Lạc. Chúng ta cũng quên luôn chuyện người ăn mày cúng dường cây đèn dầu lên Đức Phật, dầu không

xứng đáng bằng các loại đèn của vua chúa, của quan quyền giàu có, nhưng cây đèn của người ăn mày đó vẫn sáng rực không cạn dầu như các loại đèn vua chúa quan quyền giàu có nói trên.

Là bậc vua chúa tột đỉnh giàu sang uy quyền thế lực, khặt ra lửa ho ra khói, cai trị hàng triệu thần dân với quyền sanh sát trong tay; thế mà lòng tham lam vẫn không đáy, háo danh lớn hơn cả núi Tu Di. Vậy thì công đức ở chỗ nào đâu ? Đường về Cực Lạc thăm thẳm mù mịt.

Một số trong chúng ta viện dẫn đủ thứ lý do chưa tìm ra được bậc chân tăng để cúng dường Chùa, thoát mới nghe qua cho là hữu lý êm tai ngọt bùi, nhưng những vị thức giả chân chính hiểu đạo thì hoàn toàn không đồng ý. Tìm các bậc chân Tăng thạc học ở đâu mà khó quá vậy ? Riêng tại Hoa Kỳ này đâu có thiếu các bậc chân tu đạo hạnh. Các thầy đã ngồi lại với nhau keo sơn gắn bó trong trách nhiệm của các bậc Trưởng Tử Như Lai chân chính để hoằng Pháp độ sanh. Các thầy đã đáp ứng nguyện vọng chân chính của Phật Giáo Đồ Việt Nam rồi đó. Ngôi Nhà Phật Giáo Chung để có tiếng nói thống nhất chung đã có rồi đó. Một số trong chúng ta còn viện dẫn lý do nào nữa để kéo dài lê thê tình trạng "khó coi" nêu trên. Người Phật Tử chân chính phải ý thức khôn ngoan kịp thời trước thân phận tha hương lưu lạc trong bối cảnh văn minh vật chất suy đồi thác loạn sa đọa mất gốc cho ta và thế hệ mai sau con



cháu của chúng ta.

Do chiêu bài "chưa tìm ra được chân Tăng" nói trên, cho nên nội bộ trị sự Chùa bị phân hóa, phe nhóm, hiềm khích, bôi nhọ, phỉ báng, chụp mũ... nhau. Bọn tà ma ngoại đạo thừa nước đục thả câu. Bài học khá đắt này đã có ở quê nhà. Chúng ta không khờ dại chọn mặt gởi vàng. Vàng thiệt trong hàng Tăng, Ni ở xứ người không nhiều nhưng có đủ cho chúng ta tin tưởng. Chúng ta có thừa kinh nghiệm và phương cách ngăn ngừa hậu quả và nhận chân chánh tà. Bồ Đề Đạo Tràng, theo lời Phật dạy, do hàng Tăng Già lãnh đạo để hoằng Pháp. Tạo dựng được ngôi Tam Bảo dù nhỏ hẹp thiếu thốn cũng phải cúng dường Tam Bảo để răn trí hộ đạo và tu tập, đồng thời hồi hướng công đức lên Pháp giới Chúng sanh, cầu Phật từ gia hộ. Riêng tại Hoa Kỳ, chúng ta không thiếu bậc Sư Giả Như Lai chân chính đạo cao đức trọng chân tu thực học. Người Phật tử chân chính thuần thành xưa nay chỉ chọn mặt gởi vàng ở các bậc chân Tăng hay Ni, họ không chấp nhận "hữu Tự vô Tăng" hoặc khi vui thì để vị Tăng, Ni đó trụ trì; khi buồn thì chống đối tìm cách xua đuổi Tăng, Ni đó ra khỏi Chùa.

Trong kinh Địa Tạng, quyển thượng, phẩm thứ tư, trang 50, Đức Phật chỉ dạy về "Nghệp Cấm Của Chúng Sanh" với vô số tội trạng cũng như quả báo. Những chúng sanh trong cõi Ta Bà này, từ nơi Thân-Khẩu-Ý tạo ác, kết quả trăm ngàn muôn sự

báo ứng; trước phải chịu lấy các quả báo sau lại phải đọa vào địa ngục ngạ quỷ súc sanh trải qua nhiều kiếp không lúc nào thoát khỏi. Ghê sợ quá phải không thừa quý vị? Nhưng chưa hết. Trang 77 trong Kinh có nói rõ: "Đức Địa Tạng nương nhờ sức oai thần của Đức Phật mà nói sơ lược như thế, nếu nói cho rõ hết thì cho đến hết kiếp cũng không làm sao kể ra cho hết tội ác và quả báo trừng phạt. Nghiệp lực của chúng ta quá to lớn, có thể sánh với núi Tu Di, thăm thẳm như đại dương."

Nhưng chưa hết, còn một tội nữa mà trong kinh có nói rõ, đó là tội "Phá Hòa Hợp Tăng", một trong 5 tội Vô Gian (ngũ nghịch tội)

Phá Hòa Hợp Tăng nhắm vào các Tăng, Ni chân chính hạt chắc kim cương cốt lõi của chư Phật thì vô phương cứu chữa. Vì lý do nếu giả dụ như chúng ta xúc phạm đến Tăng, Ni chân chính hạt chắc kim cương cốt lõi của chư Phật thì chỉ còn Tam Ác Đạo chờ sẵn mà thôi.

Hơn nữa, chúng ta chỉ giữ có 5 giới hoặc 34 giới mà thôi, còn chư Tăng phải giữ 250 giới, chư Ni phải giữ 348 giới để được xứng đáng là Trưởng Tử Như Lai. Chúng ta đừng thắc mắc, đừng "lo xa" các bậc Tăng, Ni chân chính nói trên. Với giới luật như thế, chư Vị tự giải quyết không cần đến chúng ta.

Trong Kinh Địa Tạng, Đức Phật có chỉ dạy rõ một khi đã phạm tội Vô Gian thì phải bị đọa vào địa ngục trong muôn ngàn ức kiếp không lúc nào mong

ra khỏi được, van xin tạm ngừng sự đau khổ chừng khoảng một niệm cũng không được. Lúc thế giới này hư hoại thời sanh nhờ qua địa ngục ở thế giới khác. Lúc thế giới khác đó hư hoại thời cũng xoay vần sanh vào cõi khác. Đến khi thế giới này thành xong thời phải sanh trở về thế giới này để tiếp tục chịu sự khổ đau ở địa ngục. (Kinh Địa Tạng - Phẩm Thứ Ba "Quán Chúng Sanh Nghiệp Duyên")

Trong kinh Địa Tạng - Phẩm Thứ Tư nói về "Nghiệp Cấm Của Chúng Sanh", Đức Phật đã dạy:

- Nếu sát sanh: quả báo của ương lụy đời trước mà phải chết yểu.

- Nếu trộm cắp: quả báo nghèo khổ khổ sở.

- Nếu tà dâm: quả báo làm chim se sẻ, bồ câu, uyên ương.

- Nếu nói lời thô ác: quả báo quyền thuộc kình chống nhau.

- Nếu khinh chê: quả báo không lưỡi, miệng lở.

- Nếu nóng giận: quả báo thân hình xấu xí, tàn tật

- Nếu bòn xén: quả báo cầu muốn không được toại nguyện.

- Nếu buông lung săn bắn: quả báo kinh hải, điên cuồng mất mạng.

- Nếu trái nghịch cha mẹ: quả báo trời đất tru lục.

- Nếu đốt núi rừng cây cỏ: quả báo cuồng mê đến chết

- Nếu cha mẹ ghê ăn ở ác độc: quả báo thác sanh trở lại hiện đời bị roi vọt.

- Nếu dùng lưới bắt chim non: quả báo cốt nhục chia lìa.

- Nếu hủy báng Tam Bảo: quả báo dui, điếc, câm, ngọng.

- Nếu khinh chê giáo pháp: quả báo ở mãi trong ác đạo.

- Nếu lạm phá của thường trụ: quả báo ức kiếp luân hồi địa ngục.

- Nếu ô nhục người hạnh thanh tịnh: quả báo ở mãi trong loài súc sanh.

- Nếu phi báng Tăng Già: quả báo ở mãi trong loài súc sanh.

- Nếu dùng nước sôi hay lửa chém chặt, giết hại sanh vật: quả báo phải luân hồi thường mạng lẫn nhau.

- Nếu phá giới phạm trai: quả báo cầm thú đói khát.

- Nếu phung phí phá tổn của cải phi lý: quả báo tiêu dùng thiếu hụt.

- Nếu kiêu mạn cống cao: quả báo hèn hạ bị người sai khiến.

- Nếu đâm chọc gây gỗ: quả báo không lưỡi hoặc trảm cái lưỡi

- Nếu tà kiến mê tín: quả báo thọ sanh vào chốn hẻo lánh.

Những chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề, từ

nơi thân-khẩu-ý tạo ác, kết quả trăm ngàn muôn sự báo ứng như thế, nay Đức Phật chỉ nói sơ lược như trên vì nghiệp cảm của chúng sanh. Nếu Ngài nói ra cho hết thì nó dày đặc như núi rừng cây cỏ.

Nhơn thân nan đắc, Phật Pháp nan văn, Chân Tăng nan thị.

Chúng ta học Phật phải hiểu Phật nói gì. Những lời của Đức Phật dạy là quý hơn khuôn vàng thước ngọc, chỉ tội cho chúng ta tội dày phước mỏng, u mê tăm tối, lại tự cao tự đại học cao hiểu rộng, bằng cao chức trọng, coi thiên hạ như rơm rác, coi bạn thiện tri thức chân chính như thấp hèn thua kém.

Thế giới Ta Bà này từ xưa đến nay mỗi ngày thêm đầy đầy khổ đau phiền não, tai trời ách nước, chiến tranh loạn lạc, thiên tai bão lụt, động đất, hạn hán, mất mùa, bệnh tật, mạnh được yếu thua v.v... Tất cả cũng vì lòng tham không đáy, vì quyền lợi ích kỷ cho bản thân, cho siêu cường. Cuộc sống sa đọa thác loạn, đời truy ô trước vì văn minh vật chất đưa đạo đức tình người vào bóng tối lu mờ. Chỉ trong 50 năm đầu của thế kỷ 20 này đã xảy ra hai lần chiến tranh thế giới tàn khốc giết hại hàng triệu triệu sanh linh vô tội. Qua hậu bán thế kỷ này đã và đang xảy ra không biết bao nhiêu cuộc chiến cục bộ giữa các nước nhược tiểu bé nhỏ vì quyền lợi siêu cường tranh giành lẫn nhau, lại thêm hàng triệu sanh linh vô tội gục ngã oan uổng. Từ nạn đói ở các nước châu Mỹ La Tinh đến nạn đói khủng khiếp ở Phi Châu, ở

Bangladesh và các nước bé nhỏ Á Châu, đưa nhân loại đến bờ vực thảm diệt vong. Ngày nay hầu như khắp quả địa cầu này đều có nạn đói hay khan hiếm lương thực trầm trọng từ đông sang tây, từ Âu sang Á Phi. Hàng triệu triệu trẻ em chết oan vì thiếu dinh dưỡng hoặc sống vất vưởng như hồn ma bóng quế. Hàng triệu người lớn hầu như sống trở lại thời kỳ nguyên thủy, trong khi một số quốc gia giàu có thừa thãi lương thực, thuốc men quần áo... phải đem chôn hoặc đổ ngoài biển, thay vì những cái dư thừa ấy nên giúp những nước nghèo đói bệnh tật triền miên.

Người Việt Nam ty nạn chúng ta may mắn thoát khỏi tai trời vận nước, đang sống an lành ở xứ người hết lo sợ tai bay họa gởi bởi chế độ hà khắc độc ác tam vô, nhưng xét cho kỹ chưa hẳn là hết nạn. Có người lạc quan một cách mù quáng cho rằng thoát nạn cộng sản sống được ở xứ người, nhất là Âu, Mỹ, Úc, là "tây phương cực lạc"!!!

Họ còn bảo nhau rằng sướng quá rồi, "Tây phương cực lạc rồi", nên hưởng thụ. Họ du lịch về Việt Nam chơi để khoe cái sung sướng phè phỡn của xứ người đối với bà con thân quyến bạn bè, đồng thời làm áp phe giàu có thêm lên. Họ quên hết còn biết bao Tăng, Ni, biết bao đồng bào đang bị tù cải tạo khổ sai, bị đói rách cơ hàn, sống lang thang đầu đường xó chợ. Mặc nhiên họ tự nhận là người di dân vì chén cơm manh áo mà lịch sử của dân tộc Việt Nam không hề bao giờ có. Vô tình hay cố ý họ đang

dẫn lên sự đau khổ tủi nhục của những người còn ở lại quê hương và gây biết bao hiểu lầm xáo trộn.

Họ bảo nhau cần gì phải đến Chùa, thậm chí đã quy y từ hồi còn ở quê nhà, nay bỏ theo tôn giáo khác có nhiều lợi lộc hơn. Muốn vượt biên an toàn, họ xin thọ Tam Quy Ngũ Giới, chùa nào cũng đến, Tăng Ni nào cũng lễ bái cúng dường, ngày đêm khấn nguyện chư Phật, chư Bồ Tát độ cho họ vượt biên an toàn. Họ cầu xin Đức Quan Thế Âm liên tu bất tận, phát nguyện với Ngài đủ thứ phát nguyện. Đến được các nước tự do đầy dẫy vật chất thì họ quên hết các lời phát nguyện, quên cả Pháp danh, chạy theo tà ma ngoại đạo, chạy theo văn minh vật chất đồi trụy thác loạn. Họ không đến Chùa, không thờ Phật, không ăn chay niệm Phật giữ giới. Nếu có đến Chùa, có gần gũi chư Tăng Ni hay bạn đạo thì để gọi là, để dòm ngó dò xét.

Tệ hại hơn nữa là họ sanh tâm phê bình, chỉ trích, mỉa mai, phỉ báng, chụp mũ, bôi nhọ hết Tăng Ni này đến Tăng Ni khác, hết chùa này đến chùa khác, hết bạn đạo này đến bạn đạo khác. Họ đến chùa nào là không sớm thì muộn, chùa đó sẽ bị xáo trộn, lung củng... Họ còn dám đại ngôn là giỏi hơn Tăng Ni; thuộc lâu Ba Tạng Kinh Điển, tự động tổ chức "đạo tràng" tại nhà, chiêu dụ mua chuộc bạn đạo sơ cơ lui tới và ghê gớm hơn nữa là "làm thầy thuyết pháp giảng kinh".

Đến khi gặp hoạn nạn, đau yếu, chết chóc, khổ

đau phiền não v.v.. thì họ quay về Chùa khóc lóc kêu rêu quý Thầy, quý Ni và các bạn thiện tri thức. Khi họ hay gia đình họ tạm an lành thì trở lại tánh nào vẫn tật nấy.

Sự thật, đến được bến bờ tự do là còn phải trả cho hết "nghiệp" và tội lỗi chất chồng từ vô thủy. Muốn trả cho hết nghiệp thì phải trọn đời theo Phật, làm những gì Phật đã làm, nói những gì Phật đã nói, nghĩ những gì Phật đã nghĩ. Làm-Nói-Nghĩ y theo Đức Từ Phụ là hạnh phúc an lành trong hiện tại và giải thoát sau khi nằm xuống.

Nhơn Thân Nan Đắc, Phật Pháp Nan Văn,  
Chân Tăng Nan Thị.

Văn minh vật chất là ánh đèn tỏa sức nóng thiêu đốt, chúng ta là những con thiêu thân. Chúng ta thấy hăng ngày trên các bóng đèn đó có hăng hà sa số xác chết của con thiêu thân tan rã chong chắt nằm ngổn ngang lên nhau.

Chúng ta, nếu quả thật là Phật tử chân chính đang cầu đạo giải thoát, chúng ta hãy thành tâm thiện ý phục thiện xây dựng cho nhau. Trung ngôn nghịch nhĩ, thuốc đắng dã tật. Hãy cùng nhau cố gắng học và thực hành gương của Đức Bồ Tát Thường Bất Khinh.

Tất cả chúng ta, những chúng tử Như Lai, không ai lại không thuộc lòng :

"... Nguyện Sanh Tây Phương Tịnh Độ Trung  
Cửu Phẩm Liên Hoa Vi Phụ Mẫu

Hoa Khai Kiến Phật Ngộ Vô Sanh  
Bất Thối Bồ Tát Vi Bạ Lữ..."

Mỗi chúng ta tự sửa mình. Không nên để các bậc Tôn Đức chân tu thực học bận tâm, quý Thầy quý Ni còn rất nhiều Phật sự phải làm cấp thiết. Tu cho mình chớ không phải chò người khác.

Câu xin hoan hỷ. Chánh Pháp của Đức Từ Phụ vẫn trường tồn sáng chói bất luận thời gian không gian.

**THIỆN BỬU**



**NGỘ!!**



**HUỲNH TRUNG CHÁNH**

Sư Huệ Chiếu chăm rãi vun bón mớ phân chuồng cho mấy cây ăn trái còn tơ trước sân chùa. Sư bón phân trang nghiêm, long trọng như đang hành lễ, mà cũng dịu dàng nâng niu như một người mẹ hiền âu yếm mớm cơm cho bầy con nhỏ. Sư nhìn một phần phân chuồng chia sẻ cho cây trôm già trước ngõ. Đúng ra, cây trôm không cần cũng không đáng được bón phân, nhưng sư, giống như bậc cha mẹ cưng con, vẫn bù đắp cho đứa trưởng thành như thời ấu thơ. Ngõi chùa, tục danh chùa Cây TRÔM, vốn xây cất trên một gò đất đầy trôm. Giống trôm cung cấp hoa lợi khiêm tốn, mù trôm tuy nên thuốc nhưng không mấy hấp dẫn, nên bị tiêu diệt lần lần. Cây trôm trước ngõ là cây trôm mà hai năm trước đây,

khi tinh cờ vân du đến giồng TÂN HIỆP, thấy dân làng, dang chuẩn bị hạ sát cây trôm cuối cùng, sư đã kịp thời ngăn cản. Thế rồi sư quyết định dừng lại ngôi chùa làng vắng vẻ để mai danh ẩn tích. Sư cũng chọn cho ngôi chùa danh hiệu LINH PHONG (1). Danh hiệu gợi lại hình ảnh LINH THỨU SƠN pháp hội, đồng thời, cũng nhắc nhở cho sư duyên lành mà sư đã đón nhận được như một làn gió kỳ diệu rung chuyển toàn diện thân tâm sư, nhân chuyển hành hương Phú Quốc ngày trước.

\*\*\*

Sư pháp danh Mật Hiệp, hiệu Trí hải, tự Hưng Việt, đệ tử của thiền sư Quang Huệ, chùa Kim Chương (2), trấn Đông Phố, Gia Định thành. Ngày còn là một sa di, sư đã chứng kiến buổi lễ trang nghiêm, cảm động để suy tôn đồng cung Nguyễn Phúc Dương lên kế nghiệp Chúa hầu gây dựng lại cơ đồ nhà Nguyễn. Buổi lễ do Hòa Nghĩa Đạo Lý tướng quân và hôn sư Quang Huệ chủ xướng ngay trong khuôn viên chùa. Hình ảnh đó khắc ghi sâu đậm vào tâm can sư, ảnh hưởng trọn vẹn sự nghiệp tu hành của sư. Sư chọn nếp sống dẫn thân phục vụ đạo pháp và dân tộc. Mà dân tộc, với sư, đồng hóa với cơ nghiệp của giồng họ Nguyễn. Sư nối gót sư phụ, kiên trì, tận tụy, trung thành với chúa Nguyễn. Chúa gặp bao nhiêu nỗi nguy nan, cơ đồ bị tan hoang mấy lượt

tướng không bao giờ cứu vãn được, mà lòng sắc son, trung quân ái quốc của sư vẫn không hề suy giảm. Chúa Nguyễn Ánh trôi giạt đến chốn nào, sư cũng tìm cách liên lạc để yểm trợ. Nhờ lớp áo tu hành, sư đi lại dễ dàng, quan sát được binh tình Tây Sơn, rồi báo cáo cho Chúa. Sư cũng phụ trách vận chuyển quân lương khi cần thiết. Ngoài ra, nhân việc du phương hoằng hóa, sư để tâm sưu tầm những bậc tài trí thuyết phục họ về với Nguyễn Vương. Các vị tướng Nguyễn Huỳnh Đức, Võ Tánh, Nguyễn Văn Nghĩa ..., đã được sư móc nối để về với nhà Nguyễn.

Đầu Xuân Đinh Tị, sư đã vất vả lặn lội đến Vạn Tượng, nước Xiêm La hầu gặp Chúa Nguyễn Ánh báo cáo về tình trạng suy yếu của Tây Sơn tại Gia Định. Nhờ đó, Chúa quyết định đem quân về nước. Thủy quân Chúa về đóng tại Ba Hòn, Hà Tiên, lập căn cứ tạm để liên lạc với các thuộc hạ vẫn còn nằm vùng tại miền Nam, để chuẩn bị phản công. Đoạn, Chúa cho thủy quân đưa gia quyến ra Phú Quốc tạm lánh, rồi đem quân về Long Xuyên, công khai tấn công binh lính Tân Sơn. Lúc đó, thực lực của Chúa Nguyễn rất yếu ớt. Sư phải ra sức khuyến dụ người đệ tử tên Nguyễn Văn Trương, một viên tướng Tây Sơn, mang 300 lính và 15 chiến thuyền về với Nguyễn Vương. Từ đó, lực lượng phục quốc lớn mạnh nhanh chóng. Chúa tấn chiếm Gia Định, rồi lần lần, đánh phá các tỉnh miền Trung. Chỉ trong vòng 5 năm, tức năm Nhâm Tuất, Chúa Nguyễn Ánh thống nhất sơn

hà, tự xưng là Vua, lấy niên hiệu là Gia Long.

Tướng nhớ lòng trung quân ái quốc của sư, vua triệu sư ra Phú Xuân. Trước mặt triều thần văn võ, Vua nhiệt liệt nhắc nhở thành tích của sư, rồi long trọng tấn phong người đạo hiệu Hưng Việt Quốc Sư, để đảm nhận trách vụ lãnh đạo tinh thần cho cả nước. Vinh dự đó khiến sư vừa hân hoan vừa cảm động, nguyện tận trung báo đáp hồng ân của hoàng thượng. Sau đó, Vua đã thảo luận tương đắc với sư về những vấn đề trọng đại liên quan đến sự thịnh trị của đất nước. Sư trình bày với hoàng thượng về viễn ảnh một tổ chức Phật giáo lớn mạnh, để phục vụ cho dân tộc và đạo pháp. Vua nhiệt liệt tán dương dự án của sư, rồi tự nguyện đề xướng một chương trình xây cất một ngôi Quốc tự nguy nga tại Phú Xuân, sao cho xứng đáng với danh vị Quốc sư cao tột. Đoạn Vua thân mật ủy thác Quốc sư một công tác bí mật và tối quan trọng tại miền Nam. Nguyên Vua đã từng bị truy lùng phải lẩn trốn khắp hang cùng ngõ hẻm miền Nam. Vua đã thoát thân an toàn nhờ biết khai thác đức từ bi của giới tu hành, và cũng nhờ nắm vững được địa hình các hang động, hoang đảo thuộc miền duyên hải Vịnh Thái Lan. Vua canh cánh lo sợ dư đảng Tây Sơn sẽ xử dụng chính đường lối cũ của mình để lẩn trốn gây hậu họa mai sau. Do đó, Vua phái Quốc sư xuôi Nam, nhân danh hành hương các chùa chiền miền Nam để hình thành hệ thống tình báo trong giới tu hành hầu sớm phát hiện được

kẻ địch trà trộn.

"Ở trong chốn mới biết chốn có rận", sư hiểu rất rõ tâm lý tu sĩ và tình hình Phật giáo đồ, nên đã tiến hành công tác bí mật dựa trên một phương pháp hoàn bị. Với thiếu số đạo đức cao tăng, sư dùng lễ kính thân cận tạo cơ hội đầu tư xa xôi. Đối với kẻ tham lam, thì sư công khai quảng tiền ra mua chuộc biến thành thứ tay sai đắc lực. Còn đối với những vị tu hành, tuy không đến nỗi tham tiền lộ liễu, nhưng lại ưa danh vị trong đạo, thì sư mang bằng sắc, chức tăng cang, hòa thượng như mời. Chiêu thức thâm độc này khiến cho nhiều vị tu hành thoát tục, bỗng lục đục tranh nhau chạy theo hư danh rỗng tuếch, để rồi xia xói, chửi bới nhau tục tằn thô lỗ. Dĩ nhiên là món mời danh lợi đã được sư khéo léo che đậy dưới chánh nghĩa "tứ ân", nên giới tu hành đến với quốc sư vì danh lợi, cũng có thể tự dối lòng là dẫn thân cho lý tưởng Phật đà.

Khi hành hương tại Chùa Thập Tháp Di Đà, phủ Qui Ninh, Bình Định, quốc sư tình cờ khám phá được những hành vi những lạm của viên tri phủ sở tại. Quốc sư vội phúc bẩm về triều, và viên tham quan liền bị thái hồi để điều tra. Sau đó, chuyến hành hương trầm lặng của sư bỗng uyên áo và khởi sắc theo một chiều hướng mới. Giới quan lại, thoáng nghe hung tin của viên tri phủ Qui Ninh đã run sợ rí tai nhau cản mật đề phòng. Họ theo dõi sư từng bước để nghiên cứu tỉ mỉ một kế hoạch đón tiếp sư,

sao cho sư ngộ là đã tai nghe mắt thấy sự thực và chỉ toàn là sự thực. Tất cả những địa điểm sư đến đều được chuẩn bị dàn cảnh, những nhân vật sư tiếp xúc phải được "dã thông" trước. Thế là, từ độ ấy, đến địa phương nào, sư chỉ được nghe dân chúng thi đua nhau ca tụng đức độ thanh liêm vì dân vì nước của giới quan lại sở tại. Quốc sư lại vui mừng khám phá thêm là giới quan lại chính là giới Phật tử thuần thành bậc nhất. Họ tranh nhau thỉnh cầu sư dạy đạo, rồi cả nhà xin được quy y với sư. Viên tri phủ Đông Phố lại tung "khổ nhục kế" thần sầu. Sau khi nghe thời pháp, viên quan rần rụa nước mắt mừng rỡ được nghe chân lý tối thượng, đoạn quì lạy Quốc sư, xin từ quan để theo quốc sư xuất gia đầu Phật. Lối trình diễn xuất thần đó khiến quốc sư xúc động vô cùng. Sư thương yêu giảng dạy người đệ tử mới, là tu hành thì không nhất thiết phải xuất gia. Làm quan mà thương yêu chăm sóc dân là đã thực hành Phật đạo rồi. Không dám trái ý quốc sư, tri phủ Đông Phố bắt buộc phải hi sinh tiếp tục làm quan tham ô như cũ. Quốc sư lại ghé ngôi tổ đình, mang về bằng sắc "Sắc tứ Kim Chương tự". Gặp lại huynh đệ, tuy tình cảm đậm đà thấm thiết, nhưng sư chỉ lưu lại hai ngày rồi ra đi. Có thể, vì sư thấy thiếu vắng những lời ca tụng xuất phát từ "đáy lòng thành thật" của nhóm đệ tử mới, và phần khác, vì sư cảm giác dường như chư huynh đệ tư tưởng xưa quá rồi, không theo kịp những tiến bộ vượt bậc của sư như đám đệ tử mới

trung thành.

\*\*\*

Trần Hà Tiên là địa điểm cuối cùng và quan trọng nhất của chuyến hành hương. Theo đúng chương trình vạch sẵn, Quốc sư được quan Chương vệ (4) thống lĩnh 5 vệ thủy quân miền duyên hải phương Nam hiệp cùng quan Trấn Thủ Hà Tiên long trọng đón tiếp từ ranh giới huyện Kiên Giang, để dùng ghe hầu xuôi theo kinh đào về Ba Hòn (3), một vùng tập trung đa số núi đá vôi của Hà Tiên. Đá vôi có tính chất là dễ bị soi mòn bởi nước mưa, do đó, qua năm tháng, những núi đá vôi thường bị xẻ dẹt để biến thành những hình thù kỳ dị hoặc cấu tạo nên những hang động thần bí, với vô số thạch nhũ dị dạng. Những hang động rộng rãi, xinh đẹp, nổi tiếng như Thạch Động ở thị trấn Hà Tiên, chùa Hang ở Bình Tri ... đều được kiến lập thành chốn tu hành dập dìu khách hành hương lễ bái. Số lớn còn lại như núi Đá Dựng và nhóm núi vùng Ba Hòn, hang ngách ngang dọc chằng chịt, vắng người lui tới, là chốn ẩn thân lý tưởng của những phần tử trốn tránh ngoài vòng pháp luật. Thấu hiểu mối âu lo của nhà Vua, Quốc sư dừng lại Ba Hòn khá lâu để tìm hiểu dân tình. Nhận thấy núi đá vôi căn cõi khó tự túc nếu thiếu nguồn tiếp tế lương thực của dân xóm chài, nên Quốc sư kết nạp người trong giới cư sĩ. Ngoài ra, hai vị tu sĩ ngụ tại Chùa Hang và Chùa Khóm Tre đều là



những vị đây nhiệt tình đạo pháp, đã được sư nhận làm pháp đệ, nên chắc chắn sẽ phục vụ quân vương đắc lực. Nhân dịp này, Quốc sư cũng được viên Chương vệ đưa đi viếng hang Tiên, căn cứ bí mật của Vua trong thời gian chuẩn bị tổng phản công để chiếm Gia Định thành năm Đinh Tị. Núi Long Ẩn là ngọn núi đá vôi khá lớn tọa lạc cách Ba Hòn chừng 2 dặm về hướng Bắc, hai phần của núi còn tựa vào đất liền, phần ba còn lại chồm xa ra ngoài biển. Núi cũng có những khóm cây thưa thớt mọc cần cỗi trên vài cụm đất nhỏ, phần còn lại bao phủ bởi loại đá rặng cưa tua tủa nhọn hoắc, không lối leo trèo. Con đường lên núi lại là con đường biển. Nước biển sâu, thuyền có thể vào sát chân hòn. Neo thuyền bên bến đá xấp nước, khách liền thấy lẫn khuất sau vòm đá nhô ra, một hang sâu thâm thẳm. Mò mẫm bước vào hang, mắt vừa quen với bóng tối, khách bỗng khám phá trong ánh sáng mờ ảo, một thế giới thạch nhũ cả ngàn loại sai biệt về hình dáng lẫn màu sắc, nhưng đều mang tính chất điểm ảo thần tiên. Hang nở rộng dần thành động. Động hình nón. Từ trên chóp đỉnh cao ngất, ánh sáng dịu dịu tỏa nhẹ, làm phong cảnh thiên nhiên thêm huyền bí. Mọi cảnh vật : Vách đá vắn dện lồi lõm, hồ nước con con, thạch nhũ, viên sỏi láng bóng, một đám rong rêu, tất cả đều phô bày nét đẹp đặc thù. Ngay như giọt nước thoát từ trái thạch nhũ no tròn, bỗng mường tượng như một viên kim cương long lanh màu sắc. Trung tâm

động rộng rãi đủ cho bày tôi Vua Gia Long quây quần họp mặt. Cảnh đó, một lò đúc đã từng được thiết lập để đúc tiền kẽm, dùng cho chi phí quân lương. Đó cũng là lý do, mà hang Long Ẩn cũng được gọi là hang Tiên. Thạch động còn có đường hang lên dần tới đỉnh, nhờ vậy, hang động nói chung, có sức chứa cả ngàn người, với ưu điểm là chòi canh trên đỉnh cao, có thể quan sát rộng rãi bốn phương trời.

Quốc sư được quan Chương Vệ hướng dẫn sang một ngách nhỏ, đi len lỏi đến một động hẹp hình chữ nhật, như một gian phòng thiên nhiên. Phòng trống trải được hóa công thiết trí sẵn một chiếc giường đơn bằng đá nhẵn thín.

- Thưa Quốc sư ! Viên Chương Vệ lên tiếng, đây là nơi hoàng thượng ngủ nghỉ. Tim được long sần này, bọn bày tôi ai nấy hân hoan tin tưởng Chúa thượng quả thật là bậc "Chính vì Vương" nên mới được Trời Phật an bài mọi việc. Nằm trên long sần, một hôm hoàng thượng nhìn lên vách đá kia, chợt thấy hình ảnh ngày quân ta chiến thắng rõ ràng hiển bày trước mặt. Từ đó, thuộc hạ ai ai cũng nức lòng quyết tâm chiến đấu tiêu diệt quân thù. Vách đá đó, vì vậy, được mang tên là "Sấm ký nham".

Giai thoại này Quốc sư đã nghe nhắc nhở mãi, nên không mấy ngạc nhiên. Sấm ký nham cũng không có gì đặc biệt, đó chỉ là một tảng đá rần ri hỗn tạp, lồi lõm, nhiều vết nứt rạn, rong rêu, mốc meo,

trong ánh sáng mờ mờ có thể biến thành hình ảnh sống động bởi người giàu óc tưởng tượng. Nhìn vách đá cũng giống như nhìn đám mây bông bành bành, để suy tưởng thành hình người hình thú. Quốc sư không tin thuyết huyền bí màu nhiệm, tuy nhiên, Quốc sư lại kích thích bởi ý định nằm nghỉ ngay địa điểm xưa Vua nằm, nên tỏ ý mệt mỏi cần phải nghỉ ngơi. Còn lại một mình, sư thoải mái nằm xuống. Cảm giác mát lạnh của giường đá truyền vào người sư, khiến sư khoan khoái và tươi tỉnh. Tình cờ sư hướng về sấm ký nham, rồi bỗng nhiên mất sư như bị một hấp lực vô hình dán chặt vào đó. Những đường nét tạp nhạp bất động bỗng chỗi dậy nhảy múa, để kết hợp lẫn nhau thành những hình ảnh chập chờn. Rồi sư bỗng thấy hình ảnh sư, với đầy đủ đường nét rõ rệt, đang lom khom dưới cội cây trôm. Sư mừng rú lên chờ đợi ngôi Quốc tự nguy nga sắp hiện ra, thì tên lính hầu cận của viên Chương Vệ bước vào phá khuấy :

- Kính thưa Quốc sư ! Quan Chương Vệ con kính mời Quốc sư thưởng thức trà !

Giả ảnh đột ngột tan biến, dù Quốc sư nhanh nhẹn khoát tay đuổi tên lính như "đuổi tà", nhưng vẫn không cứu vãn kịp. Sư cố tăng tập trung sức tưởng tượng nhìn mãi sấm ký nham mà cũng vô dụng, đành phải trở ra ngoài.

- Kính mời Quốc sư chén trà Long Tỉnh.

Dù đang bực bội, sư cũng niềm nở khen ngợi :

- Trà Long Tỉnh pha bằng nước suối ngầm, quan

Chương Vệ quả thật là bậc tao nhân sành sỏi.

\*\*\*

Phái đoàn trở về thuyền để lên đường đi Phú Quốc. Phú Quốc là một hải đảo có diện tích rộng lớn, hội đủ điều kiện cho một lực lượng nổi dậy đồn trú lâu dài. Đất đai Phú Quốc phì nhiêu có thể trồng đủ loại ngũ cốc, nước ngọt khắp nơi, thú rừng thật nhiều, rừng cây danh mộc to lớn có thể dùng để đóng chiến thuyền rất thừa thãi. Giải núi Cầu Sừng tức Cửu cửu sơn, gồm 99 đỉnh cao sâu hiểm trở, một người lẩn trốn thì không quân đội nào truy tìm được. Trong những vùng có dân cư ngụ : Dương Đông, Cửa Cạn, Hàm Ninh, An Thới, chỉ riêng Dương Đông mới hình thành được chính quyền xã, như vậy, chỉ mới kiểm soát được một phần vạn diện tích toàn đảo. Chuyển đi hành hương Phú Quốc, vì vậy, có một tầm quan trọng đặc biệt.

Quốc sư được quan Chương Vệ mời ngự trên chiến thuyền chỉ huy, đóng kiên cố và đầy đủ tiện nghi. Thuyền xuôi gió, sáu cánh buồm căng phồng, đưa thuyền lướt nhẹ nhàng trên sóng biển. Thuyền rời Ba Hòn, lần lượt xuyên qua mấy mươi hòn đảo duyên dáng quay quần nhau như họ hàng, nên được gọi tên chung là HÒN HỌ. Ưu tư với công tác, Quốc sư thầm nghĩ : "Đảo nhỏ, đất đai bằng phẳng, gần đất liền, không phải là môi trường lẩn trốn". Rồi có lẽ nhằm phô trương chiêu bài hành hương, Quốc sư

hỏi tên lính hầu :

- Chẳng hay trên các hải đảo này có tu sĩ không ?

- Thưa không.

- Phong cảnh đẹp mà thiếu cao tăng thì đáng tiếc thật !

- Dạ thưa Quốc sư cũng có cao tăng ạ ! Dạ con được nghe ở Hòn Nghê, có người tu hành đắc đạo. Người ta nói Ông đạt pháp di mây về gió. Người ta nói Ông đạo nghe và nói chuyện với loài chim, loài cá. Người ta nói Ông đạo khi còn tu ở hòn Mấu, ngôi trên bãi cát thuyết pháp cho đá, đá cũng bò lên từng đàn sấp từng hàng thứ tự từ nhỏ đến lớn để nghe nữa. Người ta lại nói ...

Nghe tên lính cứ lặp lại câu "người ta nói" hơi nhiều, mệt quá, nên Quốc sư khoát tay bảo yên lặng, rồi hỏi :

- Có ai thực sự biết Ông đạo hay mọi người đều chỉ nghe đồn đãi mà thôi ?

- Dạ thưa ! da thưa ! Chắc ai cũng nghe đồn đãi rồi kể lại mà thôi !

- Hòn Nghê gì đó có gần với Phú Quốc không ?

- Dạ thưa Quốc sư ! Đảo ấy trên đường đi, hiện rõ ở trước mặt chúng ta kia kìa !

Tên lính già chỉ hòn đảo xa tí mù khơi, hòn đảo có dáng dấp như một nắp vung đầy đặn, với cái núm ở trên. Dù đã ở trong tầm mắt, thuyền xuôi gió phóng nhanh, nhưng cũng phải mất hai ngày mới đến nơi. Nhìn diện tích hòn đảo khá rộng, phần Nam

đảo sừng sững núi đá vôi đầy hang động nguy hiểm, Quốc sư thành linh quyết định ghé lại để hành hương. Thật ra, Quốc sư không tin gì về huyền thoại đắc đạo của Ông thầy tu Hòn Nghê, nhưng đảo nằm nửa đường đi Phú Quốc, một vị trí chiến lược, nên vị tu sĩ vô danh đó cần được móc nối.

Bãi cát cạn nên chiến thuyền phải neo ở ngoài xa. Chiếc xuồng thúng tre nhẹ hững hờ thả xuống để đưa Quốc sư và phái đoàn tháp tùng vào bãi. Trên thúng Quốc sư đã thấy căn nhà cỏ nhỏ bé lụp xụp núp sau hàng dừa đơm trái. Một lão già mặt mũi nhăn nheo, tóc râu bạc trắng, vận bộ quần áo nâu, củ mem, rách nát, đang xăm xoi đám bấp lờ thớ. Lão già lù khù thoảng giựt mình, ngây ngô ngó sừng khách phương xa đột ngột xuất hiện. Người lính già phóng nhanh đến bản lão, kính cẩn chào thật sâu và Ông lão cũng đáp lễ long trọng không kém.

- Thưa Ông đạo ! Hai vị đây là Quốc sư và Quan Chương Vệ thủy quân.

Danh vị Quốc sư, từ quan chí dân, vừa nghe qua đã gập đầu vái lạy, thế nhưng lão già ngây ngô chỉ gật đầu chiếu lệ mà thôi. Có lẽ lão già quê mùa dốt nát trọn đời chưa từng được nghe đại danh Quốc sư hay quan Chương Vệ, nhân vật cao cấp nhất lão tiếp xúc chỉ là hạng lính quèn, thảo nào, đối với lính thì kính nể còn đối với đại nhân vật thì lại dửng dưng. Vừa khó chịu vừa nản lòng, thấy không thể khai thác gì được lão già khờ khạo, nhưng Quốc sư cũng giả vờ

hiếu kỳ vồn vã thăm hỏi :

- Chẳng hay lão tu theo pháp môn nào ? Tu đã bao lâu rồi vậy ?

- Thưa Quốc sư ! Năm mươi năm trước con được một thầy đồ dạy niệm câu : "Nam VÔ Tịnh THỔ Giáo chủ A Di Đà Phật". Con cứ thế mà niệm liên tục, chớ không tu hành chi cả.

Nguyên chữ Vô ( 無 ) và chữ Thổ ( 土 ), trong nhà Phật, tùy trường hợp phát âm là MÔ và DỘ thì mới đúng. Nho gia không hiểu lẽ đó, nên mới đọc câu niệm Phật sai lầm. Thấy kẻ tu hành dốt nát, bỏ mấy mươi năm làm việc vô dụng, Quốc sư rủ lòng thương, chỉ dạy :

- Lão phải niệm như thế này mới đúng : "Nam mô tịnh độ giáo chủ A Di Đà Phật".

Đoạn lão già khóm róm cúng dường sư nước dứa và thỉnh nguyện được cúng dường cơm trưa. Tuy khù khờ, nhưng lão nấu nướng nhanh nhẹn. Chỉ một thoáng là đã dọn lên mấy món ăn ngon tuyệt : gỏi bắp chuối, mít non kho, canh chua củ hủ nhum ... Hai ngày trên thuyền, dù sao cũng tù túng, nên được thoải mái "độ cơm", Quốc sư cũng dùng rất thật tình.

Ì ạch leo trở lên thuyền, Quốc sư dậm ra bực bội tên lính già nhiều chuyện làm sư phí phạm thời giờ vô ích. Viên Chưởng Vệ có lẽ cũng kém vui, nhưng chưa dám để lộ ra ngoài chỉ dò dẫm :

- Thưa Quốc sư ! Ngài nhận thấy lão đạo này như thế nào ?

- A ! Ông đạo ấy ... THỰC ... NGỘ ... !!

Người miền Nam dùng chữ ngộ có nghĩa là ngộ nghĩnh dễ thương, mà cũng có thể là khùng khiêu, tầm bậy tầm bạ, không giống ai. Quốc sư dùng chữ thật khéo, chữ Ngộ không nặng nề thô lỗ làm giảm đức độ bậc chân tu đạo hạnh, nhưng khi được phát âm dài ra thì cũng diễn tả được ý chê bai khinh miệt trong lòng.

Thuyền lại lướt sóng. Câu chuyện bực mình về Ông đạo khùng cũng nguôi ngoai. Quốc sư ngồi trên mũi đón gió mát và dự định lần chuỗi niệm Phật. Xâu chuỗi bồ đề to tướng của Vua ban biến mất. Sư sợ nhớ khi phải đi vệ sinh trên đảo, sư gửi tạm xâu chuỗi tại bàn thờ Phật, rồi quên lửng. Quốc sư bối rối không biết nên quyết định như thế nào ? Thuyền đi khá xa, nếu quay lại ngược gió phải chạy giặc lờ giặc lỗ (5) thì mất rất nhiều thì giờ. Còn chờ thuyền về ghé lại thì chẳng biết bảo vật có còn không ?

Quốc sư bồn chồn nhìn về hướng hòn Nghê. Thành linh Quốc sư thấy lờ mờ hình dáng một người rời đảo thoan thoát đi trên biển cả. Sư dụi mắt, cấu tai để kiểm chứng mình đang tỉnh thức. Rõ ràng là Ông đạo đang bước trên nước giống như đi trên đất liền. Khoan thai mà nhanh như làn gió, lão già đã đi tới thuyền, bước lên đến bên Quốc sư trao xâu chuỗi bồ đề :

- Thưa Quốc sư, Ngài đã bỏ quên xâu chuỗi này. Quốc sư như bị thôi miên cứng động, giờ mới

cầm lấy râu chuỗi, rồi ú ớ :

- Dạ thưa Ngài ! Ngài là bậc thần thông cái thế. Xin Ngài từ bi cho con được sám hối tội ngã mạn của con.

- Thần thông chi đâu thưa Quốc sư ! Khi đi lão chỉ việc bước tới mà không khởi tâm phân biệt, đâu là đất, đâu là biển, đâu là trời mây, nên không bị ngăn ngại mà thôi !

Nói xong Ông lão bước theo một áng mây trôi đi mất.

Quốc sư lâu nay tuy tu hành mà tâm sôi sục phân biệt thiệt hơn, thành bại, nhục vinh ..., nên tuy tu theo nẻo chánh, mà tâm lẫn khuất theo đường tà. Nay vừa nghe Ông Lão đối đáp, bỗng cất tiếng thở than :

- Ôi ! Ta vọng chấp lục trần mà dám múa may dạy bậc đại sĩ phân biệt mô vô, thổ độ, thật đáng hổ thẹn ! Ôi ! Tâm không phân biệt thì đâu là chỗ trụ, mà không chỗ trụ thì sao ? (6)

Quốc sư quì xuống, hướng về Hòn Nghê cung kính lễ 3 lạy. Khi Quốc sư đứng dậy, thì thấy viên Chương Vệ đứng bên cạnh, trở mắt ngạc nhiên, thưa hỏi :

- Thưa Quốc sư ! Ngài lễ Trời Phật hay thánh thần, sao không để con ra lệnh thiết lập bàn thờ cho long trọng ?

Quốc sư hiểu Ông đạo xuất hiện để chỉ điểm riêng cho Quốc sư, chớ không lộ cho kẻ sơ cơ thấy

thần thông mà làm lạc thành cứu cánh, nên người từ tốn đáp :

- Thưa quan Chương Vệ ! Tôi lễ kính ÔNG ĐẠO HÒN NGHÊ. Ông đạo là Bậc THỰC ... NGỘ

...

Chữ Thực Ngộ lần này hoàn toàn có ý nghĩa khác, khi sư phát âm kéo dài lại diễn tả được lòng thành tâm quy ngưỡng của sư. Ngừng một lát, Quốc sư nói tiếp :

- Thưa quan Chương Vệ. Chuyển hành hương đến đây là hoàn mãn. Quan Chương Vệ có thể hạ lệnh cho thuyền trở về đất liền được rồi.

### HUỲNH TRUNG CHÁNH

Tháng 2/1989

#### Cước chú :

(1) Linh Phong cổ tự, tọa lạc tại xã Tân Hiệp, quận Bến Tranh, Định Tường.

(2) Kim Chương tự : Do Đạt Bản thiên sư kiến lập năm 1755 với tên Thiên Trường tự. Về sau được đổi tên thành Kim Chương tự, nơi dòng cung Nguyễn Phúc Dương được suy tôn kế nghiệp Chúa Nguyễn (1775).

(3) Ba Hòn : Ba Hòn chỉ cho 3 hòn nhỏ mọc liên tiếp nhau tại ngã ba Hà Tiên Kiên Lương. Vùng Ba Hòn là vùng núi đá vôi mà Công Ty Nhà Máy Xi Măng Hà Tiên được thiết lập một lần với quận Kiên Lương.

(4) Thủy quân triều Nguyễn có 15 vệ chia làm 3 doanh. Chỉ huy cấp doanh là Chưởng Vệ.

(5) Thuyền buồm ngược gió phải lái theo đường gẫy (zig zag) một lượt lờn và một lượt lổ.

(6) Phật dạy : "Tu bồ đề ! Các vị Đại Bồ Tát phải giữ tâm thanh tịnh, chớ nên sanh vọng tâm trụ chấp nơi sắc trần, thanh trần, hương trần, vị trần, xúc trần và pháp trần. Tóm lại, Bồ Tát đừng khởi vọng tâm trụ chấp một nơi nào cả" (Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm).

Kinh Kim Cang lược giải (T. Thiện Hoa)



## Hoa-Nghiêm

### Vi-Tự-Điển

Micro-Dictionary of the  
Avatamsaka Sutra

*Diêu Phụng, Minh Thành,  
L. Taylor, P.D. Leigh  
USA - 1989*

(tiếp theo)

### hương thủy

fragrant water

1. Nước thơm. Tiêu-biểu cho các đức-tánh trong sạch, cao cả trong tâm chúng-sanh.

2. *Symbolizes virtuous qualities or wholesome factors in the mind.*

### hương thủy hải

sea of fragrant water

1. Biển nước thơm. Trong thế giới lý-tưởng của Kinh Hoa-Nghiêm, biển này tượng trưng cho A Lại Da thức của

chúng-sanh. (Xem chữ "hoa tạng thế-giới.")

2. In the visionary cosmology of the *Avatamsaka Sutra*, this sea represents the repository consciousness (or storehouse) wherein are stored all experiential impressions which develop into images of the world. (See also "lotus treasury world.")

[TC/FOS]

## **hữu-vi**

compounded

1. Các pháp có tạo tác sanh diệt, tức là tất cả hiện tượng biến thiên trong vũ trụ.

[THH/DMC, p.152]

2. Refers to all the various phenomena in the world -- made up of separate, discrete elements (compounded) with no intrinsic nature.

## **không hai**

non-dual

1. Bất nhị. Không hai, là lý-thế chơn-thật duy nhất, lý tưởng như-như bình đẳng, không có kia, đây, sai khác.

2. Refers to the ultimate truth which is "thus," equal, non-dual. This is the opposite of the conventional truth.

## **Long Thọ**

Nagarjuna

1. Tương truyền Ngài đã dùng thần thông xuống Long-Cung đọc thuộc hết Kinh Hoa-Nghiêm gồm 10.000 bài kệ và đem về giảng dạy tại Ấn-Độ. Bộ kinh bằng Hán-văn và Việt-văn chỉ là một phần nhỏ của bản tiếng Phạn. (hiện nay đã thất lạc).

Ngài Long Thọ, người nam Ấn Độ, ra đời vào khoảng 700 năm sau Phật diệt độ, là tổ thành lập hệ thống đại-thừa Bát-Nhã cùng với Ngài Mã-Minh. Giáo lý của Ngài truyền-bá là thuyết Trung-Đạo thể hiện nghĩa chân không của Như Lai tạng. Đồng thời Ngài còn là tổ đầu tiên xiển dương thuyết Vông Sanh chủ trương dùng phương tiện niệm thánh hiệu Phật A Di Đà để được "bất thối chuyển mau lẹ dễ dàng" (Luận Thập Trụ Tỷ Bà Sa). Âu đây là lý do Phàm chót của Kinh Hoa-Nghiêm ("Phổ-Hiền Hạnh-Nguyện") đôi khi được xem là một kinh Tịnh-Độ.

[TTT/PHT, p.413]

2. Tradition credits the South Indian Patriarch Nagarjuna with "rediscovering"

*the Avatamsaka Sutra in the 7th century A.D. He is said to have "travelled" to the sea dragon's palace beneath the ocean to retrieve the Sutra. Another account has it that he discovered the Sutra in an abandoned monastery.*

*Nagarjuna is the patriarch of the Madhyamika (Middle Way) School and, interestingly enough, also of the Salvation School (recitation of Amitabha Buddha's name). The latter represents the easy way of salvation, compared to, for example, the difficult path of Zen.*

[EJE/HCB, p.108]

## **lọng** canopy

1. Tượng trưng cho sự ngăn ngừa, phòng tránh các phiền-não. Còn có nghĩa là tâm rộng lượng xả bỏ và sự phổ-quát của trí tuệ.

2. Canopies are a shield from worldly afflictions. Their width also symbolizes the universality of knowledge and the all encompassing mind.

## **lý**

noumenon

1. Nguyên lý đại đồng, là chân như, là tâm.

[TT/CTD, p.108]

2. Principle, the abstract as opposed to the concrete. In the Avatamsaka Sutra, it means the mind, the absolute truth.

## **Mạn-Thù-Sư-Lợi** Bodhisattva Manjusri

1. Vị Bồ-tát thượng-thù trong Hội Hoa Nghiêm, cùng với ngài Phổ Hiền. Đức Mạn Thù Sư Lợi là một vị Bồ tát đã đạt thật-trí, liễu ngộ Phật tánh; ngài tượng trưng cho trí-tuệ và "căn bản trí." Xem chú "Phổ -Hiền" và "căn bản trí."

2. One of the two leading Bodhisattvas (along with Samantabhadra) in the Avatamsaka Sutra. The Bodhisattva Manjusri embodies Ultimate Wisdom, the sine qua non of Buddhahood. It is for this reason that he is sometimes referred to as the "mother of all Buddhas."

## **mẫu-tự Hoa-Nghiêm**

Avatamsaka mantra

(syllabary)

1. Mẫu tự (thần chú) Hoa Nghiêm gồm có 42 chữ cái trong tiếng Phạn. Vì các tự



mẫu là nguồn gốc của tất cả ngôn ngữ văn tự, thần-chú này tiêu-biểu cho trí-tuệ bát-nhã... khi trì thần-chú hành giả quán các đặc tính của mỗi chữ (v.d. "A" = vô, không), kết quả là đạt được trí-tuệ. Mẫu tự Hoa Nghiêm còn được gọi là Hải Ấn Đại-Định trong Kinh Đại Bát Nhã. (Xem chữ "A.")

2. *Consists of 42 syllables taken from the Sanskrit alphabet. Since all alphabets are the roots of writing and languages, this mantra (a combination of syllables in one of the most ancient alphabets) represents knowledge and wisdom. Reciting it, one first contemplates the characteristics of the syllables (e.g., "A" means "non") and then grasps their profound meaning (such as "voidness"), achieving wisdom in the process. This mantra is called Ocean Seal Samadhi in the Wisdom Sutras. See also "A."*

## mưa

### rain

1. Tiêu-biểu cho thuyết-pháp; "mưa ngọc ngàn châu báu" là dụ cho việc giảng giải các pháp môn của đức Phật, vừa quý và hiếm, vừa nhiều vô-lượng vô-số.

2. *Metaphor for teaching the dharma. The teachings are as numerous as rain-drops and as precious as jewels. Thus the expression "showering rains of jewels" is sometimes found in sutras.*

## mười

### ten

1. Số 10 là một số đặc-biệt được sử dụng trong toàn bộ Kinh Hoa-Nghiêm. Tượng trưng cho sự trùng trùng vô lượng vô biên, bất-khả cùng tận.

2. *The number 10 is a symbolic number in the Avantamsaka cosmology, representing infinity.*

[AJP, HYV, p.137]

## nam

### south

1. Tượng trưng cho minh và chánh. Các vua chúa thuở xưa thường ngồi hướng về phía nam. Còn có nghĩa vô-trước, không bị vướn mắc...hoặc chân tâm. Thiện Tài Đồng-Tử đi về hướng Nam tức là xoay về nội tâm của chính ngài.

2. *Represents clarity, detachment, uprightness. In ancient times ruler-kings sometimes sat on their*

*thrones facing south. Also represents the Mind. The youth Sudhana heading south is a metaphor for investigating the deepest recesses of his own mind.*

## **nguyệt**

moon

1. Tiêu biểu cho chân-lý, sự thật. Mặt trăng có thể ánh hiện trong mọi ao hồ nhưng vẫn không phân-chia thay đổi.

2. *In Mahayana sutras, a metaphor for truth or reality: the moon is reflected in all bodies of water (lakes, ponds) although it never leaves the sky.*

## **như ảnh tượng**

like a reflection

1. Như hình bóng. Dụ cho lý "như như" không "ra" không "vào" của mọi pháp. Vì vạn pháp duy-tâm nên "không" ("quán không").

[TTT/TDT, p.47]

2. *Expresses the Buddhist teaching that all wordly phenomena and things, in their intrinsic nature, are "thus," with no "departing" or "entering."*

## **như huyễn**

illusory

1. Dụ cho lý chẳng "có" chẳng "không" của mọi pháp. Vì vạn pháp duy-tâm nên "giả" ("quán giả").

[TTT/TDT, p.47]

2. *Not real. Expresses the Buddhist teaching that all phenomena, in their intrinsic nature, are "thus," neither existing nor non-existing.*

## **như mộng**

dreamlike

1. Dụ cho lý không "đến" không "đi" của các cảnh tướng (nghĩa là chư Phật, quốc độ, thần thông, v.v.). Còn có nghĩa vạn hữu đều duy-tâm.

[TTT/TDT, p.47]

2. *Expresses the Buddhist teaching that all phenomena, all things, in their intrinsic nature are "thus," with no coming or going.*

## **như vang**

echo-like

1. Dụ cho lý chẳng "tan" chẳng "hợp" của các pháp. Vì vạn pháp duy-tâm nên

"trung" ("quán trung đạo").

[TTT/TDT, p.47]

2. *Expresses the Buddhist teaching that all phenomena, by their nature, are neither "coming together" nor "dispersing." They are simply "thus."*

## Phật độ

### Buddha lands

1. Quốc độ thuộc phạm-vi giáo-hóa của một vị Phật. Còn có nghĩa là cảnh giới giác ngộ, cảnh giới trí-tuệ. Theo nghĩa rộng, tất cả mọi sự mọi vật (như một hạt cải, một sợi lông) đều là Phật độ.

2. *Means either the "actual" lands created through the vows and deeds of a particular Buddha (i.e., Amida Buddha) or spheres of awareness. By extension, each and every phenomenon can be understood to represent a Buddha land.*

## Phổ-Hiền Bồ-tát

### Bodhisattva

### Samantabhadra

1. Một trong hai vị Bồ-tát thượng thủ trong Hội Hoa-Nghiêm. Đức Phổ-Hiền Bồ-tát tượng trưng cho hạnh-nguyện cao

cả, ba la mật của các Đại Bồ-tát và Phật. Còn tiêu-biểu cho "sai biệt trí," tùy cơ phổ độ sinh linh... Đức Phổ Hiền là sơ tổ của tông Tịnh Độ.

2. *"Universal Worthy." One of the two leading Bodhisattvas in the Avatamsaka Assembly, the other being Manjusri. Samantabhadra represents "transcendental vows and practices" to benefit all sentient beings... He is also the first Patriarch of the Pure Land School.*

## phước-diên

### field of blessings

1. Ruộng phước. Chỉ cho các bậc đáng cúng dường, làm chỗ cho chúng sanh gieo trồng quả phước, vd Phật, Thánh-nhân, Tăng, cha mẹ, người bệnh. Còn có nghĩa là tất cả chúng-sanh. vì bồ-thí cho chúng-sanh cũng gieo trồng quả phước (Phổ-Hiền nguyện thứ 9).

[THH/DMC, p.179]

2. *Buddhas, monks, parents...worthy of receiving offerings, thus providing a place where sentient beings can sow and reap blessings. By extension, means all sentient beings, as without them "no Bodhisattvas could perfect their*

deeds" (Phổ-Hiền's 9th vow).

## quang-minh

supernatural light

1. Tiêu-biểu cho trí-huệ, trí thông-minh hoặc sự thiên xảo.

2. *Represents knowledge, awareness, wisdom. Frequently connected with light radiating from a Buddha. The part of the Buddha's body (forehead, knees, toes...) from which the light is emitted symbolizes the level of the dharma that is expounded.*

## sư tử rống

lion's roar

1. Dù Phật, Bồ tát thuyết pháp tự tại không sợ sệt, lại làm cho tất cả phiền não mê lầm của chúng sanh đều tiêu trừ, ví như sư tử rống lên một tiếng thì tất cả các thú đều khiếp sợ chạy trốn. Còn có nghĩa "thấu rõ lý không tuyệt-đối của vạn vật."

[THH/DMC, p.127]

2. *Like the roar of the lion which sends wild animals fleeing to safety, the Buddha's teachings can subjugate all worldly philosophies and teachings. By*

*extension, means "the realization of the ultimate emptiness of all conditional things."*

## sự

phenomenon

1. Hiện tượng. Xem chữ "lý."

2. *Every-day reality, the concrete as opposed to the abstract. "Things, events, particulars..., matter, the concrete and so forth."*

[CCC/BTT, p.260]

## tây

west

1. Tượng trưng cho từ bi. Vì vậy, đức Phật A-Di-Đà, Bồ tát Quán Thế Âm hóa hiện về hướng tây để cứu độ các vong linh.

2. *Represents compassion. It is for this reason that Amida Buddha and Bodhisattva Avalokitesvara are represented as appearing in the west to help the dead and dying.*

## thế-chủ

rulers of the worlds

1. Chúa tể trong thế-gian, hoặc các cõi trong tam thiên đại thiên thế-giới. (V.d. Đại Bồ-tát, Đại Thiên-Vương, Chủ dạ thân). Các vị này đều làm thượng-thủ trong cõi nước hoặc nhóm hội của mình. Còn có nghĩa là Đức Phật, vị vua tối thượng của chúng-sanh.

2. *Leaders of the various types of beings who appear at the beginning of the Avatamsaka Sutra. Includes such leading Bodhisattvas as Samantabhadra, kings of the different heavens and all kinds of spirits. Also means Buddha himself, the ultimate leader.*

## vàng gold

1. Trong Kinh Hoa Nghiêm, tiêu-biểu cho "Lý," (đối lại với "Sự"), hoặc quan-niệm "không." Xin đọc chương "Hoa-Nghiêm Sư Tử" do Tổ Pháp Tạng (Hiên Thủ) soạn để giải thích giáo lý Hoa-Nghiêm cho hoàng hậu Võ-Tắc-Thiên (Empress Wu).  
[TT/CTD, p.107]

2. *In the Avatamsaka Sutra, gold represents the principle ("lý") underlying all phenomena ("sự"), i.e., emptiness. Just as the essence of all gold ornaments is the metal gold, so the*

*common denominator of all phenomena is lack of intrinsic existence.*

## vãng-sanh Cực-Lạc

rebirth in the  
Pure Land

1. Muốn sanh về Cực-lạc, hành giả có thể dùng một trong các hạnh (nguyên lực, thần lực, phước lực...) để hồi hướng, không phải chỉ đặc biệt có môn trì danh, tuy rằng môn này là hợp lý hợp cơ nhất. Trong Kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ Tát khuyến tán Thiện Tài đồng tử và đại chúng nơi hải hội dùng 10 đại-nguyên vương cầu sanh Tịnh Độ. Trong mỗi nguyên ấy đều có nói: khi nào cõi hư-không, cõi chúng-sanh, nghiệp chúng-sanh, phiền-não của chúng-sanh hết, thì nguyên tội mới hết. Và hành giả phải dùng ba nghiệp thân, khẩu, ý thật hành nguyên đó không gián đoạn, không chán mỏi. Khi lâm chung duy đại-nguyên ấy, hằng theo bên mình liền được sanh về Cực-Lạc. Đây là nói về dùng nguyên-lực để vãng-sanh Tịnh-Độ.

[TTT/TDT, p.51]

Tịnh-Độ có nghĩa là cõi Cực-Lạc ở phương tây (Sự) mà cũng là chân tâm của chúng-sanh (Lý). Đây là nghĩa Sư Lý Viên Dung, "sự sự vô ngại pháp giới."

2. *Mahayana sutras teach many ways to*

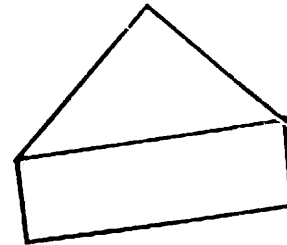
attain salvation and rebirth, i.e., through the power of vows, the power of mantras, the accumulation of good deeds, the recitation of Amitabha's name until one-pointedness of mind is achieved...

In the Avatamsaka Sutra, rebirth through the power of vows is exemplified by the advice of Samantabhadra to Sudhana (who represents humanity's eternal quest for truth and enlightenment.) "...When a person is on the verge of death, at the last instant of life, when all his faculties scatter and he departs from his relatives, when all power and status are lost and nothing survives...these kings of vows alone will stay with him. At all times they will guide him forward and in a single instant he will be reborn in the land of ultimate bliss..."

Rebirth through vows should be understood on two levels, phenomena (Sù) and noumena or principles (Lý). As the Sutra says, phenomena are countless, but none is outside the mind...everything is but mind.

(Còn Tiếp)

mt:pd (Tết: 1989)



## TIN TỨC PHẬT SỰ



HỒNG LIÊN ghi

### ĐẠI DIỆN GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT TẠI MIỀN KHÁNH HÒA (MIỀN ĐÔNG HOA KỲ)

Nhân dịp về miền Nam Cali công tác, đạo hữu Vĩnh Noãn, Phó Hội Trưởng Hội Phật Giáo Chùa Hoa Nghiêm ở Fort Belvoir, Virginia, đã đến viếng thăm và tham dự cuộc họp hàng tháng của Hội Đồng Chỉ Đạo Trung Ương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất vào tối thứ năm ngày 23-03-1989 tại chùa Phật Giáo Việt Nam Orange County. Trong phiên họp này, đạo hữu Vĩnh Noãn đã được mời giữ

chức đại diện chính thức cho Giáo Hội PGVN Thống Nhất tại miền Khánh Hòa (miền đông Hoa Kỳ, đặc biệt vùng Hoa Thịnh Đốn) và đạo hữu đã hoan hỷ nhận lời với sự tán thán của tất cả chư Thượng Tọa, Đại Đức và Phật tử hiện diện trong buổi họp.

### PHẬT HỌC VIỆN QUỐC TẾ

Như mọi năm, theo truyền thống Việt Nam, để đón mừng Xuân Kỷ Ty, Phật Học Viện Quốc Tế đã tổ chức trọng thể lễ giao thừa vào lúc 11 giờ đêm chủ nhật ngày 05-02-1989 (nhằm ngày 29 Tết) với hơn 2,000 Phật tử về chùa dự lễ, nghe thuyết pháp, hái lộc đầu năm. Và suốt trong ba ngày mùng 1, 2, và 3, đồng bào tấp nập về chùa lễ Phật không ngớt. Đặc biệt năm nay, số thanh niên nam nữ đến Phật Học Viện dự lễ đông hơn mọi năm. Đây là hiện tượng tốt cho tiền đồ dân tộc và Phật Giáo Việt Nam tại hải ngoại.

Để tô điểm cho vườn Thiền Phật Học Viện Quốc Tế trở thành cảnh trí trang nghiêm, thùyển vị, sau nhiều tuần lễ xây cất với sự góp công của một số Phật tử giàu đạo tâm, hồ Quán Thế Âm lộ thiên đã được hoàn tất viên mãn. Sáng chủ nhật 26-03-1989, nhân dịp lễ vía Quán Thế Âm Bồ Tát, Phật Học Viện Quốc Tế đã tổ chức trọng thể lễ khánh thành hồ Quán Thế Âm lộ thiên dưới sự chứng minh hành lễ của nhị vị TT. Thích Đức Niệm và TT. Thích Trí

Chơn cùng với khoảng 600 đồng bào Phật tử tham dự.

### CHÙA BẢO TỊNH, HAWTHORNE

Để kỷ niệm ngày đấng Từ phụ Thích Ca ra đời, chùa Bảo Tịnh đã tổ chức đại lễ Phật Đản 2533 vào sáng chủ nhật 21-03-1989 dưới sự chứng minh chủ lễ và thuyết giảng của TT. Thích Đức Niệm, Chủ tịch Điều Hành ; TT. Thích Nguyễn Đạt, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Hoàng Pháp Giáo Hội PGVN Thống Nhất tại Hoa Kỳ ; sự hiện diện của rất đông chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni và tham dự của hàng trăm đồng bào Phật tử địa phương.

### CHÙA VIỆT NAM ORANGE COUNTY, GARDEN GROVE

Chùa Việt Nam Orange County đã cử hành lễ Phật Đản 2533 vào trưa chủ nhật 14-05-1989 (nhằm ngày 10 tháng 4 âm lịch). Hiện diện trong buổi lễ có rất đông chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni, bà con Phật tử tại Garden Grove và phụ cận.

Cũng nhân mùa Phật Đản, nhằm gây quỹ kiến tạo chùa Việt Nam tại Orange County, trụ sở trung ương của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Hoa Kỳ, ĐĐ. Thích Pháp Châu sẽ tổ chức đại nhạc hội Tinh Thương kỳ 4 tại hội trường Anaheim Convention Center, 800 West Katella, Anaheim, vào lúc 2 giờ chiều chủ nhật 11-06-1989.

Buổi đại nhạc hội sẽ quy tụ một lực lượng đông đảo chưa từng thấy nhiều nam nữ nghệ sĩ, danh ca nổi tiếng như Thái Thanh, Duy Khánh, Thanh Huyền, Kim Anh v.v... Về cổ nhạc có sự góp mặt của các nghệ sĩ tên tuổi như Hương Lan, Hữu Phước, Chí Tâm, Việt Hùng v.v.... qua vở tuồng cải lương tình cảm bất hủ Lan và Điệp với ban cổ nhạc Văn Hoàng, Tám Trí. Kính mong quý đồng hương và Phật tử cổ động bà con, thân hữu vào hôm ấy đi xem thật đông trước để giải trí, sau góp một viên gạch nhỏ vào việc kiến thiết ngôi chùa Việt Nam tương lai tại Orange County. Vé ủng hộ, người lớn : \$25.00, \$15.00 ; trẻ em : \$7.00. Xin liên lạc chùa Việt Nam Orange County : (714) 534-7263 ; Chùa Bảo Tịnh : (213) 516-1522.

#### **CHÙA PHƯỚC SƠN, RIVERSIDE**

Đại lễ Phật Đản 2533 đã được tổ chức trọng thể tại chùa Phước Sơn vào sáng thứ bảy 20-05-1989 dưới sự chứng minh chủ lễ và thuyết giảng của TT. Thích Nguyên Đạt, ĐĐ. Thích Pháp Châu v.v. và tham dự của rất đông đồng bào Phật tử địa phương.

#### **TU VIỆN LIỄU QUÁN, AGUANGA, CA.**

Nhằm phát triển cơ sở, làm tăng vẻ đẹp, biến tu viện trở thành một nơi có khung cảnh giải thoát đầy thuyên vị để cuối tuần Phật tử lên tu tập, tọa thiền yên tĩnh thoải mái ; sau khi thỉnh tượng Phật Quán

Thế Âm Bồ Tát cao hơn 3 thước tây từ Đài Loan về cuối năm ngoái (1988) và hoàn tất xong công tác xây cất đài Quán Thế Âm lộ thiên từ nhiều tháng qua, ĐĐ. Thích Nguyên Trí, trụ trì tu viện cho biết đại lễ khánh thành đài Quán Thế Âm sẽ được tổ chức vào ngày chủ nhật 15-10-89 sắp đến nhân dịp lễ vía đức Quán Thế Âm Bồ Tát thành đạo. Chi tiết chương trình ngày lễ tu viện Liễu Quán sẽ loan báo sau.

#### **CHÙA TAM BẢO, FRESNO**

Đáp lời mời của Hội Phật Giáo Fresno chùa Tam Bảo, ngày 08-01-1989, TT. Thích Đức Niệm đã đến chứng minh và thuyết giảng nhân lễ vía đức Phật Thích Ca Thành Đạo với sự tham dự của rất đông bà con Phật tử địa phương. Nhân dịp lễ thượng nguyên Rằm tháng giêng, TT. Thích Đức Niệm cũng đã đến chùa Tam Bảo chủ lễ và thuyết pháp lúc 11 giờ sáng chủ nhật 26-02-1989. Vào dịp này, thượng tọa đã làm lễ truyền giới Bồ Tát và quy y Tam Bảo cho một số Phật tử trong đó có ông Fred Engelman, người Hoa Kỳ, với pháp danh Minh Thành. Trong tháng 3 dương lịch vừa qua, dưới sự trụ trì hướng dẫn của ĐĐ. Thích Tâm Quang, chùa Tam Bảo cũng đã tổ chức các lễ vía đức Phật xuất gia vào chủ nhật 12-03-89 ; đức Phật nhập Niết Bàn ngày 19-03-89 và vía đức Quán Thế Âm Bồ Tát chiều 26-03-89. Tiếp đến, đại lễ Phật Đản 2533 chùa Tam Bảo đã tổ chức trọng thể vào sáng chủ nhật 07-05-1989 dưới sự



chứng minh thuyết giảng của TT. Thích Đức Niệm và tham dự của đông đảo Phật tử trong vùng.

### **CHÙA QUẢNG ĐỨC, SAN JOSE, CALIFORNIA**

Lần đầu tiên kể từ ngày thành lập khoảng trung tuần tháng 6 năm 1988, chùa Quảng Đức tại San Jose đã tổ chức lễ giao thừa đón xuân Kỷ Ty vào đêm chủ nhật 05-02-1989 (tức 29 Tết) dưới sự hướng dẫn chủ lễ của ĐĐ. Thích Minh Liên. Có hàng trăm đồng bào Phật tử địa phương và phụ cận đã về chùa lễ bái, cầu nguyện, hái lộc đầu năm. Suốt trong ba ngày Tết dù bận đi làm, một số đồng đạo hữu đã đến chùa lễ Phật trong niềm vui vẻ phấn khởi với truyền thống của ngày Tết dân tộc.

Trưa chủ nhật 26-03-89, chùa Quảng Đức đã tổ chức trang nghiêm lễ kỷ niệm đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Tiếp đến, đại lễ Phật Đản 2533 đã được chùa tổ chức vào sáng chủ nhật 28-05-1989 với sự tham dự của một số Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng Ni và hàng trăm đồng bào Phật tử tại San Jose.

### **CHÙA TỪ BI, BATON ROUGE, LOUISIANA**

Nhân dịp lễ thượng nguyên Rằm tháng giêng, đáp lời cung thỉnh của Hội Thân Hữu Phật Tử ở Baton Rouge (Louisiana), TT. Thích Trí Chơn, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Văn Hóa và Giáo Dục Giáo Hội PGVN Thống Nhất tại Hoa Kỳ đã đến chùa Từ

Bi chứng minh chủ lễ vào lúc 11 giờ sáng chủ nhật 26-02-1989. Trong dịp này, thượng tọa đã thuyết giảng về "*Vai trò hộ pháp của người Phật tử tại gia*". Có rất đông Phật tử đã về chùa dự lễ và nghe pháp.

### **CHÙA QUANG MINH, CHICAGO, ILLINOIS**

Đáp lời mời của Sư Cô Trụ trì Thích Nữ Đàm Hương và Cộng Đồng Phật Giáo Chicago, ngày 29-01-89, TT. Thích Đức Niệm đã đến chứng minh và thuyết giảng nhân dịp lễ vía đức Phật Thích Ca Thành Đạo với gần 200 Phật tử tham dự tại chùa Quang Minh. Ngày 19-02-89, TT. Thích Đức Niệm đến chủ lễ và thuyết pháp về ý nghĩa lễ thượng nguyên Rằm tháng giêng. Rất đông Phật tử và đồng hương hiện diện trong buổi lễ nghe giảng đều hoan hỷ, hy vọng năm mới gặp nhiều hạnh phúc trong niềm tin đức Phật từ bi gia hộ. Tiếp đến, ngày 19-03-89, nhân lễ vía đức Quán Thế Âm Bồ Tát, TT. Thích Đức Niệm đã đến chứng minh và thuyết pháp. Đang mùa tuyết đổ, nhưng vào ngày lễ trời lại khô ráo nắng ấm, nên bà con Phật tử đã về chùa dự lễ khá đông đảo. Mọi người sau khi nghe giảng đã tăng trưởng niềm tin kính sâu xa vào sức nhiệm mầu cứu khổ của đức đại bi Quán Thế Âm.

### **CHÙA VẠN ĐỨC, BILOXI, MISSISSIPPI**

Đáp lời mời của Cộng Đồng Phật Giáo Việt Nam Mississippi, TT. Thích Trí Chơn đã đến Biloxi

chứng minh và thuyết giảng trong dịp lễ thượng nguyên Rằm tháng giêng vào ngày thứ bảy 25-02-1989 tại chùa Vạn Đức (tức chùa Phật Giáo Việt Nam trước kia). Có hàng trăm Phật tử về chùa dự lễ và nghe pháp.

Tiếp đến, trưa chủ nhật 19-03-1989, Cộng Đồng Phật Giáo tại đây đã tổ chức đại hội bầu Ban Trị Sự mới để thay thế Ban Trị Sự lâm thời trước đây, dưới sự chủ tọa của ĐĐ. Thích Pháp Châu, Tổng Thư Ký Giáo Hội PGVN Thống Nhất tại Hoa Kỳ và tham dự của đông đảo bà con Phật tử địa phương. Sau gần 3 giờ đồng hồ thảo luận, bàn cãi sôi nổi, đại hội đã duyệt xét, thông qua bản nội quy và bầu lên một Ban Trị Sự chính thức có nhiệm kỳ hai năm : 1989-1991 gồm các vị sau đây :

Chủ tịch : Đạo hữu Hồ Tư ; 3 Phó chủ tịch : Đh. Lê Hoàng Hương (kiêm Trưởng Ban Kiến Thiết), Đh. Bà Đoàn Ramson và Đh. Ngô Minh Thông ; Tổng Thư Ký : Đh. Đoàn Mạnh Hồ ; Phó Tổng Thư Ký : Đh. Võ Thái Sắc ; Thủ quỹ : Đh. Bà Xuân Muise ; Phó thủ quỹ : Đh. Cô Quách Mai Phương ; ; Trưởng Ban Nghi Lễ : Đh. Trương Văn Thọ ; Phó Trưởng Ban Nghi Lễ : Đh. Huỳnh Thị Cúc ; Trưởng Ban Văn Hóa, Báo chí : Đh. Nguyễn Tấn Phát ; Trưởng Ban Tài Chánh : Đh. Bà Lý Yến ; Trưởng Ban Xã Hội : Đh. Bà Lan Arney ; Phó Trưởng Ban Kiến Thiết : Đh. Nguyễn Ngọc An ; Cố vấn : Cụ Lê Lai, Đh. Nguyễn Hữu Lượng.

Ngoài ra, Đại Hội cũng đồng ý đổi tên chùa Phật Giáo Việt Nam ra Chùa Vạn Đức. Chúng tôi nhiệt liệt chào mừng tân Ban Trị Sự Cộng Đồng Phật Giáo Việt Nam Mississippi và cầu hồng ân Tam Bảo gia hộ quý vị luôn luôn đoàn kết thương yêu, quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, hầu đạt nhiều thành quả tốt đẹp trong công tác kiện toàn tổ chức, phát triển cơ sở và hoằng pháp lợi sanh.

### CHÙA PHẬT GIÁO VIỆT NAM, DENVER, COLORADO

Đáp lời mời của Cộng Đồng Phật Tử tại Denver, Colorado, TT. Thích Trí Chơn đã đến chứng minh, thuyết giảng, chiếu phim dương bản (color slides) về các Phật tích Ấn Độ tại chùa Phật Giáo Việt Nam nhân dịp đại lễ Phật Đản 2533 vào trưa chủ nhật 14-05-1989. Đây là lần đầu tiên bộ phim đặc biệt này được chiếu tại Denver nên đã thu hút hàng trăm đồng bào Phật tử địa phương và phụ cận về tham dự. Sau khi xem, mọi người có cảm tưởng như chính mình được sang hành hương chiêm bái các thánh tích Phật Giáo thiêng liêng tại Ấn Độ mà không tốn tiền vé máy bay.

### CHÙA TỪ ĐÀM HẢI NGOẠI, IRVING, TEXAS

Nhân dịp lễ thượng nguyên Rằm tháng giêng, chùa Từ Đàm đã tổ chức lễ cầu an cho thập phương

bá tánh vào sáng 19-02-1989. Tiếp đến, đại lễ Phật Đản 2533 đã được tổ chức trong khuôn viên chùa vào tối thứ bảy 13-05-89 dưới sự chứng minh chủ lễ của T.T. Thích Tín Nghĩa với sự tham dự của một số chư Tăng và hàng trăm đồng bào Phật tử địa phương.

### **CHÙA LONG VÂN, ORLANDO, FLORIDA**

Nhân chuyến di hoằng pháp tại các tiểu bang miền tây nam Hoa Kỳ, TT. Thích Trí Chơn, đại diện Hội Đồng Chỉ Đạo Trung Ương Giáo Hội PGVN Thống Nhất tại Hoa Kỳ, đã đến viếng thăm thân hữu Hội Phật Giáo Việt Nam miền trung Florida và chùa Long Vân tại Orlando vào các ngày 28 và 29-02-1989. Thượng Tọa đã được ĐD. Thích Hạnh Đạt, trú trì chùa Long Vân, quý đạo hữu : Cụ Đình Văn Kinh (Hội Trưởng), bác sĩ Nguyễn Mậu Hưng (Phó Hội Trưởng Nội Vụ), Hoàng Ngọc Châu (Tổng Thư Ký), Lý Bửng (Thủ Quỹ) và nhiều Phật tử khác trong Ban Trị Sự của Hội tiếp đón niềm nở, thăm thiết đạo tình. Rất tiếc vì thời gian viếng thăm quá ngắn và không gặp ngày cuối tuần nên chùa đã không thể tổ chức để thượng tọa thuyết giảng nói pháp công cộng cho bà con Phật tử được nghe. Tuy vậy, cuộc viếng thăm của thượng tọa đã tạo nên mối liên lạc thân tình giữa Giáo Hội PGVN Thống Nhất tại Hoa Kỳ và Hội PGVN Orlando.

### **CHÙA PHƯỚC HUỆ, MIAMI**

Sau đó, ngày 01-03-1989, ĐD. Thích Hạnh Đạt đã đưa TT. Thích Trí Chơn đi Miami thăm chùa Phước Huệ và Hội Phật Giáo miền nam Florida. Đến nơi, thượng tọa đã được TT. Thích Chánh Lạc, Lãnh Đạo Tinh Thần, quý đạo hữu Huỳnh Bá Như (Hội Trưởng) và Trần Thị Bích Du tức Thuý Trúc (Phó Hội Trưởng Ngoại Vụ) tiếp đón vô cùng thân mật. Sau hơn 3 tiếng đồng hồ lưu lại thăm viếng, đàm đạo Phật sự với TT. Chánh Lạc và quý vị trong Ban Quản Trị, đến 2 giờ chiều TT. Trí Chơn đã rời Miami trở về Orlando. Buổi thăm viếng của thượng tọa tuy ngắn ngủi, nhưng đã gây được nhiều thiện cảm, thắt chặt thêm mối đạo tình giữa Giáo Hội PGVN Thống Nhất tại Hoa Kỳ và Hội Phật Giáo miền nam Florida.

### **CHÙA HẢI ĐỨC, JACKSONVILLE**

Đáp lời mời của Hội Phật Giáo miền đông bắc Florida, chiều thứ sáu 03-03-1989, TT. Thích Trí Chơn đã đến thăm chùa Hải Đức tại Jacksonville. Thượng Tọa đã được bác sĩ Nguyễn Lê Đức (Hội Trưởng), bác sĩ Phạm Ngọc Anh (Tổng Thư Ký), đạo hữu Đỗ Xuân Nho (Ban Báo Chí) và nhiều Phật tử khác trong Ban Trị Sự của Hội tiếp đón hết sức thân tình. Thượng tọa cho biết số Phật tử ở đây không đông so với Orlando nhưng rất có lòng. Cụ thể là ngôi nhà dùng làm chùa hiện nay là của một đạo

hữu vô danh phát tâm cho hội mướn miễn phí, khỏi phải trả tiền nhà mỗi tháng.

Hôm sau, vào lúc 11 giờ sáng thứ bảy 04-03-1989, thượng tọa đã chứng minh, hướng dẫn khóa lễ và thuyết giảng đề tài "*Những lợi ích tu hành theo Phật Giáo của người Phật tử tại gia*" với sự tham dự của rất đông đồng bào Phật tử địa phương. Cuộc viếng thăm của thượng tọa chỉ có một ngày, một đêm, nhưng đã gây cho mọi người con Phật tại Jacksonville có được niềm tin kính sâu xa ngôi Tam Bảo và tinh thần phục vụ cho dân tộc và đạo pháp rất cao.

#### **CỘNG ĐỒNG PHẬT TỬ TẠI TALLAHASSEE**

Sau Jacksonville, đáp lời mời của Cộng Đồng Phật tử tại Tallahassee (thủ đô tiểu bang Florida), TT. Thích Trí Chơn đã đến đây để chứng minh khóa lễ cầu an nhân dịp lễ thượng nguyên Rằm tháng giêng do đạo hữu Hoàng Thống Lập tổ chức tại võ đường Cương Nhu, số 1326 Adams, Tallahassee lúc 7 giờ tối ngày 04-03-1989 với sự tham dự của rất đông bà con Phật tử trong vùng.

#### **CỘNG ĐỒNG PHẬT TỬ TẠI PENSACOLA**

Tiếp đến, TT. Thích Trí Chơn đã đến chứng minh làm lễ Rằm tháng giêng do quý đạo hữu Nguyễn Hữu Điền và Lê Quang Hiến đại diện cộng đồng tổ chức tại Pensacola, miền tây Florida, vào lúc

3 giờ chiều chủ nhật 05-03-1989. Sau khóa lễ, thượng tọa đã thuyết pháp về "*Ý nghĩa và lợi ích của ngôi chùa trong cuộc sống của người Việt tị nạn*". Có hàng trăm Phật tử đã đến dự lễ và nghe pháp. Mọi người đều phấn khởi, đã phát tâm mạnh mẽ trong việc duy trì, bảo vệ truyền thống Phật giáo tại địa phương.

#### **CHÙA PHỔ MINH, FORT SMITH, ARKANSAS**

Đáp lời mời của Cộng Đồng Phật Giáo tại Fort Smith, tiểu bang Arkansas, TT. Thích Tín Nghĩa, Phó Chủ Tịch, đặc trách Gia Đình Phật Tử và Nghi Lễ Giáo Hội PGVN Thống Nhất tại Hoa Kỳ, ngày 12-02-1989 đã đến đây chứng minh thuyết giảng nhân dịp lễ thượng nguyên Rằm tháng giêng. Buổi lễ đã quy tụ rất đông bà con Phật tử xa gần về tham dự.

#### **CỘNG ĐỒNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM COLUMBUS, OHIO**

Nhân chuyến di hoằng pháp tại các tiểu bang miền đông Hoa Kỳ, đáp lời mời của Cộng Đồng PGVN tại Columbus, thủ đô tiểu bang Ohio, TT. Thích Trí Chơn đã đến viếng thăm, chủ lễ cầu an, chiếu phim slides và thuyết giảng về "Các Phật tích Ấn Độ" tại Niệm Phật Đường, 2663 North High Street, vào lúc 2 giờ chiều thứ bảy 15-04-1989. Có rất đông Phật tử và đồng hương đã đến dự lễ và xem chiếu phim, vô cùng phấn khởi.

### **CHÙA VIÊN QUANG, CLEVELAND, OHIO**

Đáp lời mời của Hội PGVN tại Cleveland (Ohio), TT. Thích Trí Chơn đã viếng thăm chùa Viên Quang trong 4 ngày từ 16 đến 19-04-1989. Trong dịp này thượng tọa đã chiếu phim, thuyết giảng về "Phật Tích Ấn Độ" tại chùa vào trưa chủ nhật 16-04-1989 với sự tham dự của hàng trăm Phật tử tại Cleveland và phụ cận.

### **CHÙA GIÁC LÂM, PHILADELPHIA, PENNSYLVANIA**

Đáp lời mời của Cộng Đồng PGVN tại Philadelphia, TT. Thích Trí Chơn từ Cleveland (tiểu bang Ohio) đã đến thăm chùa Giác Lâm Philadelphia trưa thứ tư 19-04-1989. Thượng tọa ở lại đây hoằng pháp trong 4 ngày, đã chủ lễ cầu an và thuyết giảng tại chùa vào sáng thứ bảy 22-04-1989. Có rất đông Phật tử đã về chùa dự lễ và nghe pháp.

### **CHÙA PHÁP HOA, LANCASTER**

Tiếp đến, đáp lời cung thỉnh của Hội PGVN Lancaster (tiểu bang Pennsylvania), TT. Thích Trí Chơn từ Philadelphia đã đến viếng thăm chùa Pháp Hoa tại Lancaster. Thượng tọa đã chủ lễ cầu an, chiếu phim slides và thuyết giảng về "Các Phật tích Ấn Độ" tại chùa vào trưa chủ nhật 23-04-1989. Vì lần đầu tiên bộ phim đặc biệt này được chiếu tại đây nên đã có hàng trăm Phật tử khắp nơi ở Lancaster và

phụ cận như Baltimore (tiểu bang Maryland) và Washington D.C. v.v. về tham dự.

### **CHÙA QUÁN THẾ ÂM, GARDINER, NEW YORK**

Sau Lancaster, đáp lời mời của Chùa Quán Thế Âm tại Gardiner, New York, ngày 27-04-1989 TT. Thích Trí Chơn đã đến đây hoằng pháp trong 3 ngày. Thượng tọa đã chứng minh, làm lễ cầu an, chiếu phim và thuyết giảng về "Phật Tích Ấn Độ" do đạo hữu Diệu Minh tổ chức vào trưa thứ bảy 29-04-1989 tại trường Arlington Elementary, đường Raymond Ave., thành phố Poughkeepsie, New York. Tham dự buổi lễ và chiếu phim đặc biệt này ngoài số đông bà con Phật tử còn có nhiều đồng hương thuộc các hội đoàn người Việt địa phương.

### **CHÙA PHỔ HIỀN, MIDDLESEX, NEW JERSEY**

Sau New York, đáp lời mời của Cộng Đồng Phật tử ở Middlesex, TT. Thích Trí Chơn đã đến New Jersey viếng thăm chùa Phổ Hiền, chiếu phim, thuyết giảng về "Phật Tích Ấn Độ" do đạo hữu Bảo Tịnh tổ chức lúc 1 giờ trưa chủ nhật 30-04-1989 tại hội trường Woodbridge Main Library, đường St. George & Freeman Ave., Woodbridge, New Jersey với sự tham dự của hàng trăm đồng hương và Phật tử trong vùng.

## **CỘNG ĐỒNG PHẬT TỬ BAYOULABATRE, ALABAMA**

Đáp lời mời của Cộng Đồng Phật Tử tại Bayoulatre, tiểu bang Alabama, TT. Thích Trí Chơn đã đến đây viếng thăm, chứng minh và thuyết giảng vào dịp lễ Phật Đản 2533 do các đạo hữu trong cộng đồng tổ chức vào lúc 5 giờ chiều ngày 24-05-1989 với sự tham dự của rất đông đồng bào Phật tử địa phương.

## **CHÙA CỔ LÂM, SEATTLE, WASHINGTON**

Mặc dù gặp bão tuyết ở Alaska đổ về, Cộng Đồng PGVN Seattle, tiểu bang Washington dưới sự lãnh đạo tinh thần của ĐĐ. Thích Nguyên An, đã tổ chức hội chợ Tết, lễ giao thừa tại chùa Cổ Lâm vào đêm chủ nhật 05-02-89, với pháo đốt vang rền và rất đông khách thập phương đã về chùa chen chúc nhau lễ Phật, xin xăm, hái lộc đầu năm. Tiếp đến, lễ thượng nguyên Rằm tháng giêng được chùa cử hành vào trưa 18-02-89. Cũng trong ngày này, chùa đã tổ chức lễ kỷ niệm Hai Bà Trưng tại phòng sinh hoạt Lạc Hồng với sự hiện diện đông đảo của các đoàn thể, quan khách và sinh viên học sinh. Nhằm khuyến khích Phật tử tu tập, chùa đã tổ chức khóa tu bát quán trai vào ngày 25-03-89 vừa qua và tương lai chùa sẽ tổ chức tu như vậy mỗi tháng một lần. Để mừng ngày đức Phật ra đời, chùa Cổ Lâm đã tổ chức đại lễ Phật Đản 2533 tại khuôn viên chùa vào trưa

20-05-89 dưới sự chứng minh và thuyết giảng của TT. Thích Tín Nghĩa, viên chủ chùa Từ Đàm Hải Ngoại ở Texas, với sự tham dự của hàng trăm đồng bào Phật tử địa phương và phụ cận.

## **HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM OLYMPIA, TIỂU BANG WASHINGTON**

Sau nhiều tháng vận động, xúc tiến của các thiện hữu trí thức và đồng bào Phật tử, Hội Phật Giáo Việt Nam tại Olympia, thủ đô tiểu bang Washington đã được chính thức thành lập, làm lễ ra mắt vào ngày 02-01-89, dưới sự chứng minh của ĐĐ. Thích Nguyên An, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Tăng Sự, Giáo Hội PGVN Thống Nhất tại Hoa Kỳ, và tham dự của đông đảo bà con Phật tử địa phương. Chúng tôi kính gửi lời chào mừng Hội PGVN Olympia và cầu nguyện Tam Bảo gia hộ cho quý Hội gặp nhiều thuận duyên trên bước đường phát triển cơ sở, tu học và hoằng pháp lợi sanh.

## **CHÙA THIÊN TÔN, VANCOUVER, CANADA**

Đáp lời mời của Cộng Đồng PGVN tại Vancouver, TT. Thích Tín Nghĩa đã đến thuyết giảng, chứng minh đại lễ Phật Đản 2533 vào trưa chủ nhật 21-05-9 tại chùa Thiên Tôn, Vancouver, dưới sự lãnh đạo, trụ trì của ĐĐ. Thích Nguyên Tịnh, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Hoằng Pháp, Giáo Hội PGVN Thống Nhất tại Canada. Có hàng trăm đồng bào

Phật tử tại địa phương và phụ cận đã về dự lễ và nghe pháp.

### **CHÙA VẠN HẠNH, VICTORIA**

Tiếp đến, đáp lời cung thỉnh của Cộng Đồng PGVN tại Victoria thuộc tỉnh British Columbia (Canada), TT. Thích Tín Nghĩa đã đến đây chứng minh và thuyết pháp vào dịp đại lễ Phật Đản 2533 tổ chức tại chùa Vạn Hạnh vào ngày thứ hai 22-05-89 với sự tham dự của rất đông bà con Phật tử trong vùng.

### **TIN GIÚP ĐỠ TĂNG NI VÀ PHẬT TỬ TẠI TRẠI TỊ NẠN PULAU BIDONG, MÃ LAI**

Sau khi nhận được thư của ĐĐ. Thích Nguyên Lạc gửi bác sĩ Tôn Thất Niệm, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Xã Hội, Từ Thiện Giáo Hội PGVN Thống Nhất tại Hoa Kỳ, cho biết về cuộc sống thiếu thốn khổ cực của các Tăng Ni và đồng bào Phật tử ở trại tị nạn Pulau Bidong, Mã Lai, Giáo Hội đã gửi qua ĐĐ. Thích Nguyên Lạc số tiền 538 Mỹ kim để Đại Đức đại diện Giáo Hội lo giúp đỡ cho quý vị Tăng Ni và Phật tử tại trại tị nạn nói trên.

### **TIN VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC CỦA GIÁO HỘI PGVN THỐNG NHẤT HẢI NGOẠI TẠI ĐÀI LOAN**

Chúng tôi rất vui mừng được biết một cơ sở giáo dục nhằm đào tạo chư tăng (xuất gia) và cư sĩ Phật

tử (tại gia) trở thành những học giả Phật học tài đức để phụng sự Phật Giáo khắp nơi trên thế giới, đã được thành lập tại Đài Bắc (Taipei), thủ đô Đài Loan (Taiwan), dưới sự điều hành của TT. Thích Tịnh Hạnh, tốt nghiệp tiến sĩ (Ph.D.) Quốc Gia tại Đài Loan, và đương kim Chủ tịch Nội Vụ Giáo Hội PGVN Thống Nhất tại Hoa Kỳ.

Chương trình dạy từ trình độ cử nhân (B.A.) đến tiến sĩ (Ph.D.) Phật Học. Ngoài Phật Giáo, trường còn dạy các môn như triết học Ấn Độ, Trung Quốc, Tây Phương, khoa học, tâm lý học ; cổ ngữ Pali, Sanskrit (Phạn), các thứ tiếng Trung Hoa, Tây Tạng, Nhật, và Anh văn v.v., nhằm giúp sinh viên sau khi ra trường có khả năng hoằng pháp rộng rãi.

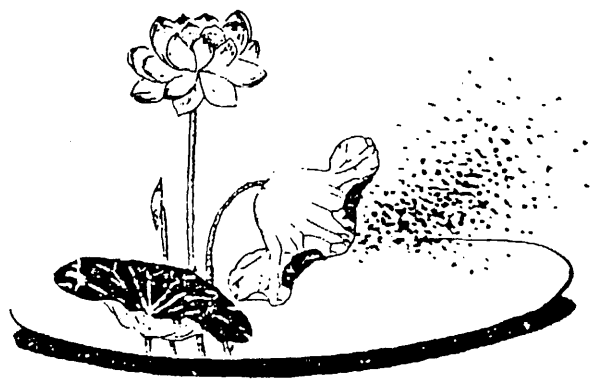
Cơ sở này nhằm đào tạo hai thành phần :

1- Xuất gia : Huấn luyện chư Tăng trở thành nhân tài chuyên môn có khả năng hoằng pháp, đáp ứng với mọi trình độ kiến thức của đủ hạng người trong xã hội cũng như có trình độ phiên dịch tam tạng kinh điển Phật giáo từ các ngoại ngữ (Hán, Pali, Anh, Nhật v.v...) ra tiếng Việt.

2- Tại gia : Quý vị Phật tử cư sĩ này phải thọ huấn ít nhất 5 năm, gồm 4 năm học vấn và 1 năm thực tập. Nếu xuất sắc, họ có thể được gửi đi phụ trách Phật sự tại các cơ sở Phật giáo, có lương và có thể lập gia đình ; nhưng trong thời gian thọ huấn phải độc thân. Mỗi người mới đến phải tập cho quen với hoàn cảnh sinh hoạt địa phương từ 3 đến 6 tháng.

Và trong suốt thời gian thọ huấn, mọi chi phí ăn ở đều do TT. Viện Trưởng Thích Tịnh Hạnh cung cấp. Muốn biết thêm chi tiết xin liên lạc :

Chinese Buddhist College  
P.O. Box 8-264  
Taipei, TAIWAN  
(R.O.C.)  
Tel : (02) 361-3015  
361-3016



# TRÌ ÂN

Chúng tôi chân thành tri ân những vị ân nhân hảo tâm ủng hộ Tập-San :

Phật tử Bốn Nhơn & Bốn Thiện .....	\$100.00
Pt. Nguyễn Văn Hòe Pd. Minh Quang	\$20.00
Pt. Lê Sinh Pd. Diệu Trí .....	\$30.00
Pt. Mai Thị Nguyễn & Tín Trọng .....	\$20.00
Pt. Đào Vĩnh Phúc .....	\$30.00
Pt. Chơn Quán .....	\$20.00
Pt. Bé Yên Pd. Diệu Hòa .....	\$5.00
Pt. Bé Ngoan Pd. Diệu Lý .....	\$1.00
Pt. Bé Phúc Pd. Minh Đức .....	\$1.00
Pt. Hà Ngọc Trâm .....	\$3.00
Pt. Phyllis .....	\$100.00





# HÌNH ẢNH SINH HOẠT



Vào dịp vía Quán-Thế-Âm 19-2-Kỷ Tỵ (1989), Phật-Học-Viện Quốc-Tế cử hành đại lễ khánh thành đài Quán-Âm lộ thiên trên 600 người tham dự.



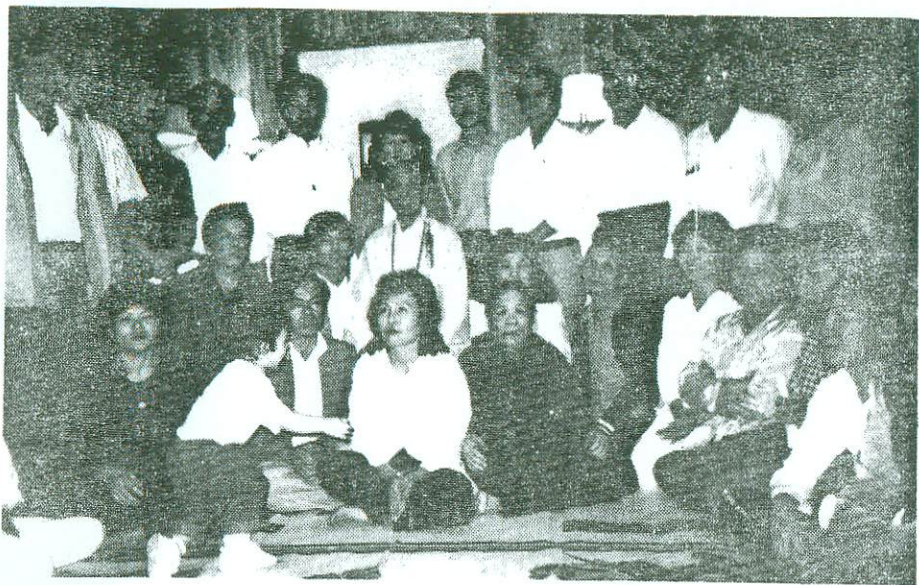
Mỗi sáng chủ nhật, sau khi lạy Sám-Hối Hồng-Danh, nghe thầy giảng kinh xong, các Phật tử tự động làm công quả trong vườn thiền Phật-Học-Viện.



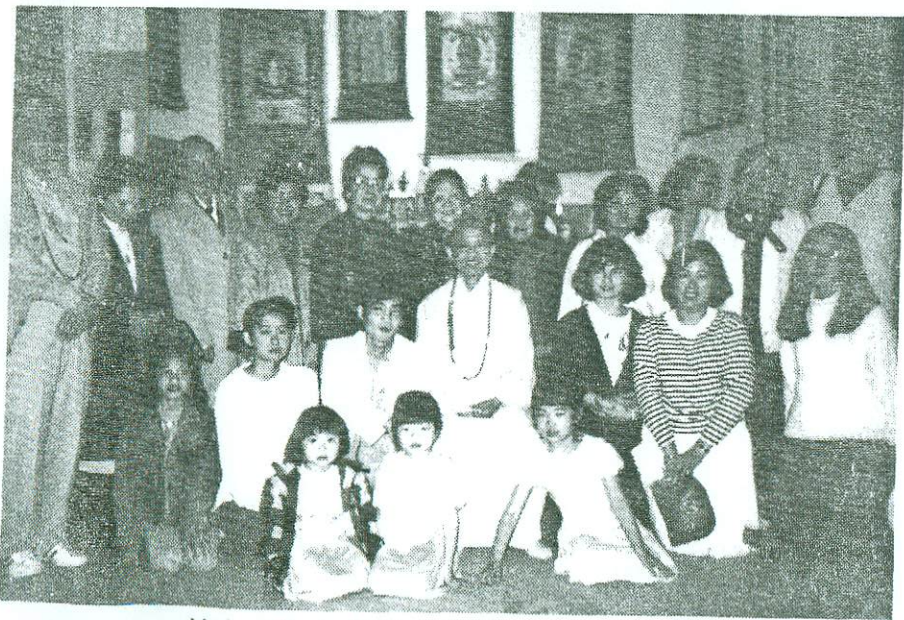
Ngày 3-3-1989, T.T. Thích-Trí-Chơn đến thăm, thuyết giảng tại Chùa Hải-Đức, Jacksonville, Florida.



T.T. Thích-Trí-Chơn chủ lễ Rằm Tháng Giêng Kỷ-Tỵ và thuyết giảng do Cộng Đồng Phật tử tổ chức tại Tallahassee (Florida), tối 4-3-1989.



Sau khi làm lễ, nghe thuyết pháp chiều 5-3-1989, đồng bào Phật tử tại Pensacola (Florida) đã cùng T.T. Thích-Trí-Chơn chụp hình lưu niệm.



Ngày 15-4-1989, T.T. Trí Chơn đến thăm, chiếu phim, thuyết giảng Phật Tích Ấn Độ tại cộng đồng Phật Giáo Việt Nam ở Columbus, Ohio.



Phật tử Chùa Viên-Quang, Cleveland (Ohio) đến dự xem buổi chiếu phim Phật Tích Ấn-Độ do T.T. Trí-Chơn thuyết trình vào trưa 16-4-1989.



Phật tử Chùa Giác-Lâm tại Philadelphia chào mừng, tiếp đón T.T. Trí-Chơn đến viếng thăm, hoàng pháp từ ngày 19 đến 22-4-1989.



T.T. Thích-Tín-Nghĩa đang giảng ý nghĩa ngày đức Phật Thành-Đạo tại Chùa Phổ-Minh, Fort Smith (Arkansas) ngày 15-1-1989.



Nhân dịp thượng nguyên Rằm tháng giêng Kỷ Tỵ, T.T. Tín-Nghĩa đến chứng minh, thuyết pháp tại Chùa Phổ-Minh (Arkansas) ngày 12-2-1989.



Ngày 23-4-1989, T.T. Thích-Trí-Chơn đến viếng thăm, chiếu phim, thuyết giảng Phật Tích Ấn-Độ tại Chùa Pháp-Hoa, Lancaster (Pennsylvania).



Ban Trị Sự và Phật tử tiếp đón T.T. Trí-Chơn đến thăm, thuyết giảng tại Hội Phật Giáo Richmond (Virginia) tối 25-4-1989.



Ngày 26-4-1989, T.T. Trí-Chơn đến thăm, thuyết giảng tại Hội Phật Giáo miền Đông Nam Virginia ở Newport News.



Đ.Đ. Thích-Phụng-Son và Phật tử Chùa Hoa Nghiêm, Fort Belvoir (Virginia) tiếp đón T.T. Thích Trí-Chơn đến thăm, thuyết giảng tối 27 4 1989.



Phật tử Chùa Quán-Thế-Âm đến dự xem T.T. Trí-Chơn chiếu phim Phật Tích Ấn-Độ tại trường Arlington Elementary, Poughkeepsie, New York chiều 29-4-1989.



T.T. Trí-Chơn đến thăm, thuyết giảng Phật Tích Ấn-Độ do Chùa Phổ-Hiền tổ chức ngày 30-4-1989 tại Main Library, Woodbridge, New Jersey.

**天生參茸藥材公司**

**HAN SAN COMPANY**

841 N. BROADWAY  
LOS ANGELES, CA 90012  
TEL. (213) 689-4738

**PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ**

Phật-Học-Viện Quốc-Tế là nơi đào tạo tăng ni tài đức, chân tu thật học ; là nơi hướng dẫn Phật tử thuần chơn tiến tu trên đường giác ngộ.

Phật-Học-Viện Quốc-Tế là nơi cung ứng những kinh sách Phật giáo giá trị, là nơi thỉnh tượng Phật, chuông mõ, chuỗi hạt, áo tràng lễ và các Phật cụ v.v... cần dùng cho hành giả.

**Phật-Học-Viện Quốc-Tế**  
9250 Columbus Ave.  
Sepulveda, CA 91343 - U.S.A.  
Tel. (818) 893-5317

**協和行**  
**HIP WOO HONG**

733 A NEW HIGH ST. (CHINATOWN)  
LOS ANGELES, CA 90012  
PHONE: Bus (213) 628-0041



**ĐẠI HẠ GIÁ CÁC MÓN HÀNG,  
NHÂN SÂM CAO LY SÂM  
VÀ CÁC THỰC AN Á ĐÔNG**

(Trước cửa chợ MAN WAH và VIỆT HOA)  
- ĐẶC BIỆT: Đông Y Sĩ Hứa Tứ Thất tốt nghiệp Quốc Y Chuyên Khoa Trung Quốc, Trên 30 năm kinh nghiệm, đã có phông mạch THỌ KHANG, ĐƯỢC PHÒNG (ường Hồng Bàng chợ An Đông)  
- Phục vụ thường trực, xem mạch miễn phí cho quý đồng hương

- **CHUYÊN TRỊ** Thân kinh suy nhược mất ngủ thân suy, bệnh tâm trí, bệnh đại đường, bệnh kinh đau, bệnh bạch đới, Gan, bao tử và những chứng bệnh nội khoa khác.

- **TẠP HOA**: Thực phẩm Đông Phương nhiều loại đặc biệt - Sâm và Nhung đủ loại

**TIÊM THUỐC BẮC VÀ TẠP HOA**  
**HIP WOO HONG**  
Kính Mời

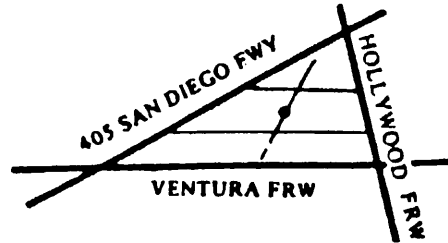


# Phan's PHARMACY

6900 VAN NUYS BLVD  
VAN NUYS, CA. 91405  
Tel: ( 818 ) 988 - 6191

SAN FERNANDO VALLEY, VAN NUYS, NORTH  
HOLLYWOOD, BURBANK, NORTHRIDGE, CANOGA  
PARK V.V.....

- \* THUẬN ĐƯỜNG ( GIỮA 3 LỘ CHÍNH VÀ XE BUÝT )
- \* BÁN TRỤ SINH, THUỐC TRỊ ÁP HUYẾT CAO,  
TIM, LOÉT BAO TỬ, TÊ THẤP, THẦN KINH v.v.....  
MIỄN TOA CỦA BÁC SĨ ĐỂ GỞI VỀ VIỆT NAM.
- \* THUỘC "MEDICAL BUILDING" CÓ NHIỀU  
BÁC SĨ VÀ BÀI ĐẠU XE RỘNG RÃI
- \* NGAY PHỐ THƯƠNG MẠI CHÍNH - GIỮA  
SHERMAN WAY VÀ VICTORY BLVD, GẦN  
VALLEY HOSPITAL.
- \* ĐẠI DIỆN LÃNH GỞI QUÀ VỀ SGN, ĐÀ NẴNG  
HÀ NỘI BẰNG HÀNG KHÔNG AIR FRANCE



## BÁC SĨ NGUYỄN HỮU TUẤN

Y KHOA TỔNG QUÁT VÀ GIA ĐÌNH

CANOGA PARK, CA 91303  
22030 Sherman Way # 211  
(Góc Topanga Canyon Bl)

(818) 884-7424

**GIỜ KHÁM BỆNH :**  
**SÁNG :** THỦ HAI, TƯ, BẢY.  
9:00 AM - 12:30 PM  
**CHIỀU :** THỦ BA, NĂM, SÁU.  
1:30 PM - 6:00 PM



VAN NUYS, CA 91405  
6850 Van Nuys Blvd # 304  
Lầu 3 (giữa Phan Pharmacy &  
Valley Federal Savings Bank)  
(818) 994-2498

**GIỜ KHÁM BỆNH :**  
**SÁNG :** THỦ BA, NĂM, SÁU.  
9:00 AM - 12:30 PM  
**CHIỀU :** THỦ HAI, TƯ, BẢY.  
2:30 PM - 6:30 PM

*Xin thông báo cùng Quý vị thân chủ :*

*Kể từ ngày 01 tháng 02 năm 1988. Văn Phòng chúng tôi có nhận thêm Bảo Hiểm của các Hãng :*

**MAXICARE - CIGNA - PRUDENTIAL PLUS - METLIFE CALIFORNIA CARE -  
CARE AMERICA - H.G.I.**

Muốn biết thêm chi tiết về các Hãng Bảo Hiểm trên, xin liên lạc với Văn Phòng Bác Sĩ.

**NHẬN MEDI-CAL & BẢO HIỂM**

**PHONE KHẨN CẤP THƯƠNG TRỰC NGÀY ĐÊM : (818) 884-7424**

TRUNG TÂM Y-NHA-DUỐC VAN NUYS

B.S LÊ PHƯỚC LỘC

RICHARD LE M.D

6900 Van Nuys Blvd, Suite # 7., Van Nuys, CA 91405

Tel : (818) 989-2406 - 989-2407

NHI KHOA & Y KHOA TỔNG QUÁT

AMERICAN BOARD OF PEDIATRICS - HỘI VIÊN Y SĨ ĐOÀN HOA KỲ  
TỪ 1985 TỐT NGHIỆP MICHEAL REESE HOSPITAL/CHICAGO, HÀNH  
NGHỆ Ở NEW ORLEANS TỪ 1984-85, NGUYỄN NỘI TRÚ TULANE MED  
CENTER/NEW ORLEANS, NGUYỄN THƯỜNG TRÚ WHITE MEM MED  
CENTER/LA.

GIỜ LÀM VIỆC :

Thứ Hai - Thứ Sáu : 9AM - 7PM  
Thứ Bảy : 9AM - 5PM  
Chủ Nhật : Nghỉ

CHUYÊN TRỊ :

- \* Các bệnh trẻ em liên quan đến tăng trưởng tiêu hóa, hô hấp, tim mạch, xương khớp, tiểu đường, nội tiết, thận gan, thiếu máu.
- \* Các bệnh người lớn : Đau đầu, đau khớp, đau ngực, phong thấp, ho suyễn, táo bón và các bệnh người già cao huyết áp, đau lưng, nhức khớp, ù tai, ăn khó tiêu, mất ngủ v.v...
- \* Các bệnh phụ khoa : Kinh nguyệt không đều, ngừa thai, thủ thai, khám thai v.v...
- \* Các bệnh thanh thiếu niên : Mụn, bệnh ngoài da, Hoa Liễu.
- \* Thương tích nghề nghiệp : Gãy xương.

ĐẶC BIỆT :

- \* Khám định kỳ trẻ em sơ sinh.
- \* Chích ngừa và khám nhập học.
- \* Khám sức khỏe định kỳ theo CHDP.
- \* Lập giấy y khoa tiền hôn phối.
- \* Nhận làm bác sĩ gia đình.
- \* Hợp tác với chương trình Bông Sữa (WIC).
- \* Trực tiếp điều trị liên tục nếu nhập viện vùng Van Nuys/ Sherman Way/ Panorama và San Fernando Valley.

ĐỊA ĐIỂM :

- \* Cạnh PHAN'S PHARMACY.
- \* Cạnh NHA SĨ LÊ THÀNH HOÀ & PHAN THỊ MỸ HẠNH.

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - BẢO HIỂM  
KINH NGHIỆM - TẬN TÂM - DỤNG CỤ TỐI TÂN

BÁC SĨ NHA KHOA  
LÊ NHƯ THƯỜNG

7217 DE SOTO AVE.  
CANOGA PARK, CA 91303

(818) 704-0749

- \* Nguyên nhân viên giảng huấn Đại Học Nha Khoa Sài Gòn.
- \* Tu nghiệp tại London University England.

- Khám răng định kỳ.
- Nha khoa phòng ngừa.
- Nha khoa thẩm mỹ.
- Chữa răng người lớn.
- Làm răng giả các loại.



KINH NGHIỆM — TẬN TÂM  
KỸ LƯỜNG

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

GIỜ LÀM VIỆC :

Thứ Hai - Thứ Bảy : 9AM — 7PM

*Công Chúc Tân Xuân*

BÁC SĨ NHA KHOA

**LÊ THÀNH HÒA**

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA

**PHAN THỊ MỸ HẠNH**

- KHAM RĂNG TỔNG QUÁT ĐỊNH KỲ
- TRỊ CÁC BỆNH VỀ RĂNG - MIỆNG
- LÀM RĂNG GIÁ CÁC LOẠI

\* Nhận Medical và Bảo hiểm

**ALHAMBRA**

407 W. MAIN ST.  
ALHAMBRA, CA. 91801  
( 818 ) 281-6642

Giờ làm việc:

Thứ hai đến Thứ bảy: 9 AM - 6 PM



**VANNUYS**

6900 VANNUYS BLVD. Suite: 14  
VANNUYS, CA. 91504 - ( 818 ) 904-0224  
( cũng building với PHAN Pharmacy )

Giờ làm việc:

Thứ hai đến Thứ sáu : 10 AM - 6 PM

Thứ bảy ..... : 10 AM - 4 PM

**CENTRAL VALLEY MEDICAL CLINIC**

7227 RESEDA Blvd., RESEDA, CA 91335

TEL. (818) 708-7227

**BÁC SĨ NGUYỄN VĂN HUNG, M.D.**

Bác Sĩ Điều Trị Olive View Medical Center  
(Khu Cấp Cứu Và Quang Tuyến)



**BÁC SĨ TRƯƠNG NGỌC THẠCH, M.D.**

Bác Sĩ Điều Trị Olive View Medical Center  
(Khu Theo Dõi Nội Khoa Và  
Chương Trình Sản Súc Toàn Diện)

**CHUYÊN TRỊ :**

**NỘI THƯƠNG :** Mệt mỏi - Lo âu - Nhức mỏi - Đau lưng -  
Phong thấp - Nhức đầu - Cao máu - Thiếu  
máu - Tiểu đường - Tức ngực - Hen suyễn -  
Ung loét bao tử - Tri - Bệnh nhiễm trùng.

**NGOẠI THƯƠNG :** Tiểu giải phẫu - Cột ống dẫn tinh - Cát da  
qui đầu.

**PHỤ NỮ & THAI SẢN :** Đau bụng có kinh - Kinh nguyệt không đều  
- Huyết trắng - Ngừa thai - Thâm thai -  
Theo dõi thai sản.

**TRẺ EM :** Cảm ho - Tiêu chảy - Táo bón - Ói mửa -  
Chảy máu cam - Khám bệnh và chích ngừa  
nhập học - Cấp bóng sữa theo Chương  
Trình WIC.

**NGOÀI DA :** Mụn cóc - Mụn bọc - Trùng cá - Lang ben -  
Ghè ngứa.

**TAI NẠN LƯU THÔNG**

**& NGHỀ NGHIỆP :** Vật lý trị liệu.

**NHẬN MEDICAL - MEDICARE - BẢO HIỂM**

**GIỜ LÀM VIỆC :** Thứ Hai - Thứ Sáu : 9AM - 8PM  
Thứ Bảy - Chủ Nhật : 9AM - 3PM

**BÃI ĐÁU XE RỘNG RÃI, MIỄN PHÍ**





18541 Sherman Way, Suite 201., RESEDA, CA 91335

TEL : (818) 996-0440

**HOME LOAN**

<p><b>QUICK QUALIFIER</b>                  20% down — 131 suối thay đổi                  Không cần VDE, VOD, W2, TAX Return...                  Không cần SOCIAL SECURITY                  Không cần CREDIT 1.0E.                  Không cần bất kỳ khoản payment là gì.  <b>NHANH CHÓNG — DỄ DÀNG</b></p>	<p><b>LÃI XUẤT CỐ ĐỊNH</b>                  45 YEAR GEM <b>6.29%</b>                  START RATE MAY 10 50                  30 YEAR GEM 7.87% MAX 16.87%                  Adjustable 8.9% (for 30 year only) 7.9% (for 45 year)</p>
<p><b>APARTMENT LOAN</b>  <b>8.375%</b>                  13 3/8% HỒ DÀ HOẶC HỒ Đ                  1% THAY ĐỔI 2 THÁNG</p>	<p><b>FIXED RATE</b>                  15 năm : 10%                  30 năm : 10.25%</p>

**ĐẶC BIỆT**

**MƯỢN TIỀN SỬA NHÀ (HOME IMPROVEMENT LOAN)**

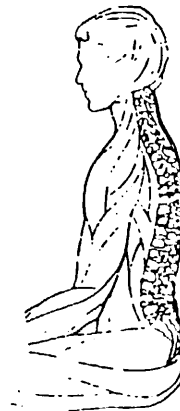
- NHÀ: Có thể mượn từ \$5,000 đến \$17,500
- DUPLEX: Có thể mượn từ \$17,501 đến \$26,250
- FOURPLEX: Có thể mượn từ \$35,001 đến \$43,750

TẤT CẢ HỒ SƠ VAY MƯỢN ĐỀU ĐƯỢC PROCESSED VÀ PACKAGED NGAY TẠI VĂN PHÒNG *FIRST FINANCIAL EXPRESS* CỦA CHÚNG TÔI ĐỂ BẢO ĐẢM VỚI QUÍ VỊ SẼ VAY ĐƯỢC TIỀN MUA CĂN NHÀ MONG MUỐN

**THÀNH TÍN • KÍN ĐẢO • NHANH CHÓNG**

<p>• <b>KENT CƯỜNG T. HUYNH</b>                  Loan Officer / Owner</p>	<p>• <b>LÊ CÔNG HẢI</b>                  Mortgage Broker / Owner                  Licensed Consumer Financing Lender</p>
<p>• <b>BRIAN MÔN HOÀNG</b>                  Loan Officer / Owner</p>	
<p>• <b>LỘC VĂN TRƯƠNG</b>                  Loan Consultant</p>	<p>• <b>PETER NAM PHẠM</b>                  Loan Officer</p>
<p>• <b>TRANG NGUYỄN</b>                  Loan Processor</p>	<p>• <b>ERIC TUẤN NGUYỄN</b>                  Loan Officer</p>

*Làm đẹp bằng  
 phương pháp  
 Nam châm*



**MỘT PHƯƠNG PHÁP MỚI CỦA NHẬT-BẢN LÀM TAN NẾP NHĂN & LÀM TRẺ LẠI :**

- Không dùng kim...an toàn & không đau
- Trị liệu bằng Nam-Châm
- Bằng phương pháp Ấn-Ma-Huyệt & Accupressure.

**ĐẶC BIỆT TRỊ LIỆU CHO :**

- Nhức đầu nửa bên, nhức đầu kinh niên !
- Allergy (sổ mũi, ngứa mũi theo mùa.)
- Đau vai, nhức chân, đau giầy thần kinh tọa, phong thấp, đái đường.
- Khó thở, suyễn, bệnh về thận.
- Đau lưng, đau cột xương sống .....



**WOODLAND HILLS CHIROPRACTIC CENTER**  
 6301 DESOTO AVENUE., SUITE F.  
 WOODLAND HILLS, CA 91367

**ĐOÀN THỊ LAN**

- *Oriental Medicine, General Practice*
- *National Commission Certified Acupuncture*
- *Đã hàng nghề 8 năm ở Việt-Nam, Switzerland và U.S.A.*

Điện thoại : (818) 883-2226 - (818) 884-9823

## Bác Sĩ CHÂU VĂN KIỆT

9411 BOLSA AVE., Suite B. \* WESTMINSTER, CA 92683  
ĐIỆN THOẠI : (714) 531-4591

Y KHOA TỔNG QUÁT VÀ CHUYÊN CHÂM CỨU

CHUYÊN TRỊ: Nội và ngoại thương người lớn, trẻ em.

- Các bệnh đau nhức mỏi, nhức đầu, đau lưng, lạnh hai chân, tê thấp, bại xứ, cơ thể bạc nhược, số mũi kinh niên, thận suy.
- Thâm thai, bệnh phụ nữ.
- Khám sức khỏe tổng quát, chích ngừa, khám sức khỏe nhập học.
- Khám và cấp bông sữa cho trẻ em và sản phụ (chương trình WIC).

ĐẶC BIỆT: LO CÁC TAI NẠN LƯU THÔNG, LAO ĐỘNG  
NHẬN LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH

Giờ khám bệnh: THỨ HAI - THỨ BẢY : 9 giờ sáng đến 6 giờ chiều

XIN GỌI ĐIỆN THOẠI ĐỂ LẤY HẸN

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - BẢO HIỂM

## DANH'S PHARMACY

9182 BOLSA AVENUE  
WESTMINSTER, CA 92683  
(714) 892-4407 • 891-2218

## LINH'S PHARMACY

9191 BOLSA AVENUE, SUITE 102  
WESTMINSTER, CA 92683  
TEL: (714) 891-3644

- Nhà thuốc tây Việt Nam đầu tiên tại Hoa Kỳ
- Trung tâm nhận gửi quà về Việt Nam
- Trung tâm nhận gửi thuốc tây từ Pháp và Mỹ về Việt Nam
- Thuốc tây với phẩm chất tinh vi, giá khó ai bì.

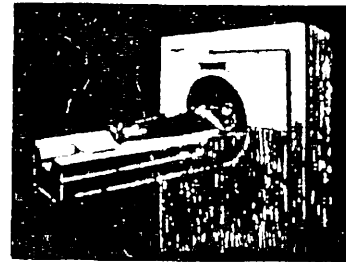


Thuốc trị RỤNG TÓC - ANABION -

- \* Tóc bị gãy, chẻ ngọn \* Làm sợi tóc phát triển mạnh
- \* Nuôi dưỡng nền tóc đẹp óng ánh \* Nam nữ đều dùng

## TRUNG TÂM QUANG TUYẾN MAGNOLIA

- BS. PHÙNG G. THANH VÀ ĐỒNG NGHIỆP MỸ VIỆT
- ĐẶC BIỆT CHỤP VÚ: KHÔNG CẦN BS. GIỚI THIỆU
- DO NỮ CHUYÊN VIÊN ĐẢM NHIỆM
- CÓ MÁY CAT SCAN TẠI CHỖ



14571 MAGNOLIA ST., Ste 101  
WESTMINSTER, CA 92683  
(714) 893-1915

GIỜ MỞ CỬA  
Thứ Hai - Thứ Sáu  
10 AM - 6 PM  
Thứ Bảy  
10 AM - 4 PM

## Bác Sĩ Nha Khoa

# Huyền Thị Hạnh



14571 Magnolia Ave., #202,  
Westminster, CA 92603,

ĐT: (714) 897-9985

Thứ Hai đến Thứ Bảy: 10AM-6PM



Nha Khoa Thẩm Mỹ và Phòng Ngừa

Làm răng giả đủ loại

Máy móc lõi titan

Đã hành nghề lâu năm tại Tân Đình ở Minnesota

Nguyên giảng viên Đại học Nha Khoa Minnesota,

bộ môn trám răng và làm răng giả

## NHA KHOA TỔNG QUÁT

Phòng mạch tại:

MAGNOLIA CLINIC

(góc Magnolia và Hazard)

Bác Sĩ

# BÙI NGỌC DIỆP

THẠC SĨ Y KHOA NỘI THƯƠNG HOA KỲ  
THẠC SĨ CÁC BỆNH VỀ MÁU & UNG THƯ



- TRI: Nội khoa, Tổng quát: Người lớn và Trẻ em.
- CHUYÊN TRI: Tiểu đường, áp huyết cao, phong thấp, ho suyễn, đau tim, bao tử, ruột, gan, thận, xương.



## ĐẶC BIỆT:

- Bệnh về máu (thiếu máu, dư máu, máu loãng, máu đông)
- Ung thư (vú, phổi, bao tử, xương)



NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

Phòng mạch Garden Grove  
(Giữa Brookhurst và Euclid)  
□□□□□□  
10292 Westminster Ave.  
Garden Grove, CA. 92643

Tel: (213) 924-0258 • XIN VUI LÒNG HẸN TRƯỚC  
(714) 537-7358



*Bác Sĩ Lã Hoàng Trung*

DIPLOMATE OF THE AMERICAN BOARD OF PEDIATRICS  
BỆNH SƠ SINH, BỆNH TRẺ EM & THANH THIẾU NIÊN

14571 Magnolia Street., Suite # 210  
Westminster, CA 92683  
Tel. (714) 894-3103

## GIỜ LÀM VIỆC

THỨ HAI - THỨ SÁU 9AM - 5:30PM  
THỨ BẢY 10AM - 4PM

MAY  
PHARMACY

ÁI LUCIA TRẦN  
*Registered Pharmacist*

14571 MAGNOLIA AVE # 104  
WESTMINSTER, CA 92683  
(714) 893-2697 \* 531-3560

WARNER-BRISTOL  
PHARMACY

TRẦN ĐỨC HIẾU  
*Registered Pharmacist*

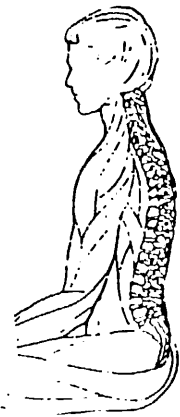
1120 W. WARNER  
SANTA ANA, CA 92707  
(714) 549-3666

- Bán thuốc theo toa Bác-Sĩ
- Bán đầy đủ các loại thuốc thông thường
- Nhận Medical và các loại bảo hiểm
- Nhận Visa Master Card

Giờ mở cửa :

THỨ HAI đến THỨ BẢY 9:30AM - 7:00PM

*Làm đẹp bằng  
phương pháp  
Nam châm*



**MỘT PHƯƠNG PHÁP MỚI CỦA NHẬT-BẢN LÀM TAN NẾP  
NHÂN & LÀM TRẺ LẠI :**

- \* Không dùng kim...an toàn & không đau
- \* Trị liệu bằng Nam-Châm
- \* Bằng phương pháp Ấn-Ma-Huyệt & Accupressure.

**ĐẶC BIỆT TRỊ LIỆU CHO :**

- \* Nhức đầu nửa bên, nhức đầu kinh niên !
- \* Allergy (sổ mũi, nhảy mũi theo mùa.)
- \* Đau vai, nhức chân, đau gầy thần kinh tọa, phong thấp, đái đường.
- \* Khó thở, suyễn, bệnh về thận.
- \* Đau lưng, đau cột xương sống .....



**WOODLAND HILLS CHIROPRACTIC CENTER**  
6301 DESOTO AVENUE., SUITE F.  
WOODLAND HILLS, CA 91367

**ĐOÀN THỊ LAN**

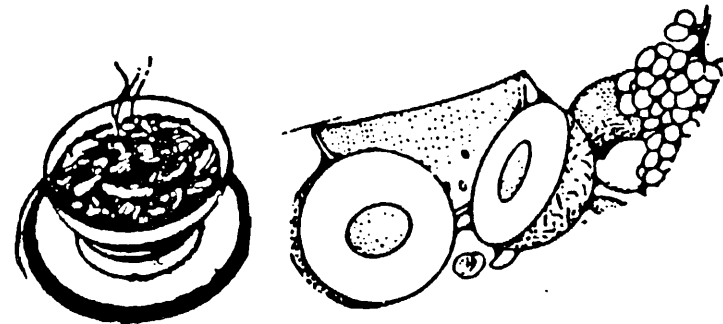
- \* *Oriental Medicine, General Practice*
  - \* *National Commission Certified Acupuncture*
  - \* *Đã hàng nghề 8 năm ở Việt-Nam, Switzerland và U.S.A.*
- Điện thoại : (818) 883-2226 - (818) 884-9823

**THE BODHI GARDEN  
VEGETARIAN RESTAURANT**  
菩提緣素菜館  
**QUÁN CƠM CHAY**

**BỒ ĐỀ DUYÊN**

1498 SUNSET BLVD #2 LOS ANGELES, CA 90028

TEL: (213) 250-9023



*Đầy đủ các món ăn tinh khiết bổ dưỡng cho  
Cơm trụi, Cơm chiều do đầu bếp chuyên nghiệp  
về món ăn chay đảm trách.*

- **NHÂN ĐẶC TIỆC**
- **CƠM PHẦN**

**MÓN ĐẶC BIỆT THAY ĐỔI HÀNG TUẦN VÀ NGÀY RẼM  
MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN**



BÁC SĨ NHA KHOA  
**HỒ VĂN PHÚ**

- Nha Khoa Gia Đình : trám, nhổ, chữa tủy răng
- Khám răng định kỳ • Nha Khoa Phòng Ngừa
- Làm răng giả các loại • Sửa răng thẩm mỹ

TẠI

**CHINATOWN CENTER**

625 W. College St. #104

Los Angeles, CA. 90012

Phone: (213) 617-0098

Kế cận French Hospital  
và chợ Ái Hoa

**SOUTH BAY CENTER**

15024 Prairie Ave.

Hawthorne, CA. 90250

Phone: (213) 978-8993



XIN VUI LÒNG ĐIỆN THOẠI LẤY HẸN TRƯỚC  
NHẬN MEDICAL và RÁO HIỂM

CHUYÊN MÔN KHOA NHI ĐỒNG TẠI LONG BEACH

**BÁC SĨ HỒNG MAI, M.D**

2146 E. ANAHEIM ST., LONG BEACH, CA 90804

TEL. (213) 439-7227 \* 24 Hrs.

- AMERICAN BOARD OF NEONATOLOGY  
DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF PEDIATRICS

Cựu Nội Trú Bệnh Viện Nhi Đồng Saigon  
Bác Sĩ Điều Trị Bệnh Viện Nhi Đồng, Quảng Đông



\* CHUYÊN MÔN BỆNH TRẺ SƠ  
SINH CẤP CỨU (Neonatology) VÀ  
BỆNH NHI ĐỒNG (Pediatrics).

\* BỆNH THANH THIẾU NIÊN.

\* *Bác Sĩ Điều Trị Tại St. Mary Medical Center,  
Long Beach Memorial, Long Beach Community  
Hospital, Huntington Memorial Pasadena.*

\* *Cộng Tác Chương Trình Bông Sữa WIC.*

\* *Đích Thân Sản Súc Trẻ Sơ Sinh Tại Bệnh Viện.*



**SINH HOẠT**

# PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ

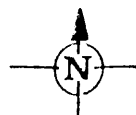
## THỜI KHÓA TU HỌC TĂNG NI SINH :

Ngoài thời khóa thiền môn qui củ tu niệm sáng chiều tối ra, đặc biệt mỗi sáng chủ nhật lúc 6 giờ Lễ Sám-Hối Hồng-Danh. Tiếp theo, 8 giờ giảng kinh. Hằng ngày tăng ni sinh theo học chương trình thể pháp ở các trường trung, đại học công lập. Tối học chương trình Phật Pháp tại Phật-Học-Viện.

## THỜI KHÓA TU HỌC CƯ SĨ :

Mỗi chủ nhật lúc 6 giờ sáng Phật tử các nơi vân tập về Phật-Học-Viện lễ Sám-Hối Hồng-Danh. 8 giờ nghe thuyết pháp. 11 giờ Quá-Đường thọ trai kinh hành niệm Phật. Tiếp theo vào lúc 2 giờ 30 chiều khóa lễ cầu nguyện. 3 giờ 30 thuyết pháp.

Kính mời đồng bào Phật tử tùy hỷ tham dự ngõ hầu thành hoa thánh thiện đời mình.



## HƯỚNG VẼ

### PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ

9250 Columbus Ave.  
Sepulveda Ca 91343  
(818) 893-5317  
(818) 894-9929

#### LỘ TRÌNH HƯỚNG DẪN ĐI FREEWAY

##### TỪ SAN FRANCISCO hay FRESNO :

Lấy Free-way 5 South, exit Osborn, quẹo mặt --- gặp Nordhoff quẹo mặt --- gặp Sepulveda Blvd quẹo mặt --- gặp Tupper quẹo mặt, P.H.V. nằm ngay góc đường Tupper và Columbus. Hoặc lấy Free-way 405 South, exit Nordhoff quẹo trái --- gặp Sepulveda Blvd quẹo trái --- gặp Tupper St. quẹo mặt --- gặp Columbus Ave là tới P.H.V.Q.T.

##### TỪ SAN DIEGO :

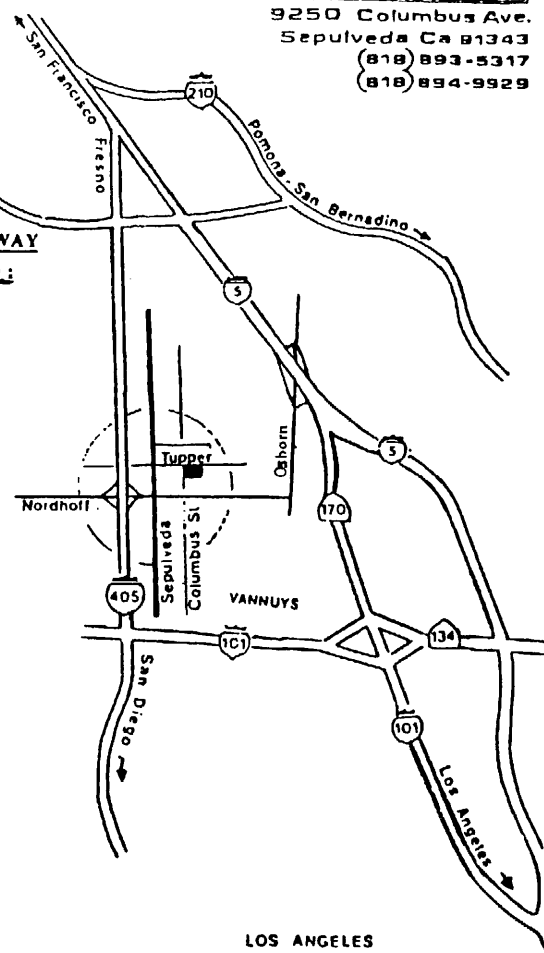
Lấy Free-way 405 North Bakersfield, exit Nordhoff quẹo mặt --- gặp Sepulveda Blvd quẹo trái --- gặp Tupper quẹo mặt --- gặp Columbus Ave tới P.H.V.Q.T.

##### TỪ DOWNTOWN LOS ANGELES :

Lấy Free-way 101 West, rồi lấy Free-way 101 North, rồi lấy Free-way 405 North Bakersfield, exit Nordhoff quẹo mặt, gặp Sepulveda Blvd quẹo trái, gặp Tupper St. quẹo mặt, gặp Columbus Ave tới P.H.V.Q.T. Hoặc lấy Free-way 5 North, exit Osborn quẹo trái, gặp Nordhoff quẹo mặt, gặp Sepulveda quẹo mặt, gặp Tupper quẹo mặt, gặp Columbus Ave tới P.H.V.Q.T.

#### XIN LƯU Ý :

Xin vui lòng theo lộ trình hướng dẫn trên để dễ dàng đến P.H.V., vì đường Columbus bị cắt quãng.



LOS ANGELES